

Hành trình đến 2030

Chu kỳ tăng trưởng mới của Việt Nam

KPMG Việt Nam

Tháng 10 năm 2026

Từ viết tắt

Các từ viết tắt sử dụng trong báo cáo.

Viết tắt	Tên đầy đủ	Viết tắt	Tên đầy đủ
AI	Trí tuệ nhân tạo	IFRS	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế
APA	Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế	IICA	Tài khoản vốn đầu tư
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	IRC	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
B2C	Doanh nghiệp với người tiêu dùng	ISF	Quỹ hỗ trợ đầu tư
BEPS	Xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận	JETP	Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng
BESS	Hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin	JSC	Công ty cổ phần
BLT	Lệ phí môn bài	JSCB	Ngân hàng thương mại cổ phần
BRO	Phòng Đăng ký kinh doanh	KCN	Khu công nghiệp
C/O	Giấy chứng nhận xuất xứ	KCX	Khu chế xuất
CAGR	Tốc độ tăng trưởng kép hằng năm	KER	Vùng kinh tế trọng điểm
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn & tiết kiệm	KKT	Khu kinh tế
CAT	Thuế chuyển nhượng vốn	LLC	Công ty trách nhiệm hữu hạn
CBAM	Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon	LLR	Dự phòng rủi ro tín dụng
CbCR	Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia	M&A	Mua bán & sáp nhập
CEPA	Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện	MAE	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
CPTPP	Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	MAP	Thủ tục thỏa thuận song phương
DICA	Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp	MIC	Bộ Thông tin và Truyền thông
DLCN	Dữ liệu cá nhân	MLI	Công ước đa phương
DOF	Sở Tài chính	MNE	Doanh nghiệp đa quốc gia
DPPA	Cơ chế mua bán điện trực tiếp	MOF	Bộ Tài chính
DTA	Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	MOST	Bộ Khoa học và Công nghệ
DTI	Chỉ số chuyển đổi số	NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
EFTA	Hiệp hội Thương mại tự do châu Âu	NIM	Biên lai ròng
ERC	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	NSO	Cục Thống kê Việt Nam
ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị	p/a	mỗi năm
ETR	Thuế suất thực tế	PPP	Đối tác công tư
EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU	PSRD	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
FCT	Thuế nhà thầu nước ngoài	QDMTT	Thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	QHĐ8	Quy hoạch điện VIII
FMCG	Hàng tiêu dùng nhanh	R&D	Nghiên cứu & Phát triển
FTA	Hiệp định thương mại tự do	RO	Văn phòng đại diện
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	SI	Công nghiệp hỗ trợ
GDPR	Quy định chung về bảo vệ dữ liệu	SOCB	Ngân hàng thương mại nhà nước
GII	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu	TNCN	(Thuế) thu nhập cá nhân
GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn	TNDN	(Thuế) thu nhập doanh nghiệp
GTCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh nhân tài toàn cầu	TTĐB	(Thuế) tiêu thụ đặc biệt
GTGT	(Thuế) giá trị gia tăng	TTTC	(Thuế) Tối thiểu toàn cầu
HCMC	Thành phố Hồ Chí Minh	UKVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Vương quốc Anh
HR	Nguồn nhân lực	VAS	Hệ thống kế toán Việt Nam
IED	Thuế xuất nhập khẩu	VIFC	Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam
IFC	Trung tâm tài chính quốc tế	WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

Mục lục

01

Lời mở đầu

Trang 04

02

Cập nhật kinh tế
vĩ mô Việt Nam

Trang 06

03

Khám phá
tiềm năng ngành

Trang 26

04

Hướng tới
phát triển bền vững

Trang 52

05

Môi trường
đầu tư
tại Việt Nam

Trang 57

06

Phụ lục

Trang 81

Lời cảm ơn

Ấn phẩm *Hành trình đến 2030: Chu kỳ tăng trưởng mới của Việt Nam* được chủ trì và biên soạn bởi **Trần Thanh Tâm, Phạm Phương Thảo, Đỗ Kiều Trinh, Lưu Mai Trang và Phạm Thị Bích Hiền**, những người đã dẫn dắt công tác nghiên cứu, phân tích và xây dựng ấn phẩm này.

Chúng tôi cũng xin ghi nhận những đóng góp quý báu và góc nhìn chuyên môn của **Đinh Thị Viên, Lại Thùy Linh, Lê Thái Hoàng, Nguyễn Trung Thắng, Lưu Thị Phương Chi, Nguyễn Thùy Dương, Đặng Đức Giang và Nguyễn Phương Thúy**.

Công tác thẩm định và giám sát chuyên môn được thực hiện bởi **Nguyễn Ngọc Thái, Hà Vũ Định, Trần Thị Thúy Hà và Richard Stapley-Oh**.

Hỗ trợ truyền thông cho ấn phẩm được thực hiện bởi **Nguyễn Thị Thu Tâm, Nguyễn Khánh Giang và Nguyễn Hoàng Thanh Tú** thuộc bộ phận Marketing & Truyền thông. **Trần Trung Nguyên, Nguyễn Hoàng Khang và Trần Mai Anh** hỗ trợ thiết kế và sản xuất.

Báo cáo cũng tham khảo góc nhìn từ các lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức trên khắp Việt Nam, góp phần định hình các phân tích và kết luận trong ấn phẩm này.

01

Tóm tắt

Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng 8,2% trong nửa đầu năm 2026 – khởi đầu ấn tượng nhất trong suốt 15 năm qua. Tuy nhiên, đây mới chỉ là điểm khởi đầu chứ chưa phải đích đến cuối cùng. Để đạt mục tiêu tăng trưởng 10%, đất nước cần duy trì một tốc độ chưa từng có tiền lệ.

Đà tăng trưởng này là hoàn toàn thực tế. Vốn FDI đăng ký đã tăng vọt 61%, đạt 34,65 tỷ USD. Tổng kim ngạch thương mại đang hướng tới mốc 1.000 tỷ USD. Vào tháng 9 năm 2026, việc FTSE Russell nâng hạng thị trường đã mở ra cơ hội tiếp cận nguồn vốn toàn cầu ở một đẳng cấp mới. Sân bay Long Thành sẽ đi vào hoạt động từ tháng 12 năm 2026, và IFC cũng đã sẵn sàng triển khai các hoạt động kinh doanh. Nghị quyết số 10 cũng đã truyền tải thông điệp rõ ràng: Việt Nam hiện ưu tiên chất lượng đầu tư thay vì chỉ chú trọng vào số lượng.

Đối với các nhà đầu tư, trọng tâm câu hỏi đã thay đổi. Vấn đề không còn là xây dựng nhà máy ở đâu, mà là nơi nào phù hợp để triển khai công nghệ, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) cũng như phân bổ nguồn vốn.

Song hành với đó là những rủi ro hiện hữu:

- Nguồn lực tập trung: Ba quốc gia đóng góp tới 80% vốn FDI mới, và khu vực phía Bắc thu hút 81% trong số đó.
- Nhu cầu vốn: cần 1.500 tỷ USD đến năm 2030, trong đó 78% từ khu vực tư nhân, trong khi biên lợi nhuận ngân hàng thu hẹp.
- Năng lượng: cần bổ sung 7-8 GW công suất mới mỗi năm để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng.
- Tâm lý thận trọng của người tiêu dùng: doanh thu bán lẻ tăng 12,9% theo giá hiện hành nhưng chỉ tăng 7,3% thực tế.
- Áp lực bên ngoài: biến động thuế quan của Hoa Kỳ, kiểm soát xuất xứ chặt chẽ hơn, các khoản phí CBAM đầu tiên vào năm 2027, và Thuế tối thiểu toàn cầu làm giảm hiệu quả của các chính sách ưu đãi.
- Thực thi pháp luật nghiêm ngặt hơn: các chế tài xử phạt mới về bảo hiểm xã hội, dữ liệu và an ninh mạng.

Tuy nhiên, đây không phải là lý do để chần chừ hay chờ đợi. Thay vào đó, doanh nghiệp cần hành động một cách chuẩn xác: lựa chọn địa điểm dựa trên khả năng cung ứng điện và nguồn nhân lực chất lượng, sớm xây dựng chuỗi cung ứng nội địa, và coi việc tuân thủ quy định là điều kiện tiên quyết để hoạt động.

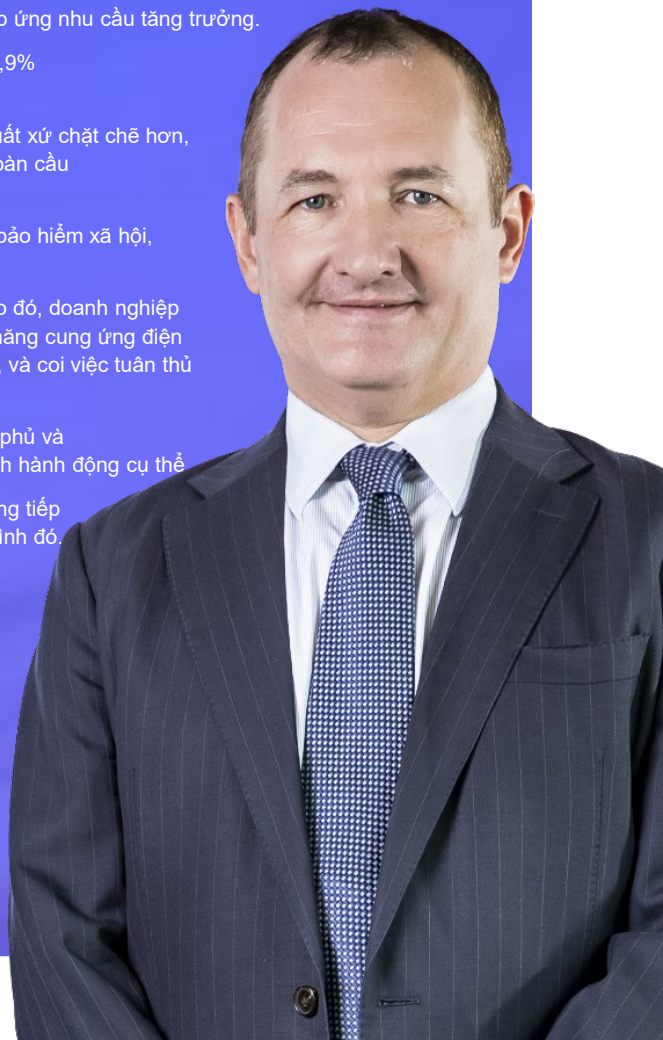
Đó chính là lĩnh vực mà KPMG nỗ lực mỗi ngày, sát cánh cùng chính phủ và các nhà lãnh đạo doanh nghiệp để hiện thực hóa các chính sách thành hành động cụ thể.

Báo cáo này là góc nhìn trung thực của chúng tôi về chu kỳ tăng trưởng tiếp theo của Việt Nam, đồng thời là lời mời gọi cùng tham gia vào hành trình đó.



Warrick Cleine MBE

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Điều hành
KPMG Việt Nam và Campuchia





Cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam

Tổng quan quốc gia

Các chỉ số kinh tế vĩ mô

Dân số



102.5 triệu
(2026DB)

GDP danh nghĩa



527 tỷ USD
(2026DB)

Tăng trưởng
GDP



8.2% (6T 2026)
10% (2026MT)

GDP bình quân
đầu người



5,120 USD
(2026DB)

Cơ cấu GDP



Dịch vụ 43.5%
CN&XD 37.7%
NLTS 10.6%
Thuế 8.2%

Lạm phát



4.4% (6T 2026)
4.5% (2026MT)

FDI và M&A

Tổng vốn FDI



34.65 tỷ USD
(▲61%)

Dự án cấp phép mới



2,013 dự án
(▲1.3%)

Ngành chủ lực



Chế biến, chế tạo (61.9%)
Năng lượng (17.7%)

Đối tác chính



Singapore (42.1%)
Hàn Quốc (31.4%)
Nhật Bản (6.9%)

Giá trị M&A



3.3 tỷ USD
(2025)

Sức hấp dẫn của địa bàn



18 Hiệp định
thương mại tự do
đang có hiệu lực



34 cảng biển
309 bến cảng



22 sân bay đang khai thác
5 sân bay đang xây dựng



10.8 tỷ USD vốn
FDI giải ngân vào
chế biến, chế tạo



17.7 triệu lao động
trong CN&XD
(▲2.8%)

Chú thích: DB – Dự báo; MT – Mục tiêu; CN&XD – Công nghiệp và xây dựng; NLTS – Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Thuế – Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

Tất cả số liệu là số liệu thực tế của 6 tháng đầu năm 2026 (6T 2026), trừ khi có ghi chú khác.

Tốc độ tăng trưởng thể hiện mức thay đổi của 6T 2026 so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: Economist Intelligence Unit (EIU); Bộ Tài chính; Capital IQ, VIR, Phân tích của KPMG; WTO và Trung tâm Thương mại Quốc tế; Cục Thống kê (NSO); Bộ Xây dựng

Việt Nam dẫn đầu tăng trưởng

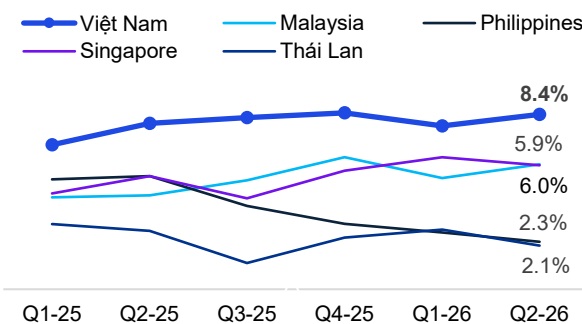
Trong 6 tháng đầu năm 2026, GDP Việt Nam tăng 8,2%, mức tăng nửa đầu năm cao nhất trong 15 năm, nhờ sự phục hồi ở cả ba khu vực kinh tế. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu đầy tham vọng 10% cho cả năm, Việt Nam cần tăng tốc chưa từng có và xử lý các thách thức trong nửa cuối năm.

1. ĐỘNG LỰC NGÀNH & SO SÁNH VỚI KHU VỰC

Việt Nam thể hiện sức chống chịu nổi bật trước bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy thách thức, với quy mô đạt khoảng 514 tỷ USD năm 2025 và tốc độ tăng trưởng ấn tượng 8,02%.

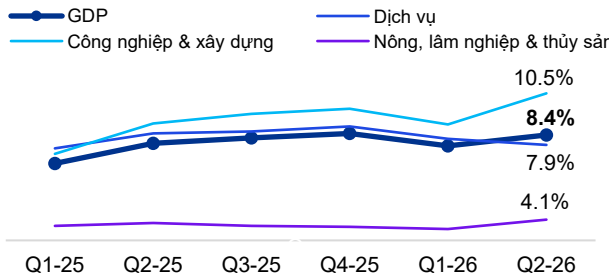
Tăng trưởng nửa đầu năm của Việt Nam dẫn đầu khu vực nhờ sản xuất công nghiệp mạnh mẽ và lĩnh vực dịch vụ ổn định.

Tăng trưởng GDP của một số nước ASEAN (%)



Nguồn: NSO, EIU

Tăng trưởng GDP theo quý của Việt Nam theo lĩnh vực kinh tế (%)

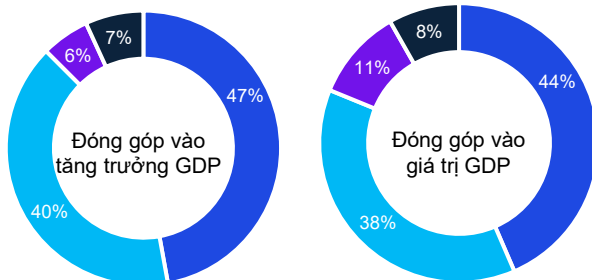


Nguồn: NSO

Mặc dù công nghiệp đang dẫn dắt đà tăng trưởng, cơ cấu cân bằng này củng cố vị thế điểm đến đầu tư hàng đầu của Việt Nam, kết hợp nền tảng xuất khẩu vững chắc với trụ cột là dịch vụ tiêu dùng nội địa quy mô lớn.

Cơ cấu kinh tế Việt Nam, 6T 2026 (%)

- Dịch vụ
- Công nghiệp & xây dựng
- Nông, lâm nghiệp & thủy sản
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp



Nguồn: NSO

2. MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG ĐẦY THAM VỌNG

Theo Nghị quyết của Quốc hội tháng 4/2026, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu của Việt Nam như sau:

≥10%

Tăng trưởng GDP bình quân hàng năm trong 5 năm tới (2026-2030)

8,500 USD

GDP bình quân đầu người đến năm 2030

Top 30

nền kinh tế lớn nhất thế giới theo GDP vào năm 2030

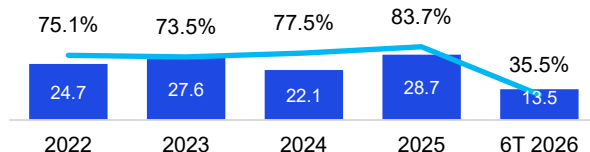
Nguồn: Chính phủ Việt Nam

3. CÁC TRỤ CỘT KINH TẾ NỘI TẠI

Kế hoạch giải ngân đầu tư công năm 2026 của Việt Nam đạt mức kỷ lục 41 tỷ USD. Chính phủ đặt mục tiêu giải ngân trên 95% tổng vốn được giao nhằm hỗ trợ các mục tiêu tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Phát triển hạ tầng giao thông tiếp tục là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ trong đầu tư công, bởi đây nhanh xây dựng hạ tầng chiến lược sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế dài hạn.

Giá trị giải ngân đầu tư công (tỷ USD) & Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)



Nguồn: Bộ Tài chính

Về tiêu dùng, dự kiến 26% dân số sẽ gia nhập tầng lớp trung lưu vào cuối năm 2026.

Bên cạnh đó, việc Việt Nam chính thức trở thành nền kinh tế có thu nhập trung bình cao đã khẳng định quỹ đạo tăng trưởng dài hạn. Dấu mốc này, cùng với tầng lớp trung lưu đang mở rộng, tạo nền tảng vững chắc hơn cho tiêu dùng nội địa, qua đó thúc đẩy lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng.

Các quốc gia thu nhập trung bình cao tại Đông Nam Á

Quốc gia	Năm gia nhập	GNI bình quân đầu người, 2025 (USD)
Malaysia	1992	12,380
Thái Lan	2011	7,690
Indonesia	2020	5,360
Việt Nam	2026	4,970
Philippines	2026	4,850

Ngưỡng thu nhập trung bình cao: 4.636 USD – 14.375 USD

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Phân loại thu nhập các quốc gia năm tài chính 2027 (01/07/2026)

Thích ứng với chuyển dịch dân số

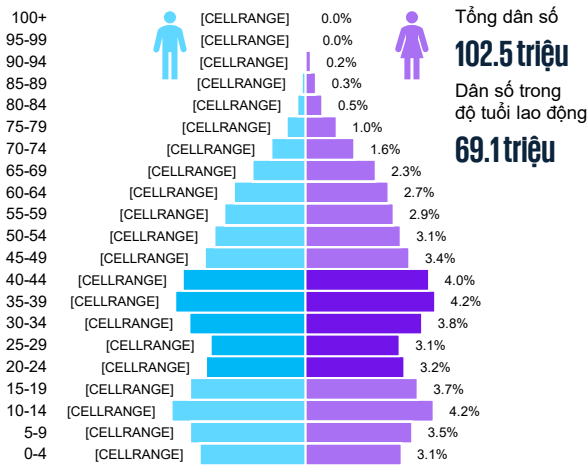
Dù đối mặt với xu hướng già hóa ngày càng nhanh, lực lượng lao động đông đảo của Việt Nam vẫn tương đối trẻ và có lợi thế chi phí cao so với các nước trong khu vực. Sự dịch chuyển lao động nhanh chóng khỏi nông nghiệp tiếp tục cung cấp nguồn nhân lực mới, có kỹ năng cho các ngành sản xuất và dịch vụ giá trị cao.

1. BỨC TRANH NHÂN KHẨU HỌC ĐANG THAY ĐỔI

Mặc dù nền tảng dân số dài hạn của Việt Nam bắt đầu thu hẹp, thị trường lao động hiện tại vẫn mang lại cơ hội đầu tư đầy triển vọng.

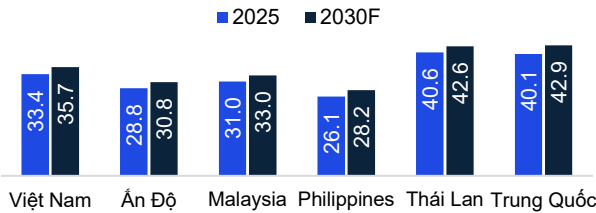
Hơn hai phần ba dân số vẫn trong độ tuổi lao động, với lực lượng nòng cốt đông đảo, năng động ở độ tuổi 20-45.

Dân số Việt Nam, 2026DB



Nguồn: populationpyramid.net

Độ tuổi trung vị tại một số quốc gia châu Á



Nguồn: World Economics

Với độ tuổi trung vị 33.4, Việt Nam sở hữu lực lượng lao động trẻ và năng động hơn đáng kể so với các đối thủ sản xuất chủ chốt trong khu vực như Trung Quốc và Thái Lan.

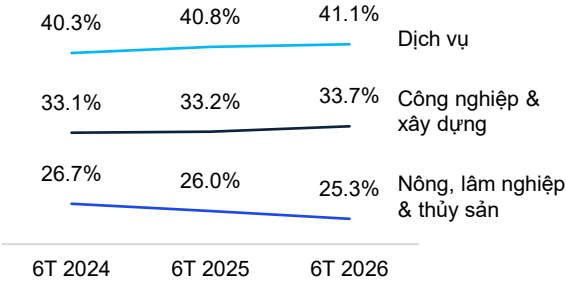
2. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU GIA TĂNG NGUỒN CUNG

Cơ cấu lao động đang chuyển dịch từng bước phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Lao động trong khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng tiếp tục tăng cả về số lượng và tỷ trọng, trong khi lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm dần.

Quá trình chuyển dịch lao động nhiều năm trực tiếp đảm bảo nguồn nhân lực ổn định, linh hoạt cho các trung tâm sản xuất và dịch vụ mới nổi, thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế có giá trị gia tăng cao hơn.

Phân bổ lao động theo lĩnh vực kinh tế của Việt Nam



Nguồn: Cục Thống kê

3. CAN THIỆP CHÍNH SÁCH

Đối với nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm lực lượng lao động năng động và có tay nghề, Việt Nam ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tình hình lao động tại Việt Nam ghi nhận một số tín hiệu tăng trưởng tích cực.

29.7%

Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (▲0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ)

61.9%

Tỷ lệ lao động phi chính thức (▼2,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ)

Nguồn: Cục Thống kê

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đặt nền móng cho việc tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị số và sản xuất công nghệ cao.

Đồng thời, trọng tâm chính sách đang chuyển sang chuẩn hóa nền kinh tế và giảm tỷ lệ lao động phi chính thức thông qua mở rộng độ bao phủ an sinh xã hội và ưu đãi đăng ký kinh doanh.

Ý nghĩa trong tương lai

Ngắn hạn:

- Nhóm dân số đông đảo 20-45 tuổi thúc đẩy tăng trưởng quy mô trong ngành hàng tiêu dùng nhanh, giáo dục tư thực và bất động sản đô thị.
- Dịch chuyển lao động liên tục từ nông nghiệp sang sản xuất giúp bù đắp áp lực già hóa giai đoạn đầu.

Trung hạn:

- Việt Nam đang tiến gần tới giai đoạn "xã hội già", theo con đường mà Trung Quốc và Hàn Quốc từng trải qua.
- Độ tuổi trung vị tăng buộc các ngành phải chuyển từ lắp ráp chi phí thấp sang công nghệ cao và giá trị gia tăng cao.
- Nhu cầu tiêu dùng chuyển từ số lượng sang chất lượng, thúc đẩy chăm sóc sức khỏe cao cấp, sức khỏe toàn diện và quản lý tài sản.

Kim ngạch thương mại kỷ lục

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt mức cao kỷ lục, tăng 27.1% so với cùng kỳ. Cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng trưởng hai con số, đưa thương mại cả năm có khả năng vượt mốc lịch sử 1,000 tỷ USD.

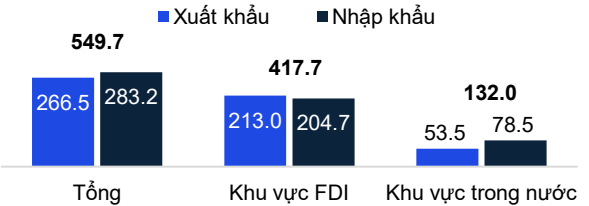
1. THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA – TỔNG QUAN

Năm 2025, Việt Nam xếp thứ 18 toàn cầu trong số các nền kinh tế xuất khẩu lớn nhất thế giới, với kim ngạch xuất khẩu 473 tỷ USD.

Trong 6T 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 549.7 tỷ USD, tăng mạnh 27.1% so với cùng kỳ. Mức nhập siêu 16.7 tỷ USD chủ yếu do nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất tăng, chứ không phải hàng tiêu dùng, cho thấy doanh nghiệp chủ động tích trữ nguyên liệu để đáp ứng nhu cầu thị trường trong tương lai.

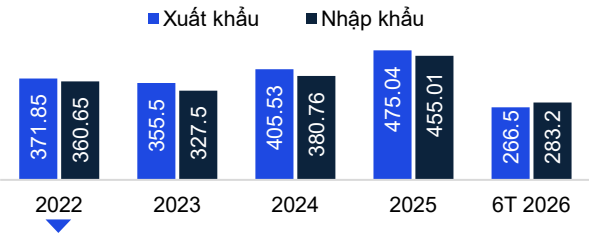
Đáng chú ý, khu vực FDI chiếm 76% tổng kim ngạch thương mại, xuất siêu 8.3 tỷ USD, bù đắp một phần mức nhập siêu 25.0 tỷ USD của khu vực trong nước.

Kim ngạch thương mại theo khu vực, 6T 2026 (tỷ USD)



Trong giai đoạn 2026-2030, hoạt động thương mại của Việt Nam dự kiến tiếp tục tăng trưởng, nhưng tốc độ có thể dần ổn định so với giai đoạn tăng trưởng nhanh 2024-2025.

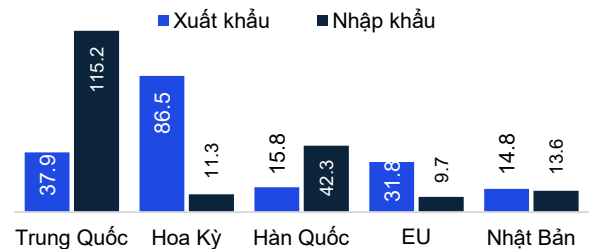
Kim ngạch thương mại qua các năm (tỷ USD)



RCEP có hiệu lực

Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam và là điểm đến chính của hàng nông sản xuất khẩu. Trong khi đó, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, mang lại kim ngạch lớn bất chấp áp lực chi phí logistics.

Các đối tác thương mại hàng đầu, 6T 2026 (tỷ USD)

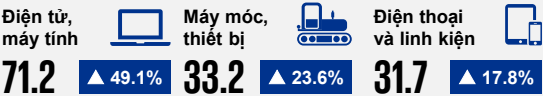


Nguồn: Tổ chức Thương mại Thế giới, NSO, Cục Hải quan

2. CÁC NGÀNH TĂNG TRƯỞNG CAO

Giai đoạn tăng trưởng mới sẽ chủ yếu được dẫn dắt bởi các ngành công nghệ cao, sản xuất xanh và kinh tế số. Điện tử và linh kiện sẽ chiếm ưu thế trong cả xuất khẩu và nhập khẩu, trong khi các ngành sản xuất truyền thống tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng.

Mặt hàng xuất khẩu chủ lực, 6T 2026 (tỷ USD, % tăng so với cùng kỳ)



Mặt hàng nhập khẩu chủ lực, 6T 2026 (tỷ USD, % tăng so với cùng kỳ)



Nguồn: NSO, Cục Hải quan

3. THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU ĐỂ ĐẠT MỤC TIÊU

546-550 tỷ USD Mục tiêu kim ngạch xuất khẩu cả năm 2026 của Việt Nam, tương ứng mức tăng trưởng dự kiến 15-16%.

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu còn nhiều bất định, Chính phủ đang triển khai nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu trong thời gian còn lại của năm:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Quyết định số 771/QĐ-BCT sửa đổi, bãi bỏ 36 thủ tục hành chính, tập trung đơn giản hóa thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ (C/O).
- Hướng dẫn mới giúp Việt Nam tiệm cận chuẩn mực quốc tế hiện đại khi cho phép thương nhân trong nước tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN.
- Thông tư số 12/2026/TT-BCT bãi bỏ các quy định lỗi thời, nhằm nâng cao tính minh bạch và nhất quán trong quản lý thương mại.

Tối đa hóa lợi ích từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và đẩy nhanh ký kết các FTA mới

- Quyết định số 771/QĐ-BCT trực tiếp áp dụng đối với C/O ưu đãi và không ưu đãi theo các FTA chủ chốt như với ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, CPTPP, RCEP và Vương quốc Anh, nhằm tận dụng ưu đãi thuế quan.
- Việt Nam vừa hoàn tất đàm phán FTA với Hiệp hội Thương mại tự do châu Âu, mở ra thêm cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu.

Nguồn: NSO, Cục Hải quan, Bộ Công Thương

FTA – bộ phận thương mại

Sự hội nhập sâu rộng của Việt Nam thông qua 18 hiệp định thương mại khu vực và toàn cầu mang lại khả năng chống chịu chuỗi cung ứng vượt trội cho nhà đầu tư đa quốc gia. Kết hợp tỷ lệ tận dụng FTA ngày càng tăng với hơn 80 DTA, doanh nghiệp nước ngoài có thể tối ưu hóa chi phí ngay lập tức trên các hành lang tiêu dùng chủ chốt.

1. TỔNG QUAN

Mạng lưới rộng lớn gồm 18 Hiệp định thương mại tự do (FTA) hiện nay giúp Việt Nam trở thành điểm đến hàng đầu, có sức cạnh tranh cao cho thương mại toàn cầu và đầu tư nước ngoài.

Bằng cách kết nối quan hệ khu vực ASEAN với các quan hệ đối tác thương mại quốc tế lớn, Việt Nam đã trở thành cửa ngõ quan trọng dẫn tới thị trường 700 triệu dân đang bùng nổ, đồng thời là trung tâm xuất khẩu hàng đầu toàn cầu.

Các FTA đang có hiệu lực tại Việt Nam, tháng 8/2026

2026	-----●	Việt Nam – EFTA
2026	———●	Việt Nam – UAE
2024	———●	Việt Nam – Israel
2022	———●	RCEP (ASEAN+5)
2021	———●	Việt Nam – Vương quốc Anh
2020	———●	Việt Nam – EU (EVFTA)
2019	———●	CPTPP (TPP11)
2019	———●	ASEAN – Hồng Kông
2016	———●	Việt Nam – Liên minh Kinh tế Á – Âu
2015	———●	Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)
2014	———●	Việt Nam – Chile
2010	———●	ASEAN – Úc – New Zealand (AANZFTA)
2010	———●	ASEAN – Ấn Độ (AIFTA)
2009	———●	Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA)
2008	———●	ASEAN – Nhật Bản
2007	———●	ASEAN – Hàn Quốc
2003	———●	ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)
1993	———●	ASEAN

Nguồn: WTO và Trung tâm Thương mại Quốc tế

So sánh với một số quốc gia châu Á, 2026

FTA với/giữa	Việt Nam	Malaysia	Thái Lan	Philippines	Indonesia	Campuchia	Trung Quốc
ASEAN	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
ASEAN – Trung Quốc	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hàn Quốc	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Nhật Bản	✓	✓	✓	✓	✓	✓	-
ASEAN – Ấn Độ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	-
ASEAN – Úc – New Zealand	✓	✓	✓	✓	✓	✓	-
Chile	✓	✓	✓	✓	✓	-	✓
CPTPP	✓	✓	-	-	○	-	-
EU	✓	○	○	○	✓	-	-
EAEU	✓	○	○	-	✓	○	-
Vương quốc Anh	✓	✓	-	-	-	-	-
RCEP	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Israel	✓	-	○	✓	-	-	○
UAE	✓	✓	○	✓	✓	✓	○
EFTA	✓	✓	✓	✓	✓	-	-
ASEAN – Canada	○	○	○	○	○	○	-

Chú thích: ✓ Đã phê chuẩn, ○ Đang đàm phán

Nguồn: WTO và Trung tâm Thương mại Quốc tế

Bên cạnh đó, cấu trúc doanh nghiệp quốc tế được tối ưu hóa nhờ mạng lưới hơn 80 DTA của Việt Nam, giúp giảm thiểu đánh thuế hai lần tùy thuộc vào điều kiện áp dụng hiệp định và yêu cầu thủ tục.

2. CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI PHÁT HUY HIỆU QUẢ

Các kênh thương mại tích hợp này không chỉ giảm rào cản xuất nhập khẩu mà còn tích cực thúc đẩy Việt Nam chuyển đổi từ cơ sở sản xuất công nghệ thấp sang trung tâm sản xuất công nghệ cao về máy móc, phương tiện và điện tử.

Hiệu quả từ việc tận dụng FTA, tháng 7/2026

-  **>1.2 triệu** giấy chứng nhận xuất xứ đã được cấp theo các FTA.
-  **Gần 100 tỷ USD** kim ngạch xuất khẩu được hưởng ưu đãi, nâng cao sức cạnh tranh về giá của hàng xuất khẩu Việt Nam đủ điều kiện trên thị trường toàn cầu so với các quốc gia chưa có FTA.
-  **Tỷ lệ tận dụng 30-50%** ưu đãi thuế quan đối với một số hiệp định như EVFTA, AIFTA và AANZFTA.

Nguồn: Bộ Công Thương

Tác động trong quá khứ & tương lai

Động lực sản xuất khu vực:

Thứ 3 về tốc độ tăng trưởng trong các điểm đến sản xuất & điện tử tại châu Á, nhờ hội nhập khu vực.

92-100% thuế quan được xóa bỏ cho Việt Nam theo khuôn khổ các hiệp định tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương (RCEP & CPTPP).

94.5 tỷ USD kim ngạch thương mại song phương năm 2025, tăng gấp ba kể từ khi VKFTA có hiệu lực. Thành tựu này đưa Việt Nam từ đối tác thương mại lớn thứ tám của Hàn Quốc, lên vị trí thứ ba.

Cửa ngõ toàn cầu với biên lợi nhuận cao:

383.8 tỷ USD kim ngạch đạt được chỉ trong sáu năm đầu thực thi EVFTA (8/2020 đến 6/2026), chiếm 42,6% tổng kim ngạch thương mại song phương Việt Nam – EU kể từ năm 199.

50% doanh nghiệp EU tại Việt Nam cho biết được hưởng lợi trực tiếp từ ưu đãi thuế quan của EVFTA.

Là đối tác thương mại phi dầu mỏ lớn nhất của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) trong khu vực ASEAN, với kim ngạch song phương đạt 16.05 tỷ USD năm 2025 (tăng 27.4% so với cùng kỳ).

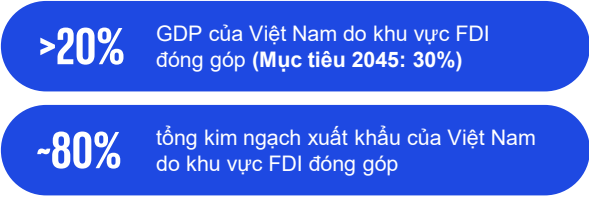
Các FTA mới Việc chính thức phê chuẩn và thực thi CEPA Việt Nam – UAE và FTA Việt Nam – Israel ngay lập tức mở ra các kênh xuất khẩu mới với thuế suất thấp.

Nguồn: NSO, Cục Hải quan, Bộ Tài chính, EuroCham

Việt Nam – trung tâm FDI hàng đầu

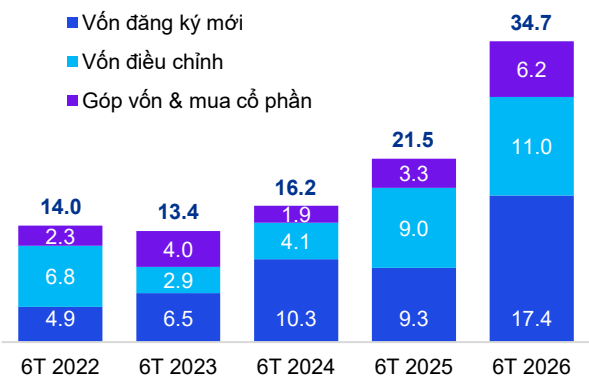
Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tăng vọt lên mức kỷ lục trong nửa đầu năm 2026, nhờ vốn tập trung vào các ngành then chốt và trung tâm khu vực. Phân tích các xu hướng này giúp nhà đầu tư dễ dàng xác định các khu vực tăng trưởng cao và đưa ra quyết định phân bổ tài sản tối ưu.

1. KẾT QUẢ 6T 2026 ĐẠT MỨC KỶ LỤC



Trong 6 tháng đầu năm 2026, Việt Nam thu hút 34.65 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài, tăng mạnh 61% so với cùng kỳ. Vốn đăng ký cấp mới đạt 17.39 tỷ USD với 2,013 dự án, tăng 1.3% về số dự án và tăng mạnh 87.2% về vốn đăng ký.

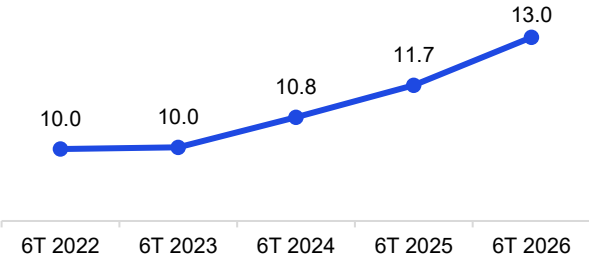
Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam (tỷ USD)



Nguồn: Bộ Tài chính

Vốn FDI giải ngân tại Việt Nam ước đạt 13.03 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2026, tăng 11.2% so với cùng kỳ và là mức giải ngân nửa đầu năm cao nhất trong 5 năm.

Vốn FDI giải ngân tại Việt Nam (tỷ USD)



Nguồn: Bộ Tài chính

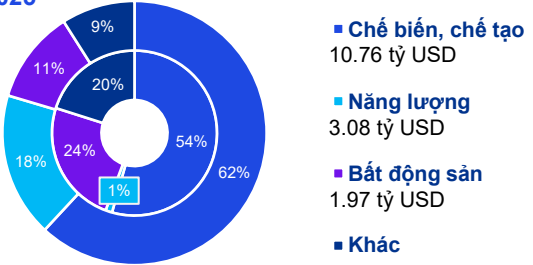
Vốn FDI đăng ký mới theo quốc gia, 6T 2026



Nguồn: Bộ Tài chính

Xét theo ngành, chế biến, chế tạo tiếp tục là lĩnh vực chủ lực, được thúc đẩy mạnh bởi các dự án công nghệ và điện tử giá trị cao.

Vốn FDI đăng ký mới theo ngành, 6T 2026 so với 6T 2025

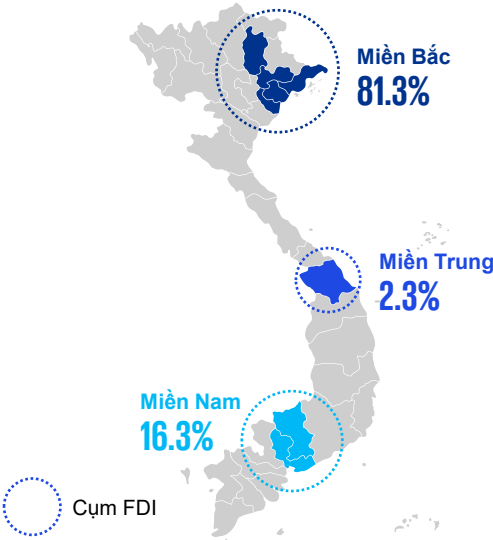


Nguồn: Bộ Tài chính

Vòng trong: 6T 2025; Vòng ngoài: 6T 2026. Số liệu đầu tư là của 6T 2026

Thái Nguyên vượt Tp. Hồ Chí Minh trở thành địa phương thu hút FDI lớn nhất Việt Nam trong 6T 2026, đạt 5.8 tỷ USD từ 20 dự án cấp mới. Tuy nhiên, Tp. Hồ Chí Minh vẫn dẫn đầu về số lượng dự án với hơn 1,000 dự án được cấp phép trong cùng kỳ.

Phân bổ vốn FDI đăng ký mới theo vùng, 6T 2026



Nguồn: Bộ Tài chính

2. CÁC ĐỐI TÁC DẪN ĐẦU

Trong nửa đầu năm 2026, Việt Nam ghi nhận hoạt động đầu tư từ 85 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó các đối tác châu Á tiếp tục giữ vị trí chủ đạo nhiều năm liền.

Trong số 63 quốc gia đăng ký dự án mới, ba nhà đầu tư dẫn đầu chiếm tới 80% tổng vốn.

Tái định hướng thu hút FDI

Nghị quyết số 10-NQ/TW, ban hành ngày 08/06/2026, đánh dấu bước chuyển chính sách mang tính bước ngoặt, từ số lượng vốn sang chất lượng, chuyển giao công nghệ, liên kết trong nước và tạo giá trị dài hạn.

Mục tiêu 2026-2030

Vốn đăng ký
200-300 tỷ USD
(40-50 tỷ USD mỗi năm)

Vốn FDI giải ngân
150-200 tỷ USD
(30-40 tỷ USD mỗi năm)

75% từ các nền kinh tế phát triển

3+ trụ sở/trung tâm R&D của các tập đoàn công nghệ lớn

80% lao động được đào tạo chính quy

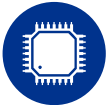
45-50% tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành then chốt

500-1,000 nhà cung ứng cấp 1

Lĩnh vực ưu tiên



Công nghệ số



Sản xuất công nghệ cao



Công nghệ sinh học



Công nghệ xanh



Dịch vụ giá trị gia tăng cao

Nghị quyết số 10 ưu tiên thu hút FDI công nghệ cao, dựa trên đổi mới sáng tạo và FDI xanh, đồng thời tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước thông qua chuyển giao công nghệ và nội địa hóa. Nghị quyết cũng hướng tới tối đa hóa hiệu ứng lan tỏa của FDI, bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh dữ liệu và phát triển bền vững.

Ưu đãi đầu tư

- Bảo vệ tài sản & sở hữu trí tuệ (SHTT)
- Môi trường đầu tư ổn định
- Cải cách hành chính: Nền tảng dịch vụ một cửa số
- Ưu đãi đầu tư cạnh tranh và tăng cường: chuyển từ ưu đãi theo đầu vào sang ưu đãi theo kết quả
- Hạ tầng & nguồn lực chất lượng cao
- Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Cam kết nhà đầu tư

- Công nghệ & R&D
- Chuyển giao công nghệ
- Đào tạo và phát triển nhân tài Việt Nam
- Phát triển nhà cung ứng nội địa
- Chuyển đổi xanh
- Chuyển đổi số
- Tuân thủ ESG & tuân thủ pháp luật

Các dự án lớn

Trong nửa đầu năm 2026, làn sóng tăng vốn và các công bố đầu tư chiến lược từ các tập đoàn công nghệ cao hàng đầu thế giới phản ánh trực tiếp các ưu tiên chiến lược nêu tại Nghị quyết số 10.

- Tháng 6/2026, **Intel** công bố đầu tư thêm 2.6 tỷ USD, nâng tổng cam kết đầu tư tại Việt Nam lên 4.1 tỷ USD.
- **Samsung Electronics** dự kiến đầu tư thêm 1 tỷ USD vốn mới tại Việt Nam trong năm 2026, triển khai kế hoạch mở rộng trung và dài hạn trong lĩnh vực điện tử, sản xuất màn hình và cơ điện tử.
- **BYD** tăng vốn đầu tư vào dự án sản xuất điện tử tại Việt Nam thêm 480 triệu USD.
- **Foxconn** dự kiến đầu tư thêm 265 triệu USD vào hoạt động sản xuất tại Việt Nam, nâng tổng vốn đầu tư lên 5 tỷ USD.

Nguồn: Chính phủ Việt Nam, Công bố của doanh nghiệp

Toàn cảnh M&A

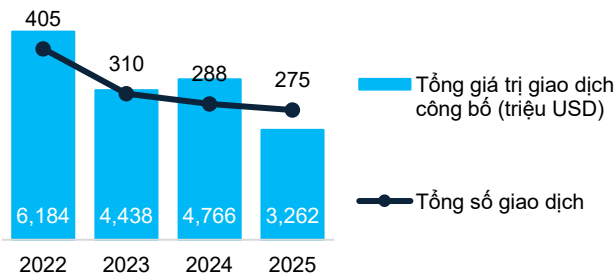
Thị trường M&A Việt Nam vẫn hấp dẫn nhờ sự quan tâm lớn đến các doanh nghiệp chất lượng và thương hiệu nội địa uy tín. Trong khi đó, chính sách hỗ trợ của Chính phủ và đầu tư ngày càng tăng vào năng lực liên quan đến AI đang củng cố triển vọng đầu tư dài hạn của Việt Nam.

1. ĐIỂM NHẤN M&A VIỆT NAM 2025

Trong khi hoạt động M&A tại Đông Nam Á chậm lại trong những năm gần đây và chỉ phục hồi dần, Việt Nam ghi nhận khoảng 3.3 tỷ USD giá trị giao dịch công bố trong năm 2025. Dù thấp hơn mức 4.8 tỷ USD của năm 2024, con số này phản ánh sự quan tâm bền bỉ của nhà đầu tư đối với tài sản chất lượng cao tại Việt Nam.

Số lượng giao dịch giảm nhẹ xuống 275 thương vụ, nổi dài xu hướng giảm nhiều năm do bên mua ưu tiên giải ngân có kỷ luật, thẩm định chặt chẽ hơn và lộ trình tạo giá trị rõ ràng hơn.

Toàn cảnh M&A Việt Nam

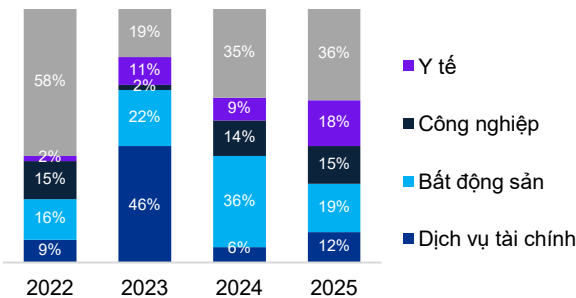


Nguồn: Capital IQ, VIR, Phân tích của KPMG

Khoảng 78% giá trị giao dịch công bố năm 2025 tập trung vào Bất động sản, Vật liệu, Công nghiệp, Y tế và Tài chính, cũng là các lĩnh vực của 5 giao dịch lớn nhất trong kỳ.

So với năm trước, Y tế tăng mạnh trong năm 2025, thay thế Hàng tiêu dùng thiết yếu trong nhóm ba lĩnh vực dẫn đầu, trong khi Bất động sản và Công nghiệp tiếp tục giữ vị trí hàng đầu.

Giá trị M&A theo lĩnh vực (tỷ USD)



Nguồn: Capital IQ, VIR, Phân tích của KPMG

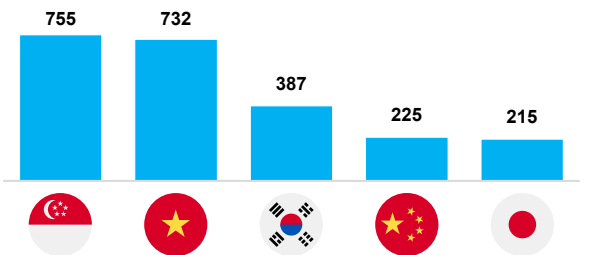
Top 5 giao dịch M&A năm 2025

Tên giao dịch	Lĩnh vực	Giá trị (tỷ USD)
Eastern Real Estate Investment and Trading Co Ltd	Bất động sản	365.0
Hyosung Vina Chemicals Co Ltd	Vật liệu	277.4
Doosan Vina Haiphong Co Ltd	Công nghiệp	256.7
Imexpharm	Y tế	219.1
Post and Telecommunication Finance Co Ltd	Tài chính	162.1

2. NHÀ ĐẦU TƯ SINGAPORE DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG

Năm 2025, Singapore dẫn đầu với 755 triệu USD (~26% giá trị công bố), tiếp theo là nhà đầu tư trong nước với 732 triệu USD (25%), cùng Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản đóng góp tổng cộng ~28%, cho thấy sự cân bằng giữa sức bền của khu vực trong nước và sự quay trở lại của nhà đầu tư khu vực.

Xếp hạng 5 nhà đầu tư dẫn đầu theo giá trị giao dịch, 2025 (tỷ USD)



Nguồn: Phân tích của KPMG

3. NHÀ ĐẦU TƯ ƯU TIÊN DỰ ÁN CHẤT LƯỢNG CAO

Thị trường M&A Việt Nam trong 6T 2026 cho thấy sự chuyển dịch rõ nét từ đầu tư theo quy mô sang đầu tư theo chất lượng. Các giao dịch nổi bật tập trung vào doanh nghiệp đầu ngành có năng lực công nghệ mạnh, thương hiệu vững chắc hoặc tài sản chiến lược trong các lĩnh vực như dược phẩm, y tế, sản xuất công nghệ cao, hạ tầng số và AI. Tiêu biểu là các giao dịch liên quan đến Imexpharm, Pharmacity, USM Healthcare Medical Devices và Thiên Long. Xu hướng này phản ánh niềm tin ngày càng lớn của nhà đầu tư vào nền tảng tăng trưởng dài hạn của Việt Nam, thay vì theo đuổi cơ hội mang tính chu kỳ hoặc khoản đầu tư chủ yếu dựa vào ưu đãi ngắn hạn.

Nguồn: Phân tích của KPMG, Merger Markets, Vietnam Investment Review

KPMG: Đối tác gia nhập thị trường & tăng trưởng

Thành công tại thị trường năng động như Việt Nam đòi hỏi nhiều hơn việc gia nhập – cần có định hướng chiến lược. KPMG mang đến hệ sinh thái hỗ trợ trọn gói, liền mạch, giúp đơn giản hóa các vấn đề phức tạp về thuế, pháp lý và vận hành. Dù Quý doanh nghiệp đang ở giai đoạn nào, chúng tôi giúp biến thách thức tại địa phương thành lợi thế cạnh tranh.

1. Khảo sát thị trường: “Đầu tư vào Việt Nam?”

Thông tin & Xu hướng thị trường

So sánh đối thủ cạnh tranh

Nghiên cứu khả thi

Đánh giá ROI

Kịch bản gia nhập

Lựa chọn địa điểm

Thẩm tra lý lịch

2. Thành lập: “Thành lập hiệu quả và tuân thủ?”

Cấp phép & Giấy phép

Mô hình kinh doanh & Hình thức đầu tư

Ưu đãi thuế

Tuân thủ thuế

Thị thực & Giấy phép lao động

Chuyển giá

Thuế TNCN & Bảng lương

3. Vận hành: “Mở rộng bền vững, tạo giá trị dài hạn?”

Tối ưu hóa quy trình

Tuyển dụng & Quản lý nhân tài

Số hóa

Tối ưu hóa giá trị

Kiểm toán báo cáo tài chính

Hiệu quả chi phí

Quản trị rủi ro

Trải nghiệm khách hàng

4. Trưởng thành: “Tăng đầu tư hay thoái vốn?”

Mở rộng thị trường

Hỗ trợ bên mua

Hỗ trợ bên bán

Sẵn sàng thoái vốn

Tư vấn Giao dịch

Thuế

Pháp lý

Tư vấn

Kiểm toán

Gặp gỡ chuyên gia



Michael Dwyer

Phó Tổng Giám đốc,
Trường Bộ phận Tư vấn Thương vụ



Đinh Thế Anh

Phó Tổng Giám đốc,
Trường Bộ phận Tài chính Doanh nghiệp



Nguyễn Minh Hiếu

Thành viên Điều hành,
Trường Bộ phận Tư vấn
Thẩm định Giao dịch



Phạm Mai Hương

Phó Tổng Giám đốc,
Bộ phận Tư vấn Thương vụ,
Tư vấn Thẩm định

Giải thưởng Dịch vụ Tư vấn

KPMG vinh dự nhận giải thưởng Tổ chức Tư vấn M&A Tiêu biểu tại Việt Nam do Bộ Tài chính và VIR trao tặng trong hơn một thập kỷ (2009–2025).



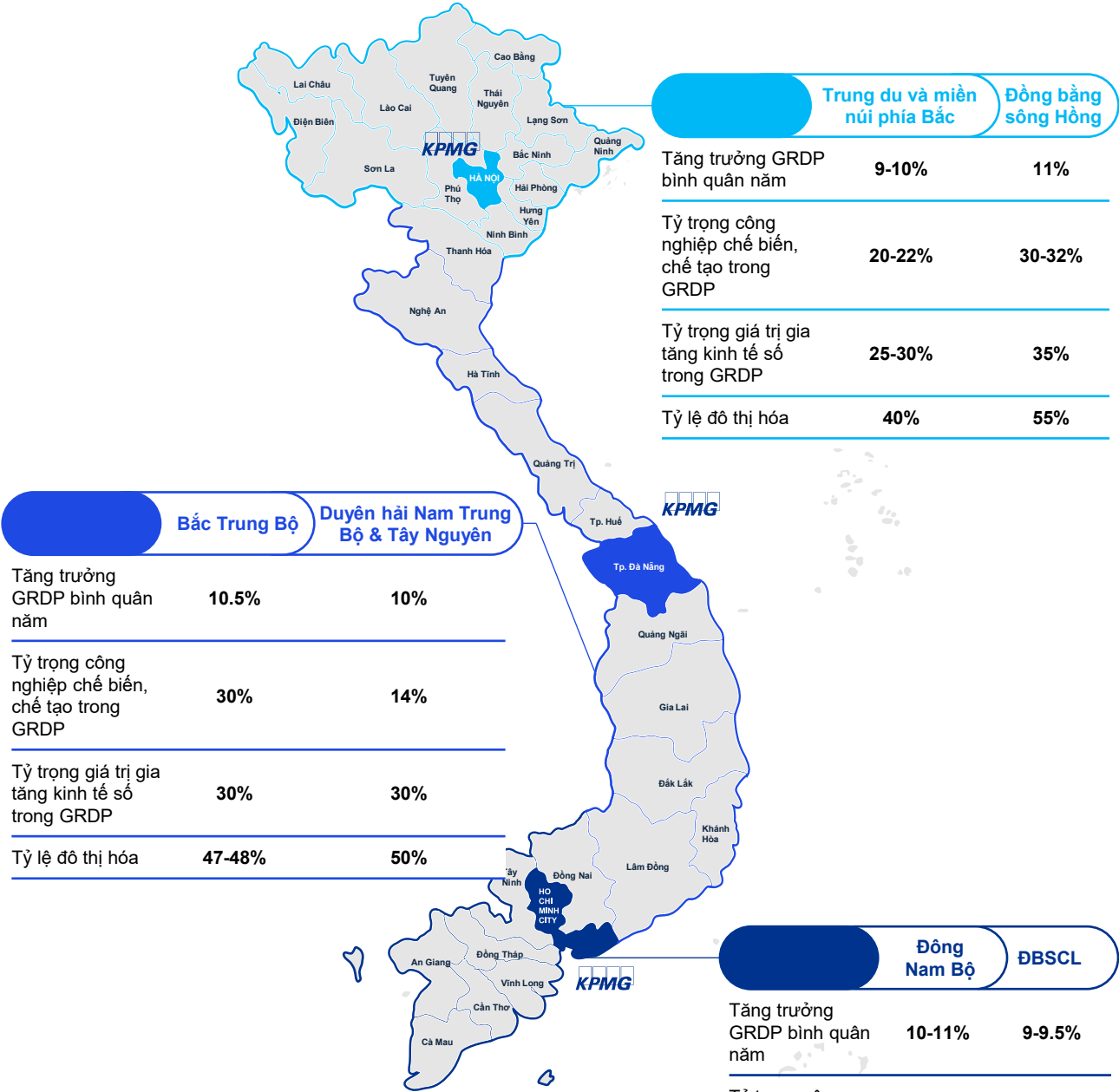
Dẫn đầu Tư vấn Rủi ro

KPMG được ghi nhận là công ty hàng đầu trong báo cáo Perceptions of Risk Firms 2024 của Source, nằm trong nhóm lựa chọn hàng đầu về an ninh mạng, rủi ro tài chính và chuyển đổi quản trị rủi ro, đồng thời là công ty được nhắc đến nhiều nhất về mức độ nhận diện thương hiệu tự nhiên.



Tái cấu trúc chiến lược: Khởi thông động lực tăng trưởng vùng mới

Nghị quyết số 27-NQ/TW⁽¹⁾, ký ban hành tháng 8/2026, định hướng Việt Nam tái cấu trúc không gian phát triển quốc gia xoay quanh các hành lang tăng trưởng, trung tâm kinh tế và đô thị năng động, đồng thời đặt ra các mục tiêu tăng trưởng đầy tham vọng⁽²⁾ cho sáu vùng kinh tế - xã hội đến năm 2030.



Nguồn: Chính phủ Việt Nam

(1) Nghị quyết số 27-NQ/TW là nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới, ký ngày 28/08/2026. Nghị quyết thay thế các Nghị quyết số 11-NQ/TW, 13-NQ/TW, 23-NQ/TW, 24-NQ/TW, 26-NQ/TW và 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh tại sáu vùng kinh tế - xã hội, và có hiệu lực kể từ ngày ký.

(2) Một số mục tiêu chủ yếu đến năm 2030 theo Nghị quyết số 27-NQ/TW được tóm tắt trong ba bảng.

Cụm đầu tư miền Bắc



Bao gồm vùng Trung du và miền núi phía Bắc cùng Đồng bằng sông Hồng, cụm miền Bắc đóng góp tổng cộng **44%** GDP cả nước năm 2025.

Sự quan tâm của nhà đầu tư vẫn tập trung tại đây, thu hút trên **81%** vốn đăng ký mới cả nước trong 6T 2026.

Với mức tăng trưởng hai con số ở hầu hết các địa phương, Đồng bằng sông Hồng đang xây dựng chuỗi giá trị sản xuất – logistics – dịch vụ liên kết chặt chẽ, trở thành động lực tăng trưởng của miền Bắc. Sự liên kết này góp phần thực hiện các mục tiêu đến năm 2030 của vùng theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và chương trình chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

KẾT QUẢ 6T 2026 CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NỔI BẬT

	Hà Nội	Hải Phòng	Bắc Ninh	Quảng Ninh	Hưng Yên	Thái Nguyên	Ninh Bình
Tăng trưởng GRDP	8.2%	11.3%	10.6%	11.1%	10.7%	10.0%	11.4%
Dân số (triệu người)	8.9	4.7	3.6	1.5	3.6	1.8	4.4
Tổng vốn FDI đăng ký (triệu USD)	3,443	1,866	2,623	593	689	8,062	2,308
Vốn FDI đăng ký lũy kế (triệu USD)	45,208	47,722	50,857	15,786	16,982	19,600	16,871

Nguồn: NSO, Cục Thống kê các tỉnh
Ghi chú: số in đậm thể hiện địa phương dẫn đầu theo tiêu chí

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CHỦ ĐẠO

Việc điều chỉnh địa giới hành chính đã mở rộng không gian phát triển ở nhiều tỉnh, tạo dư địa cho các cụm công nghiệp mạnh hơn, liên kết vùng tốt hơn và đầu tư chất lượng cao hơn. Đồng bằng sông Hồng đang phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng mới và tiếp tục có khả năng hấp thụ vốn đầu tư. Khi các địa phương trong vùng duy trì tăng trưởng mạnh, khu vực này hỗ trợ tăng trưởng chung của cả nước, tạo nhu cầu về vật liệu, lao động, logistics và mạng lưới sản xuất, qua đó thúc đẩy hoạt động kinh tế ở các khu vực lân cận.

Công nghiệp công nghệ cao

- Hầu hết các tỉnh, thành phố phía Bắc đều tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao.
- Bắc Ninh** đang chuyển từ lắp ráp điện tử sang R&D và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực chiến lược như bán dẫn, vi mạch, AI, dữ liệu lớn và Internet vạn vật (IoT).
 - Hưng Yên** đang phát triển công nghiệp hỗ trợ, logistics và sản xuất tiên tiến.
 - Ninh Bình** đặt mục tiêu dẫn đầu về công nghiệp công nghệ cao, sản xuất xanh và sản xuất thông minh.
 - Sau khi mở rộng, **Thái Nguyên** phát huy hạ tầng chiến lược, hệ sinh thái công nghiệp sẵn có và chính sách thân thiện với nhà đầu tư để củng cố vai trò sản xuất và đón dòng FDI dịch chuyển từ các thị trường phía Bắc đã bão hòa.
 - Hà Nội** giữ vai trò trung tâm của vùng về R&D và công nghệ lõi, làm nền tảng cho các cụm điện tử, bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ và sản xuất thông minh tại các địa phương lân cận.

Nguồn: NSO, Cổng thông tin điện tử các tỉnh

Logistics & Kinh tế biển

- Các tỉnh ven biển ưu tiên phát triển kinh tế biển bền vững.
- Hải Phòng** thành lập khu thương mại tự do và tiếp tục là trung tâm công nghiệp, cảng biển và logistics hàng đầu.
 - Quảng Ninh** đặt mục tiêu nuôi trồng thủy sản công nghiệp chiếm trên 75% sản lượng vào năm 2030, tăng trưởng 8–10% mỗi năm.
 - Hưng Yên** đang hiện đại hóa cảng và tích hợp logistics.

Du lịch & Dịch vụ

- Hà Nội** – quy hoạch tổng thể định vị Thủ đô không chỉ là trung tâm chính trị của Việt Nam mà còn là trung tâm quốc gia về đổi mới sáng tạo, tài chính, giáo dục, công nghệ và công nghiệp văn hóa.
- Quảng Ninh** ưu tiên thương mại biên giới và du lịch chất lượng cao.
- Ninh Bình** đẩy mạnh du lịch và công nghiệp văn hóa, đặt mục tiêu doanh thu du lịch trên 1,7 tỷ USD vào năm 2030.

Cụm đầu tư miền Trung



Cụm miền Trung gồm Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đóng góp khoảng 16% GDP cả nước.

Theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 306/NQ-CP điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021–2030, chiến lược của Việt Nam đối với các vùng duyên hải miền Trung mới hợp nhất tập trung đẩy nhanh tái cơ cấu công nghiệp, kết nối đa phương thức và phát triển toàn diện kinh tế biển.

Đà Nẵng và Thanh Hóa là hai đầu tàu kinh tế và thu hút FDI của miền Trung. Hai địa phương cùng thúc đẩy hiện đại hóa vùng, trong đó Đà Nẵng là trung tâm công nghệ cao và logistics, còn Thanh Hóa là trung tâm năng lượng và logistics cảng nước sâu.

KẾT QUẢ 6T 2026 CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NỔI BẬT

	Đà Nẵng	Huế	Thanh Hóa	Lâm Đồng	Gia Lai	Nghệ An	Quảng Trị
Tăng trưởng GRDP	9.5%	7.9%	7.2%	7.9%	8.2%	9.7%	8.1%
Dân số (triệu người)	3.1	1.4	4.3	3.9	3.6	3.8	1.9
Tổng vốn FDI đăng ký (triệu USD)	322	123	246	4	22	2,282	149
Vốn FDI đăng ký lũy kế (triệu USD)	13,972	4,319	16,517	4,954	2,875	9,093	4,153

Nguồn: NSO, Cục Thống kê các tỉnh
Ghi chú: số in đậm thể hiện địa phương dẫn đầu theo tiêu chí

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CHỦ ĐẠO

Miền Trung đang chuyển mình thành nền kinh tế biển bền vững và cửa ngõ toàn cầu hàng đầu, phát huy kết nối tiểu vùng thống nhất, cảng nước sâu đẳng cấp quốc tế và năng lượng sạch để thúc đẩy sản xuất và logistics giá trị cao.

 **Logistics & Kinh tế biển**

- Đầu tư lớn vào cảng biển và hạ tầng logistics giúp **Huế** định vị kinh tế biển và đảm phá là động lực tăng trưởng then chốt bên cạnh du lịch di sản.
- Việc phát triển cảng Liên Chiểu đang mở ra chương mới cho kinh tế biển của **Đà Nẵng**, đưa thành phố trở thành trung tâm logistics và hàng hải lớn của miền Trung và khu vực. Việc phát triển Trung tâm tài chính quốc tế cũng góp phần giảm rào cản hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý không gian biển.
- Tăng trưởng công nghiệp mạnh mẽ tiếp tục tạo nhu cầu lớn về logistics trọn gói, đưa ngành này trở thành ngành dịch vụ giá trị cao và thúc đẩy đáng kể tăng trưởng kinh tế của **Thanh Hóa**.
- Sau khi mở rộng, **Lâm Đồng** trở thành tỉnh có diện tích lớn nhất Việt Nam, nơi hạ tầng giao thông được cải thiện đang biến các thế mạnh kinh tế thành động lực tăng trưởng gần kết hơn.

 **Du lịch**

- Huế** đang đa dạng hóa dịch vụ du lịch biển, đặc biệt là du lịch nghỉ dưỡng và trải nghiệm, đồng thời đầu tư kênh thương mại hiện đại và phát triển thương hiệu cho sản phẩm truyền thống địa phương.
- Với hơn 2,600 di tích lịch sử và di sản văn hóa phi vật thể, cùng nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đa dạng, **Nghệ An** có tiềm năng lớn để phát triển du lịch.

 **Năng lượng tái tạo**

- Gia Lai** đặt mục tiêu sản lượng điện đạt 27 tỷ kWh/năm vào năm 2030, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, đồng thời trở thành trung tâm năng lượng của vùng Tây Nguyên.
- Dù **Thanh Hóa** có nhiều nhà máy nhiệt điện than lớn, tỉnh đang đẩy nhanh chuyển đổi sang năng lượng sạch thông qua các dự án điện gió, điện mặt trời và sinh khối.

Nguồn: NSO, Cổng thông tin điện tử các tỉnh

Cụm đầu tư miền Nam



Cụm miền Nam gồm vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, đóng góp gần 40% GDP cả nước năm 2025.

Đông Nam Bộ là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, đổi mới sáng tạo và kết nối quốc tế lớn nhất Việt Nam. Sự phát triển của vùng còn tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ tới các khu vực khác như Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và các quy hoạch vùng được phê duyệt tại Quyết định số 370/QĐ-TTg và Quyết định số 1325/QĐ-TTg (2024), vùng Đông Nam Bộ được định hướng phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao song song với các ngành dịch vụ giá trị cao.

KẾT QUẢ 6T 2026 CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NỔI BẬT

	Thành phố Hồ Chí Minh	Đồng Nai	An Giang	Tây Ninh	Cà Mau	Vĩnh Long
Tăng trưởng GRDP	8.6%	9.8%	8.8%	10.1%	6.6%	6.4%
Dân số (triệu người)	14.0	4.5	4.9	3.3	2.6	4.3
Tổng vốn FDI đăng ký (triệu USD)	7,878	908	16	1,065	99	99
Vốn FDI đăng ký lũy kế (triệu USD)	153,286	46,080	5,231	26,651	4,836	5,984

Nguồn: NSO, Cục Thống kê các tỉnh
Ghi chú: số in đậm thể hiện địa phương dẫn đầu theo tiêu chí

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CHỦ ĐẠO

Đến năm 2030, vùng Đông Nam Bộ đặt mục tiêu đạt mức thu nhập cao, trở thành cơ sở công nghiệp hiện đại và đầu tàu tăng trưởng của cả nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và tài chính quốc tế; trong khi Đồng bằng sông Cửu Long hướng tới trở thành nền kinh tế nông nghiệp có tầm quan trọng toàn cầu, với hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu và kết nối với kinh tế biển, du lịch và đô thị.



Lĩnh vực tài chính

Sự phát triển nhanh chóng của fintech, thị trường vốn và tài sản số giúp **TP. HCM** định vị trở thành trung tâm tài chính quốc tế của Đông Nam Á, với Trung tâm tài chính quốc tế khai trương tháng 2/2026 đóng vai trò cửa ngõ toàn cầu về vốn và tài chính số.



Nông nghiệp

Nông nghiệp Việt Nam được định hình bởi quá trình hợp nhất vùng mạnh mẽ, thúc đẩy sản xuất quy mô lớn và chuỗi giá trị xuất khẩu toàn cầu.

- Sau khi mở rộng địa giới, **Tây Ninh** và **Đồng Nai** giữ vai trò tiên phong trong chế biến cây trồng giá trị cao và hệ sinh thái chăn nuôi quy mô công nghiệp.
- Việc hợp nhất các vùng ven biển của **Vĩnh Long** và **Cà Mau** đã khẳng định vị thế dẫn đầu cả nước về khai thác thủy sản biển và nuôi trồng thủy sản công nghệ cao.
- An Giang** tích cực tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm hơn 30% cơ cấu kinh tế của tỉnh.



Công nghiệp công nghệ cao

- Sau khi hợp nhất với Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu, **TP. HCM** trở thành địa phương tiên phong của Việt Nam về sản xuất thông minh và hệ sinh thái công nghệ cao. Thành phố đặt mục tiêu thu hút ít nhất bốn dự án FDI trong lĩnh vực bán dẫn, ưu tiên các dự án thân thiện môi trường và có giá trị gia tăng cao.
- Năm 2026, **Đồng Nai** công bố danh sách 14 KCN và khu công nghệ ưu tiên, đánh dấu bước đi chiến lược hướng tới phát triển công nghiệp hiện đại, công nghệ cao và bền vững.
- Một tổ hợp trung tâm dữ liệu tập trung vào AI đã được đề xuất tại **Tây Ninh**, với vốn đầu tư khoảng 3.5 tỷ USD, dự kiến khởi công trong quý IV/2026.



Năng lượng tái tạo

- Tây Ninh** là một trong những địa phương có tiềm năng phát triển điện mặt trời lớn nhất Việt Nam nhờ điều kiện bức xạ thuận lợi.
- Cà Mau** là tỉnh duy nhất cả nước có ba mặt giáp biển với đường bờ biển dài khoảng 310 km, mang lại tiềm năng lớn cho phát triển điện gió.

Nguồn: NSO, Cổng thông tin điện tử các tỉnh

Thị thực & Giấy phép lao động

1. CHÍNH SÁCH THỊ THỰC TẠO THUẬN LỢI CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐẾN VIỆT NAM

Việt Nam đang trải qua giai đoạn tăng trưởng và chuyển đổi kinh tế mạnh mẽ, tạo ra nhiều cơ hội ở mọi lĩnh vực. Để thu hút nhân tài và vốn đầu tư nước ngoài, Chính phủ Việt Nam đã từng bước mở cửa và hoàn thiện khung pháp lý, ban hành các chính sách thân thiện hơn với doanh nghiệp nhằm tạo thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, cư trú và làm việc, đồng thời hỗ trợ tăng trưởng dài hạn, bền vững của Việt Nam:

Chính sách	Đối tượng hưởng lợi	Ưu đãi chính	Hiệu lực/Tình trạng
Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 07/03/2025	Công dân 12 quốc gia, không phân biệt mục đích nhập cảnh	Miễn thị thực lưu trú tối đa 45 ngày; áp dụng mọi loại hộ chiếu	15/03/2025 – 14/03/2028
Nghị quyết số 229/NQ-CP ngày 08/08/2025	Công dân 12 quốc gia châu Âu nhập cảnh với mục đích du lịch	Miễn thị thực lưu trú tối đa 45 ngày; áp dụng mọi loại hộ chiếu	15/08/2025 – 14/08/2028
Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/08/2025	Người có đóng góp đặc biệt, chuyên gia, nhà đầu tư và lãnh đạo doanh nghiệp được mời/đề cử	Miễn thị thực có thời hạn, theo phê duyệt	Hiệu lực từ 15/08/2025
IFC – UD1 (*)	Nhà đầu tư, chuyên gia, nhà quản lý và lao động trình độ cao đủ điều kiện tại IFC TP. HCM/Đà Nẵng (**)	Thị thực hoặc thẻ tạm trú tối đa 10 năm; mục tiêu xử lý trong 3 ngày làm việc	Nghị định số 327/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025; hiệu lực từ 17/01/2026
IFC – UD2 (*)	Vợ, chồng và con dưới 18 tuổi của người được cấp UD1	Thời hạn thị thực/thẻ tạm trú tương ứng	

(*) UD1: Cấp cho người nước ngoài là nhân lực ngành công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi theo luật, nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; UD2: Cấp cho người nước ngoài là vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của người được cấp thị thực UD1.

(**) IFC: Trung tâm tài chính quốc tế

2. TIẾP CẬN NHÂN TÀI TOÀN CẦU DỄ DÀNG HƠN, GIÁM SÁT TUẦN THỦ CHẶT CHẼ HƠN

Việt Nam tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về lao động nước ngoài nhằm tạo thuận lợi tiếp cận nhân tài toàn cầu, đồng thời tăng cường giám sát và quản lý.

Về nguyên tắc, người nước ngoài phải có giấy phép lao động hợp lệ để làm việc tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn. Loại giấy phép, xác nhận miễn hoặc thông báo cần thiết phụ thuộc vào tính chất và thời hạn công việc. Nghị định số 219/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ 07/08/2025, quy định khung chung đối với lao động nước ngoài, bao gồm điều kiện, thủ tục và hồ sơ.

Để hỗ trợ sáng kiến IFC của Việt Nam, khung pháp lý riêng (bao gồm Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/06/2025, Nghị định số 325/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 và Nghị định số 327/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025) đưa ra các cơ chế cấp phép lao động thuận lợi hơn cho nhân sự đủ điều kiện và một số nhân tài cấp cao như sau:

Biện pháp tạo thuận lợi chính	Tác động thực tế
Miễn giấy phép lao động	Nhà đầu tư, chuyên gia, nhà quản lý, lao động trình độ cao, nhà khoa học và cá nhân có tài năng đặc biệt làm việc tại IFC có thể được miễn giấy phép lao động.
Mở rộng phạm vi miễn	Cơ chế IFC áp dụng các trường hợp miễn rộng hơn so với khung pháp lý chung về lao động nước ngoài.
Cơ chế thông báo	Trong trường hợp áp dụng, người sử dụng lao động có thể thông báo cho cơ quan quản lý IFC trước khi bắt đầu làm việc thay vì xin xác nhận miễn chính thức.
Xử lý trong 3 ngày	Hồ sơ cấp giấy phép lao động và xác nhận miễn đầy đủ được xử lý trong 3 ngày làm việc.
Hiệu lực tối đa 10 năm	Giấy phép lao động và xác nhận miễn có thể được cấp với thời hạn tối đa 10 năm.

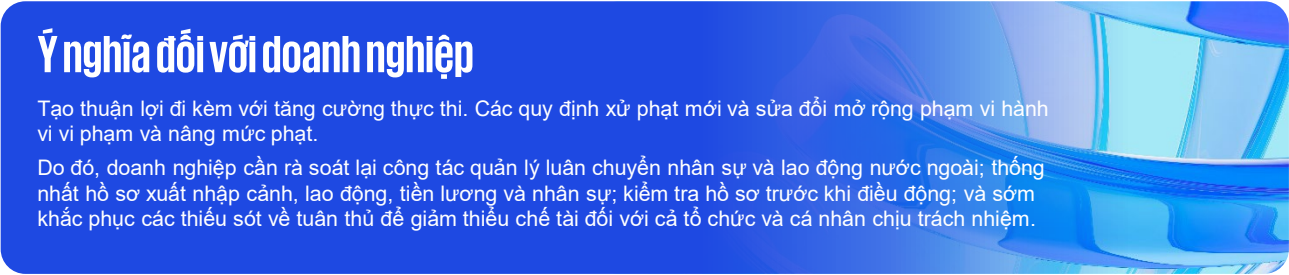
Song song đó, Chính phủ đang chuyển sang quản lý dựa trên dữ liệu. Nộp hồ sơ trực tuyến, định danh điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia và kết nối liên ngành nhằm giảm thủ tục giấy tờ, chuẩn hóa thông tin và tăng cường giám sát.

Dự kiến Nghị định số 219 sẽ tiếp tục được sửa đổi trong nửa cuối năm 2026, tập trung đơn giản hóa thủ tục, mở rộng hồ sơ điện tử và tăng cường tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp

Tạo thuận lợi đi kèm với tăng cường thực thi. Các quy định xử phạt mới và sửa đổi mở rộng phạm vi hành vi vi phạm và nâng mức phạt.

Do đó, doanh nghiệp cần rà soát lại công tác quản lý luân chuyển nhân sự và lao động nước ngoài; thống nhất hồ sơ xuất nhập cảnh, lao động, tiền lương và nhân sự; kiểm tra hồ sơ trước khi điều động; và sớm khắc phục các thiếu sót về tuân thủ để giảm thiểu chế tài đối với cả tổ chức và cá nhân chịu trách nhiệm.



Bảo hiểm bắt buộc tại Việt Nam (1/2)

Có hiệu lực từ 01/07/2025 theo Luật số 41/2024/QH15 và Nghị định số 158/2025/NĐ-CP

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI (BHXH) TẠI VIỆT NAM?

Người lao động nước ngoài	Người lao động Việt Nam
- Có hợp đồng lao động xác định thời hạn từ một năm trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam. - Chưa đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Việt Nam. - Không phải là người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (được công ty mẹ cử sang công ty con trực tiếp tại Việt Nam). - Trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.	- Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp hai bên thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên. - Người lao động không làm việc toàn thời gian, có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc thấp nhất. - Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp không hưởng tiền lương.

TỶ LỆ ĐÓNG LÀ BAO NHIÊU?

	Tỷ lệ đóng			
	Người sử dụng lao động		Người lao động	
	NLĐ Việt Nam	NLĐ nước ngoài	NLĐ Việt Nam	NLĐ nước ngoài
Bảo hiểm xã hội	17.5%		8%	
Bảo hiểm y tế	3%		1.5%	
Bảo hiểm thất nghiệp	1%	Không áp dụng	1%	Không áp dụng

CĂN CỨ ĐÓNG BHXH

Thu nhập làm căn cứ đóng BHXH		Ghi chú
Bao gồm	Không bao gồm	
- Mức lương theo công việc/chức danh - Phụ cấp lương - Các khoản bổ sung cố định khác thỏa thuận trong hợp đồng lao động và được trả thường xuyên, ổn định	Các chế độ và phúc lợi khác được ghi thành mục riêng trong hợp đồng lao động	- Căn cứ đóng: tối thiểu bằng mức tham chiếu và tối đa bằng 20 lần mức tham chiếu - Mức tham chiếu: do Chính phủ quy định, điều chỉnh theo CPI, tăng trưởng kinh tế, ngân sách nhà nước và quỹ BHXH <i>Ghi chú: mức tham chiếu hiện bằng mức lương cơ sở, tức 2.530.000 VND/tháng (Nghị định số 161/2026/NĐ-CP, hiệu lực từ 01/07/2026), tương ứng mức trần đóng 50,6 triệu VND/tháng.</i>

TĂNG CƯỜNG TUÂN THỦ VÀ THỰC THI

Theo Nghị định số 283/2026/NĐ-CP, có hiệu lực từ 10/09/2026, mức xử phạt hành chính đối với các vi phạm liên quan đến đóng BHXH bắt buộc đã được tăng cường đáng kể.

Hành vi vi phạm	Mức xử phạt
Chậm đóng BHXH bắt buộc	người sử dụng lao động có thể bị phạt từ 12% đến 15% tổng số tiền phải đóng nhưng chậm đóng.
Trốn đóng BHXH bắt buộc	người sử dụng lao động có thể bị phạt từ 18% đến 20% số tiền trốn đóng.
Mức phạt hành chính tối đa	là 75 triệu VND đối với cá nhân vi phạm và nhìn chung tối đa 150 triệu VND đối với tổ chức.
Ngoài phạt tiền, người sử dụng lao động phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, bao gồm:	(i) nộp đủ số tiền BHXH bắt buộc chưa đóng; (ii) nộp khoản tiền lãi bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền chậm đóng cho thời gian vi phạm; và (iii) bồi thường cho người lao động trong trường hợp vi phạm làm mất, giảm hoặc chậm hưởng các chế độ BHXH theo quy định.

Bảo hiểm bắt buộc tại Việt Nam (2/2)

Có hiệu lực từ 01/07/2025 theo Luật số 41/2024/QH15 và Nghị định số 158/2025/NĐ-CP

CÁC CHẾ ĐỘ THEO LUẬT ĐỊNH CHỦ YẾU

Hệ thống BHXH bắt buộc của Việt Nam cung cấp cho người lao động nhiều chế độ bảo vệ theo luật định, nhằm hỗ trợ ổn định thu nhập trong suốt quá trình làm việc và khi nghỉ hưu.

Chế độ hưu trí và tử tuất

Chế độ ốm đau

Chế độ thai sản và chăm sóc con

Chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp

Bảo hiểm y tế

BHXH một lần

Trợ cấp thất nghiệp
(Chỉ áp dụng cho NLĐ Việt Nam)

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

- Việt Nam đã chính thức ký hiệp định song phương đầu tiên về bảo hiểm xã hội với Hàn Quốc, có hiệu lực từ 01/01/2024. Hiệp định mang tính bước ngoặt này nhằm loại bỏ việc đóng BHXH hai lần cho công dân Việt Nam và Hàn Quốc làm việc tại nước kia, đồng thời bảo đảm quyền lợi BHXH của họ.
- Mặc dù Việt Nam chưa thiết lập mạng lưới rộng các hiệp định song phương về BHXH với các quốc gia khác, các cuộc thảo luận và đàm phán với các đối tác kinh tế chủ chốt đang được tiến hành.

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp

Các cải cách an sinh xã hội đang diễn ra thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc xây dựng thị trường lao động bền vững, minh bạch và có khả năng chống chịu tốt hơn. Dù việc mở rộng phạm vi và tăng cường thực thi làm gia tăng nghĩa vụ tuân thủ của người sử dụng lao động, khung pháp lý đang hoàn thiện sẽ nâng cao bảo vệ người lao động, củng cố niềm tin nhà đầu tư và duy trì sức hấp dẫn dài hạn của Việt Nam đối với đầu tư nước ngoài.

Gặp gỡ chuyên gia



Nguyễn Thùy Dương

Phó Tổng Giám đốc,
Trưởng Bộ phận Tư vấn
Di chuyển Nhân lực Toàn cầu



Đặng Đức Giang

Giám đốc, Bộ phận Tư vấn
Di chuyển Nhân lực Toàn cầu

Nhà tuyển dụng tốt nhất tại châu Á - TBD năm 2025

Theo khảo sát của Financial Times và Statista với hơn 50.000 nhân viên tại 14 quốc gia châu Á, bao gồm Việt Nam, KPMG được vinh danh là một trong những nơi làm việc tốt nhất khu vực.

Bằng việc xây dựng môi trường làm việc tích cực, ý nghĩa và tôn trọng, KPMG trao quyền cho nhân viên phát triển, đóng góp không chỉ vào sự phát triển cá nhân mà còn vào thành công của tổ chức và giá trị mang lại cho khách hàng.



Our Impact Plan 2026 của KPMG

Từ năm 2023, KPMG Việt Nam và Campuchia đã tự nguyện công bố tiến độ và cam kết của mình trên các trụ cột Quản trị, Con người, Hành tinh và Thịnh vượng thông qua Our Impact Plan (OIP).

Năm nay, chúng tôi tiếp tục tăng cường trọng tâm vào trụ cột Hành tinh, đặc biệt là lộ trình hướng tới phát thải ròng bằng 0. Chúng tôi đã giảm 26% lượng phát thải carbon so với năm cơ sở 2019 và đang đi đúng hướng để đạt mục tiêu giảm 50%, thể hiện cam kết hành động vì khí hậu bằng những kết quả đo lường được.

OIP được xây dựng trên các giá trị cốt lõi của chúng tôi – Chính trực, Xuất sắc, Dũng cảm, Đồng lòng và Vì điều tốt đẹp hơn – định hướng các quyết định, định hình văn hóa và là nền tảng cho niềm tin chúng tôi xây dựng với các bên liên quan.





03

Khám phá tiềm năng ngành

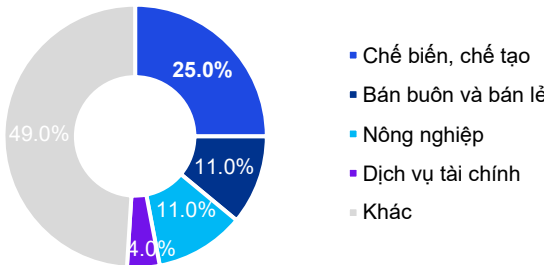
Sản xuất công nghiệp

Nghị quyết số 10 đánh dấu sự chuyển mình của ngành sản xuất từ tập trung vào số lượng sang chất lượng: công nghệ cao hơn, nội địa hóa sâu hơn, đổi mới sáng tạo mạnh mẽ hơn và liên kết chặt chẽ hơn giữa các nhà sản xuất đa quốc gia với doanh nghiệp Việt Nam.

1. ĐÓNG GÓP CHO NỀN KINH TẾ

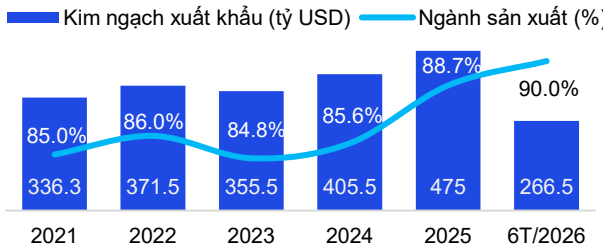
Công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam đóng góp lớn vào GDP và xuất khẩu. Thông qua Công nghiệp 4.0, các công nghệ tiên tiến đã nâng cao đáng kể năng lực cạnh tranh của ngành sản xuất.

Đóng góp vào GDP theo ngành, 6T 2026



Việc mở rộng ngành điện tử, máy móc và da giày dự kiến sẽ là động lực chính cho tăng trưởng xuất khẩu trong thời gian tới.

Đóng góp của ngành sản xuất vào xuất khẩu



Mặt hàng xuất khẩu chủ lực, 6T 2026 (tỷ USD)

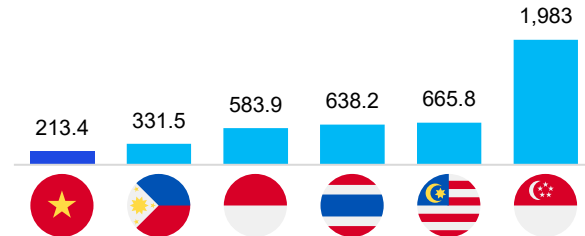


Nguồn: NSO, Bộ Công Thương, Cục Hải quan

2. ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI

Khi các quốc gia phát triển đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn cung, chuỗi cung ứng và điểm đến đầu tư, sản xuất công nghiệp của Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển trong những năm tới.

Lương công nhân nhà máy, 2025 (USD/tháng)



Việt Nam vẫn duy trì lợi thế cạnh tranh về chi phí lao động trong khu vực. Bên cạnh đó, các FTA cho phép Việt Nam đa dạng hóa đối tác cung ứng thông qua mạng lưới thương mại rộng lớn hơn, đồng thời nhập khẩu hàng hóa trung gian giá rẻ hơn từ các nước đối tác, qua đó nâng cao sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu.

Việt Nam tích cực hỗ trợ ngành sản xuất thông qua kết hợp các ưu đãi thuế, chính sách địa điểm chiến lược và các chương trình phát triển có trọng tâm.

Các chính sách hỗ trợ chủ yếu

- Nghị quyết số 10-NQ/TW được kỳ vọng sẽ định hình lại ngành sản xuất công nghiệp của Việt Nam, từ mô hình thâm dụng lao động, dựa trên lắp ráp sang hệ sinh thái sản xuất công nghệ cao, dẫn dắt bởi đổi mới sáng tạo và có tỷ lệ nội địa hóa cao hơn.
- Nghị quyết số 68-NQ/TW, ban hành ngày 04/05/2025, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư vào các ngành tăng trưởng cao, nơi vốn và chuyên môn nước ngoài đặc biệt có giá trị, bao gồm sản xuất công nghệ cao. Điều này mở ra những hướng đi mới bên cạnh lợi thế truyền thống là cơ sở sản xuất chi phí thấp.
- Theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP, Quỹ Hỗ trợ đầu tư được kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến ngành sản xuất công nghiệp của Việt Nam thông qua các ưu đãi tài chính nhằm khuyến khích đầu tư vào công nghiệp công nghệ cao và R&D.
- Ngày 21/09/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1018/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2050.

Gặp gỡ chuyên gia



Lê Thị Kiều Nga

Thành viên Điều hành,
Trưởng Dịch vụ Tư vấn Chiến lược Thuế

Cập nhật thông tin

Sử dụng [đường dẫn này](#) hoặc quét mã để đăng ký nhận Bản tin quý về Sản xuất công nghiệp của KPMG



Lộ trình ngành bán dẫn

Quyết định số 1018/QĐ-TTg ban hành năm 2024 đã đề ra Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2050. Trong bối cảnh Việt Nam đẩy nhanh mục tiêu trở thành trung tâm bán dẫn chiến lược, Việt Nam đang tìm kiếm đầu tư vào sản xuất tiên tiến, nghiên cứu và phát triển (R&D), phát triển nhân lực và hạ tầng hỗ trợ.

Giai đoạn 12024 – 2030	Giai đoạn 22030 – 2040	Giai đoạn 32040 – 2050
- Thu hút có chọn lọc FDI để phát triển ngành. - Phát triển các sản phẩm bán dẫn chuyên dụng phục vụ một số ngành và lĩnh vực.	- Phát triển công nghiệp bán dẫn dựa trên cả nguồn lực trong nước và FDI. - Từng bước tự chủ trong thiết kế và sản xuất các sản phẩm bán dẫn chuyên dụng.	- Làm chủ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực bán dẫn. - Hoàn thiện hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn trong nước, có năng lực dẫn đầu ở một số công đoạn và phân khúc của chuỗi sản xuất.

Diễn biến hiện tại

Tổng quan ngành	Nguồn nhân lực
50+ Doanh nghiệp thiết kế chip 14.2 tỷ USD Tổng vốn FDI vào bán dẫn 7,000 Kỹ sư thiết kế chip 241 Dự án FDI liên quan đến bán dẫn	166+ Trường đại học đào tạo các ngành liên quan đến bán dẫn 134,000 Sinh viên mỗi năm thuộc khối kỹ thuật và công nghệ
Cột mốc quan trọng	Thách thức chính
- Ngày 16/01/2026, Tập đoàn Viettel chính thức khởi công xây dựng nhà máy sản xuất chip bán dẫn đầu tiên của Việt Nam tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội. Với diện tích 27 ha, dự án là hạ tầng quốc gia trọng điểm phục vụ nghiên cứu và sản xuất chip. - Năm 2026, Intel bắt đầu chuyển các dây chuyền lắp ráp và kiểm thử tiên tiến cho chip trung tâm dữ liệu từ Costa Rica sang Khu Công nghệ cao Sài Gòn và chuyển giao công nghệ đóng gói tiên tiến EMIB cho nhà máy; dự thảo sửa đổi về Quỹ Hỗ trợ đầu tư của Chính phủ sẽ đưa sản xuất bán dẫn vào nhóm hỗ trợ cao nhất (tối đa 30%).	- Khoảng trống hệ sinh thái - Thiếu hụt nhân lực - Nhu cầu về hạ tầng và vốn - Cần hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ, R&D chung, phát triển nhân lực và hội nhập chuỗi cung ứng toàn cầu

Ngành bán dẫn Việt Nam đang có đà tăng trưởng mạnh mẽ nhờ dòng vốn FDI dồi dào, năng lực thiết kế và đóng gói tiên tiến ngày càng mở rộng cùng các sáng kiến được Chính phủ hỗ trợ. Tuy nhiên, vẫn còn thách thức về phát triển nhân lực, hạ tầng R&D, mức độ hoàn thiện của hệ sinh thái và chuyển giao công nghệ, tạo ra cơ hội đáng kể để nhà đầu tư cùng định hình giai đoạn phát triển tiếp theo của ngành bán dẫn Việt Nam.

Nguồn: Chính phủ Việt Nam

Dịch vụ Báo cáo Tuân thủ & Định kỳ

Dành cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Quý doanh nghiệp đã từng gặp những tình huống này?

Trễ hạn nộp báo cáo



...và chỉ nhận ra khi cơ quan quản lý liên hệ.

Bỏ sót do thay đổi nhân sự



Nhân sự phụ trách nghĩ việc – không ai biết đã đến hạn nộp báo cáo.

Lo ngại bị xử phạt



Mức phạt lên đến 50 triệu VND/ báo cáo – kèm theo sự giám sát chặt chẽ hơn từ cơ quan quản lý.

Công việc quá tải



Số lượng lên đến 40 báo cáo/ năm, liên quan đến nhiều cơ quan và nhiều mốc thời hạn khác nhau.

Các báo cáo về Đầu tư, Lao động, Thống kê và Vay nước ngoài phát sinh quanh năm - chỉ một sơ suất cũng có thể làm chậm thủ tục cấp phép và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trọn gói dịch vụ. Trọn bộ báo cáo. Đúng hạn.

KPMG đảm nhận toàn bộ các báo cáo định kỳ thay Quý doanh nghiệp - từ theo dõi thời hạn đến nộp báo cáo hoàn chỉnh - để Quý doanh nghiệp tập trung vào hoạt động kinh doanh.

Giảm thiểu rủi ro

Theo dõi và nhắc trước các thời hạn nộp báo cáo. Chủ động - không bất ngờ - hạn chế rủi ro bị xử phạt.

Chất lượng chuẩn mực

Được KPMG chuẩn bị và rà soát trước khi nộp chính thức.

Phí dịch vụ hợp lý

Mức phí trọn gói rõ ràng, và được thống nhất trước.

Quản lý tập trung toàn bộ các báo cáo định kỳ

Báo cáo đầu tư

Báo cáo định kỳ về dự án đầu tư gửi cơ quan cấp phép.

Báo cáo lao động

Báo cáo định kỳ về sử dụng lao động và lao động nước ngoài.

Báo cáo thống kê

Báo cáo thống kê tháng, quý, năm theo quy định đối với doanh nghiệp FDI.

Báo cáo vay nước ngoài

Báo cáo khoản vay nước ngoài, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định.

Lịch tuân thủ

Theo dõi lịch nghĩa vụ báo cáo riêng cho từng doanh nghiệp, kèm nhắc hạn sớm từ KPMG.

Lập & nộp báo cáo

Soạn thảo, rà soát, nộp báo cáo và lưu trữ hồ sơ sẵn sàng cho các đợt thanh kiểm tra.

Bắt đầu đơn giản với 3 bước

Rà soát miễn phí

Xác định các báo cáo cần được áp dụng và những điểm còn thiếu sót.



Một gói, một mức phí

Thiết kế theo nghĩa vụ của từng doanh nghiệp & chi phí được thống nhất trước.



KPMG đồng hành

Doanh nghiệp tập trung tăng trưởng - KPMG hỗ trợ nghĩa vụ tuân thủ quy định.

Tuân thủ đúng hạn. Tiết kiệm thời gian. Hạn chế rủi ro.

Gặp gỡ chuyên gia



Nguyễn Quang Phúc

Phó Tổng giám đốc,
Trưởng Dịch vụ Hỗ trợ Doanh nghiệp



Nguyễn Thùy Dương

Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Bộ phận
Tư vấn Di chuyển Nhân lực Toàn cầu

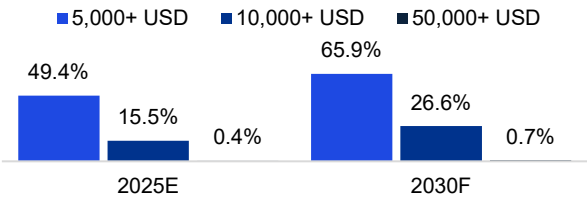
Tiêu dùng & bán lẻ (1/2)

Việt Nam có những điều kiện thuận lợi để ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ phát triển.

1. ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

Tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng tại Việt Nam mang lại nhiều cơ hội hấp dẫn cho ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ.

Phân bổ thu nhập khả dụng hộ gia đình (% tổng dân số)



Việt Nam đang chứng kiến sự dịch chuyển dân số đáng kể từ nông thôn ra thành thị, thể hiện qua tỷ lệ đô thị hóa ngày càng tăng.

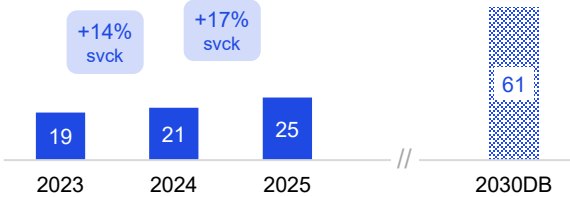
Mức độ đô thị hóa cao hơn thường làm tăng sức hấp dẫn của thị trường đối với doanh nghiệp nhờ logistics phát triển, người tiêu dùng tập trung và sức mua gia tăng.

Tỷ lệ đô thị hóa



Xu hướng này thúc đẩy sự mở rộng của thương mại điện tử và bán lẻ hiện đại, do cư dân đô thị với lối sống bận rộn có xu hướng sử dụng các kênh bán lẻ trực tuyến nhiều hơn. Điều này cũng phù hợp với sự gia tăng độ phủ internet và hệ thống ví điện tử tại Việt Nam.

Tổng giá trị hàng hóa giao dịch – Thương mại điện tử (tỷ USD)



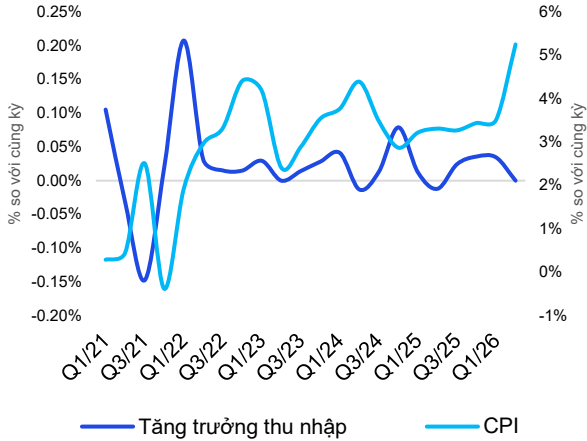
Cơ cấu dân số Việt Nam hiện nay có đặc điểm là thế hệ Gen Z và Gen Y tham gia ngày càng nhiều vào lực lượng lao động. Khi các thế hệ này ngày càng có ảnh hưởng, sức mua và sở thích thay đổi của họ được kỳ vọng sẽ định hình thị trường. Do đó, các xu hướng tiêu dùng mới tại Việt Nam sẽ chủ yếu được dẫn dắt bởi Gen Z, Gen Y và Gen Alpha.

Nguồn: Fitch Solutions, DataReportal, Google, Temasek, Bain & Company, NielsenIQ, Cục Thống kê

2. CƠ CẤU TIÊU DÙNG

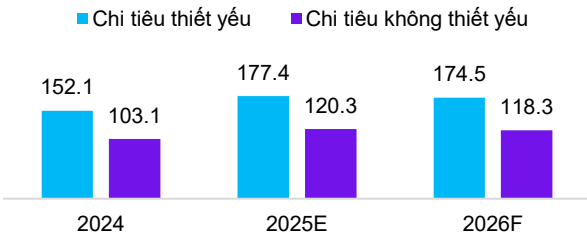
Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu bán lẻ tăng 12.9% so với cùng kỳ, nhưng tăng trưởng thực tế chỉ đạt 7.3% sau khi loại trừ yếu tố giá, phản ánh thu nhập khả dụng tăng chậm trong bối cảnh giá cả tăng do căng thẳng địa chính trị, khiến người tiêu dùng chi tiêu thận trọng.

CPI so với thu nhập bình quân của người lao động (% so với cùng kỳ)



Người tiêu dùng nhạy cảm về giá và có xu hướng tiết kiệm cao khiến chi tiêu thiết yếu chiếm ưu thế trên thị trường. Mô hình chi tiêu có thể tiếp tục phân hóa khi lạm phát duy trì quanh mức 4%, trong đó các nhóm thiết yếu như thực phẩm và dược phẩm giữ vững, còn các nhóm không thiết yếu như phương tiện đi lại và điện tử tiêu dùng chịu nhu cầu yếu hơn do người tiêu dùng nhạy cảm hơn về giá.

Chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu (tỷ USD)



*Định nghĩa nhóm hàng của Fitch:

- Thiết yếu: Thực phẩm và đồ uống không cồn; quần áo và giày dép; nhà ở và tiện ích; thông tin liên lạc và giao thông
- Không thiết yếu: Đồ uống có cồn và thuốc lá; nội thất và đồ gia dụng; y tế; giải trí và văn hóa; giáo dục; nhà hàng và khách sạn; bảo hiểm và dịch vụ tài chính; chăm sóc cá nhân, bảo trợ xã hội và các hàng hóa, dịch vụ khác

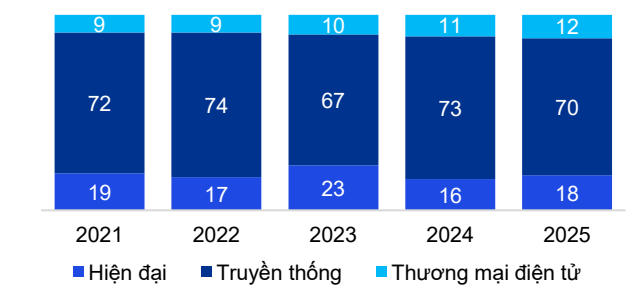
Tiêu dùng & bán lẻ (2/2)

Ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ tại Việt Nam vẫn hấp dẫn, đặc biệt ở các phân khúc thực phẩm, dược phẩm và dịch vụ hỗ trợ liên quan.

3. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC KÊNH BÁN LẺ

Năm 2026, kênh bán lẻ hiện đại tiếp tục mở rộng nhanh chóng nhờ việc dần xóa bỏ chợ tạm, chợ cóc và đẩy mạnh đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Kênh bán lẻ hiện đại cung cấp nguồn hàng tiêu dùng đa dạng, phong phú, có nguồn gốc rõ ràng và chất lượng đáng tin cậy, mang lại lựa chọn an toàn, lành mạnh hơn cho người tiêu dùng, đồng thời củng cố niềm tin và lòng trung thành của khách hàng.

Doanh thu bán lẻ theo kênh (%)



Những năm gần đây, các nhà bán lẻ lớn trong và ngoài nước rất quan tâm phát triển mạng lưới phân phối tại Việt Nam thông qua đầu tư vào trung tâm thương mại, siêu thị và chuỗi cửa hàng tiện lợi hiện đại tại các khu vực đô thị trên cả nước. Trong đó, chuỗi bán lẻ thực phẩm và chuỗi nhà thuốc là những điểm sáng.

Việt Nam cũng chứng kiến sự tăng trưởng nhanh của thương mại điện tử nhờ tỷ lệ sử dụng internet cao và dịch vụ logistics mở rộng. Bên cạnh việc thay đổi hành vi mua sắm của người tiêu dùng, thương mại điện tử đã trở thành động lực quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa mở rộng thị trường và khai thác cơ hội xuyên biên giới.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức như kiểm soát chất lượng, phòng chống gian lận, chi phí đầu tư hạ tầng và lo ngại về bảo mật dữ liệu, an toàn giao dịch trực tuyến.

Trong thời gian tới, việc tăng cường phối hợp chính sách, cải thiện giám sát quản lý, hỗ trợ nhiều hơn cho chuyển đổi số và tiếp tục đầu tư vào hạ tầng logistics, công nghệ sẽ là yếu tố then chốt để duy trì tăng trưởng thương mại điện tử tại Việt Nam.

Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Công Thương

4. CƠ HỘI CHO CÁC DOANH NGHIỆP

Sự phát triển của ngành Hàng tiêu dùng và Bán lẻ cũng mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ:

- Hạ tầng chuỗi cung ứng lạnh của Việt Nam vẫn chưa phát triển, gây lãng phí nông sản và hạn chế sự phát triển của thị trường thực phẩm tươi sống giá trị cao. Đầu tư vào kho lạnh theo khu vực và trung tâm phân phối thực phẩm tươi sống đạt chuẩn có thể giúp doanh nghiệp mở rộng kênh bán lẻ thực phẩm cao cấp.
- Logistics, kho thông minh và dịch vụ giao hàng siêu tốc được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng chính trong những năm tới, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về hiệu quả và sự tiện lợi trong hoạt động bán lẻ.
- Hạ tầng công nghệ phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo mật dữ liệu và quản lý thanh toán số cần được phát triển hơn nữa nhằm củng cố niềm tin của người tiêu dùng và nâng cao trải nghiệm khách hàng
- Cửa hàng thông minh và trung tâm bán lẻ ứng dụng công nghệ tích hợp trải nghiệm nhập vai như Thực tế tăng cường (AR) và Thực tế ảo (VR) được kỳ vọng sẽ ngày càng phổ biến và trở thành mô hình kinh doanh hiệu quả, đặc biệt tại các đô thị lớn.

Khung pháp lý

- Năm 2026, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị quyết số 88/NQ-CP nhằm phát triển thị trường trong nước và kích cầu tiêu dùng. Nghị quyết tạo nhiều điều kiện thuận lợi để thúc đẩy tăng trưởng tiêu dùng, phát triển hệ sinh thái thương mại và phân phối hiện đại tại Việt Nam.
- Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 17/10/2025 quy định nâng mức giảm trừ gia cảnh thuế TNCN, có hiệu lực từ 01/01/2026. Chính sách này ước tính giúp tăng thu nhập sau thuế của người dân khoảng 10%, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tiêu dùng.
- Chính sách giảm 2% thuế GTGT hiện hành được thực hiện theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 của Quốc hội và hướng dẫn chi tiết tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP (ban hành ngày 30/06/2025). Chính sách áp dụng từ 01/07/2025 đến 31/12/2026, giảm thuế suất từ 10% xuống 8% đối với nhiều nhóm hàng hóa, dịch vụ.

Y tế

1. ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

Thị trường y tế và dược phẩm Việt Nam được kỳ vọng tăng trưởng bền vững nhờ sự kết hợp của các yếu tố nhân khẩu học, kinh tế và chính sách.

Việt Nam đang nhanh chóng chuyển sang giai đoạn già hóa dân số, với thời kỳ dân số vàng dự kiến kết thúc vào năm 2036 khi người từ 65 tuổi trở lên chiếm 15% dân số. Sự thay đổi này được kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhu cầu về dịch vụ y tế, dược phẩm và chăm sóc dự phòng, đặc biệt đối với các bệnh mạn tính như tiểu đường, tim mạch và ung thư.

Đồng thời, thu nhập tăng và mức sống được cải thiện cho phép chi tiêu nhiều hơn cho y tế, trong khi tuổi thọ cao hơn làm tăng nhu cầu điều trị lâu dài và dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Việc tiếp tục mở rộng hệ thống bảo hiểm y tế toàn dân, bao phủ hơn 95% dân số vào cuối năm 2025, cũng giúp nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và thúc đẩy sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh và thuốc.

Ngoài ra, sự phát triển của các kênh phân phối chính thức, được quản lý giúp tăng cường đảm bảo chất lượng sản phẩm và định hình lại hành vi mua sắm của người tiêu dùng, thúc đẩy sự phát triển của chuỗi nhà thuốc hiện đại và mạng lưới bán lẻ y tế có tổ chức.

Các chỉ số thị trường y tế Việt Nam

4.6% Tổng GDP (2025)	Đứng thứ 13 trong nhóm thị trường y tế lớn nhất châu Á – TBD (2025)
10.0 tỷ USD Chi tiêu Chính phủ (2025)	5.6% CAGR chi tiêu Chính phủ (2025 - 2030)
13.4 tỷ USD Chi tiêu tư nhân (2025)	8.6% CAGR chi tiêu tư nhân (2025 - 2030)

2. XU HƯỚNG & CƠ HỘI NGÀNH

Ngành y tế Việt Nam đang thu hút đầu tư ngày càng lớn vào dược phẩm, dịch vụ y tế và y tế số, nhờ khung pháp lý thuận lợi, nhu cầu gia tăng và quá trình hiện đại hóa y tế đang diễn ra.

Các xu hướng đầu tư & phát triển chính:

- Chiến lược tăng trưởng chuyên biệt: Các doanh nghiệp dẫn đầu tập trung vào dược phẩm chất lượng cao, thuốc chuyên khoa, dược liệu và hệ sinh thái phân phối tích hợp để thúc đẩy tăng trưởng dài hạn.
- Nâng cấp sản xuất dược phẩm: Các nhà sản xuất thuốc đầu tư vào nhà máy đạt chuẩn EU-GMP, công nghệ sản xuất tiên tiến và R&D ứng dụng AI để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh và hiệu quả lợi nhuận.
- Tăng cường tự chủ chuỗi cung ứng: Doanh nghiệp đẩy mạnh nội địa hóa nguyên liệu dược và củng cố mạng lưới phân phối nhằm nâng cao khả năng chống chịu và hiệu quả vận hành.

Nguồn: BMI, NSO, Chính phủ Việt Nam

- Gia tăng đầu tư nước ngoài: Môi trường pháp lý thuận lợi và nền tảng thị trường vững chắc tiếp tục thu hút nhà đầu tư và đơn vị vận hành y tế quốc tế vào lĩnh vực dịch vụ y tế Việt Nam.
- Mở rộng y tế tư nhân: Các tập đoàn y tế tư nhân toàn cầu đang tích cực tìm kiếm cơ hội tại thị trường y tế tư nhân tăng trưởng nhanh của Việt Nam.
- Chuyển đổi số y tế: Chính phủ đang đẩy nhanh số hóa y tế thông qua các sáng kiến như bệnh viện thông minh, hồ sơ sức khỏe điện tử và nền tảng y tế số, tạo cơ hội cho cả nhà đầu tư trong và ngoài nước. Khu vực tư nhân cũng ngày càng ứng dụng công cụ số trong phòng bệnh, tư vấn, điều trị và quản lý sức khỏe.

Khung pháp lý

- Lệnh Đầu thầu 2023 & Thông tư số 03/2024/TT-BYT: Ưu tiên thuốc sản xuất trong nước đạt chuẩn EU-GMP trong mua sắm công, tạo thêm cơ hội tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp dược nội địa.
- Lệnh Dược sửa đổi số 44/2024/QH15 & Nghị định số 163/2025: Đơn giản hóa thủ tục đăng ký thuốc, đẩy nhanh cấp phép thuốc generic, hỗ trợ phát triển nhà thuốc trực tuyến và rút ngắn thời gian đưa sản phẩm mới ra thị trường.
- Chiến lược phát triển ngành Dược đến năm 2030 (Quyết định số 1165/QĐ-TTg): Thúc đẩy nội địa hóa dược phẩm, tăng cường tự chủ nguyên liệu dược (API) và hướng tới đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm của khu vực ASEAN.
- Chiến lược quốc gia về y tế: Tầm nhìn đến năm 2045 tập trung vào bao phủ y tế toàn dân, nâng cao chất lượng, kiểm soát dịch bệnh, hợp tác công tư và phát triển nhân lực y tế.

Gặp gỡ chuyên gia



Luke Treloar

Thành viên Điều hành,
Trưởng Bộ phận Tư vấn Chiến lược,
Trưởng Khối Cơ sở Hạ tầng,
Chính phủ & Y tế (IGH)

Cập nhật thông tin

Sử dụng [đường dẫn này](#) hoặc quét mã để đăng ký nhận Bản tin hàng tháng Ngành Y tế & Khoa học đời sống của KPMG



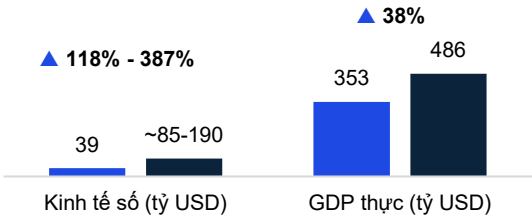
Công nghệ (1/2)

1. TỔNG QUAN NGÀNH

Việt Nam là nền kinh tế số tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á, tăng 17% từ 34 tỷ USD năm 2024 lên 39 tỷ USD năm 2025. Kinh tế số Việt Nam dự kiến tăng trưởng nhanh gấp hơn ba lần GDP đến năm 2030. Đây là tín hiệu tích cực khi Việt Nam chuyển từ giai đoạn phục hồi sang bứt phá.

Kinh tế số so với tăng trưởng GDP

■ 2025 ■ 2030F



Bất chấp những khó khăn của kinh tế vĩ mô toàn cầu, Việt Nam đang đi đúng hướng để đạt mục tiêu kinh tế số chiếm 30% GDP vào năm 2030.

Trong 6T 2026, các doanh nghiệp công nghệ trong nước với năng lực ngày càng nâng cao là những đóng góp chủ chốt vào chuỗi giá trị công nghệ của Việt Nam.

81,200 doanh nghiệp công nghệ số

1.67 triệu lao động làm việc trong ngành Công nghệ thông tin và Truyền thông (ICT)

99.2 tỷ USD tổng doanh thu ngành công nghệ số Việt Nam (▲37% so với cùng kỳ)

84.3 tỷ USD doanh thu xuất khẩu phần cứng, điện tử (▲30,1% so với cùng kỳ)

2. NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), nay là phiên bản thứ 18, đo lường kết quả đổi mới sáng tạo của các nền kinh tế

trên thế giới. Năm 2025, Việt Nam xếp hạng **44** trên 139 nền kinh tế trong GI 2025, đồng thời xếp:

Đứng thứ 2 trong 37 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp.

Đứng thứ 9 trong 17 nền kinh tế Đông Nam Á, Đông Á và châu Đại Dương.

GII 2025 cho thấy hiện trạng đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, tốc độ tiếp nhận công nghệ và những tác động xã hội đi kèm:

	Thứ hạng GI	Đầu vào đổi mới sáng tạo	Đầu ra đổi mới sáng tạo
2022	48	59	41
2023	46	57	40
2024	44	53	36
2025	44	50	37

Kết quả GI 2025 cho thấy:

- So với GDP, Việt Nam đạt kết quả vượt kỳ vọng so với trình độ phát triển. Việt Nam chuyển hóa hiệu quả đầu tư cho đổi mới sáng tạo thành kết quả đổi mới sáng tạo.
- Năm 2025, lần đầu tiên Việt Nam xếp hạng nhất thế giới về xuất khẩu hàng hóa sáng tạo. Vị trí dẫn đầu này không chỉ phản ánh sự tăng trưởng về sản lượng và giá trị sản xuất mà còn cả năng lực sáng tạo, với các sản phẩm mang tính đổi mới, thiết kế và bản sắc văn hóa. Điều này cũng cho thấy sự giảm phụ thuộc vào sản xuất giản đơn, chi phí thấp và đa dạng hóa sang hàng hóa công nghệ cao, giá trị gia tăng và sáng tạo.
- Trong bảy trụ cột của GI, Việt Nam xếp hạng cao nhất ở sản phẩm sáng tạo, sản phẩm tri thức và công nghệ, và trình độ phát triển của thị trường.
- Thách thức mang tính cơ cấu vẫn còn, với các chỉ số đầu vào như năng lực R&D, giáo dục đại học, nguồn nhân lực có kỹ năng và hạ tầng nghiên cứu còn khiêm tốn.

Nguồn: Google, Temasek, Bain & Company, Bộ Khoa học và Công nghệ

Công nghệ (2/2)

3. ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG MỚI

Ngành công nghệ Việt Nam bước vào giai đoạn tăng trưởng mới, được dẫn dắt bởi một số ngành then chốt, tạo ra cơ hội dài hạn:

Trung tâm dữ liệu

Sự bùng nổ của AI và điện toán đám mây đang thúc đẩy nhu cầu mạnh mẽ về trung tâm dữ liệu siêu quy mô trên toàn cầu. Việt Nam ngày càng hấp dẫn nhờ chi phí xây dựng cạnh tranh, hiệu quả dự án cao và vị trí chiến lược gần các trung tâm số và kinh tế lớn của châu Á.

Hạ tầng AI

Khi các tổ chức tăng chi tiêu cho công nghệ, đặc biệt là AI, để nâng cao lợi thế cạnh tranh, hạ tầng AI được kỳ vọng sẽ trở thành mảng chỉ tiêu AI lớn nhất. Các khoản đầu tư trong nước như Nhà máy AI của FPT và Trung tâm dữ liệu siêu quy mô của CMC đang giúp Việt Nam tham gia thị trường hạ tầng AI đang tăng trưởng, bao gồm điện toán đám mây GPU, AI như một dịch vụ (AlaaS), AI tạo sinh và dữ liệu lớn.

Hạ tầng 5G

Với vùng phủ sóng 5G đã đạt 91,2% dân số, tăng trưởng trong thời gian tới sẽ tập trung vào nâng cao dung lượng, chất lượng mạng và hiệu quả sử dụng phổ tần. Việc cấp phép thêm băng tần và chuẩn bị cho 5G-Advanced, 6G dự kiến sẽ thúc đẩy triển khai thêm trạm thu phát sóng (BTS), cho thuê hạ tầng và dịch vụ vận hành mạng.

Bán dẫn

Nhu cầu về AI và điện tử tiên tiến ngày càng tăng đang thúc đẩy đầu tư bán dẫn trên toàn cầu. Việt Nam đang thu hút các doanh nghiệp hàng đầu như NVIDIA, Qualcomm, Lam Research, Qorvo và AIChip, mở rộng hoạt động R&D, thiết kế chip, kiểm thử, đóng gói và chuỗi cung ứng. Dòng vốn FDI tiếp tục chảy vào được kỳ vọng sẽ củng cố hệ sinh thái bán dẫn và hội nhập toàn cầu của Việt Nam.

4. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Việt Nam đã nhanh chóng xây dựng khung pháp lý toàn diện cho kinh tế số, kết hợp ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quản trị AI và dữ liệu cùng các quy định chuyên ngành về công nghệ.

Chính sách/ Quy định	Ngày ban hành/ Hiệu lực	Mục tiêu chính	Tác động tới đầu tư
Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	12/2024	Xác định khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là động lực tăng trưởng then chốt của quốc gia.	Thúc đẩy cải cách thể chế, chính sách thân thiện với đổi mới sáng tạo, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) và thử nghiệm công nghệ.
Nghị quyết số 193/2025/QH15 về cơ chế thí điểm đặc biệt	02/2025	Đưa ra các cơ chế thí điểm nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Tạo môi trường linh hoạt hơn cho công nghệ mới nổi và mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo.
Luật Công nghiệp công nghệ số (Luật số 71/2025/QH15)	06/2025 01/2026	Thiết lập khung pháp lý riêng cho ngành công nghiệp công nghệ số của Việt Nam.	Hỗ trợ phát triển sản phẩm số, nền tảng số, AI, trung tâm dữ liệu và các lĩnh vực công nghệ chiến lược.
Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Luật số 93/2025/QH15)	06/2025 10/2025	Củng cố hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hoạt động R&D.	Mở rộng hỗ trợ cho R&D, trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và thương mại hóa công nghệ.
Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (Luật số 91/2025/QH15)	06/2025 01/2026	Tăng cường các yêu cầu về bảo vệ DLCN và quyền riêng tư.	Thiết lập yêu cầu tuân thủ đối với AI, điện toán đám mây, nền tảng số, fintech, thương mại điện tử và doanh nghiệp sử dụng nhiều dữ liệu.
Luật Đầu tư (Luật số 143/2025/QH15)	12/2025 03/2026	Cập nhật ưu đãi đầu tư và cơ chế hỗ trợ đặc biệt.	Tăng cường ưu đãi cho bán dẫn, trung tâm dữ liệu AI, sản phẩm công nghệ số và dự án công nghệ chiến lược.
Luật Trí tuệ nhân tạo (Luật số 134/2025/QH15)	12/2025 03/2026	Xây dựng khung pháp lý toàn diện đầu tiên về AI tại Việt Nam.	Mang lại sự đảm bảo về pháp lý cho đầu tư vào AI, đồng thời đặt ra yêu cầu về quản trị AI và quản lý rủi ro.
Luật Công nghệ cao (Luật số 133/2025/QH15)	12/2025 07/2026	Điều chỉnh các ngành công nghệ cao và công nghệ chiến lược.	Tăng cường hỗ trợ cho doanh nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ và phát triển công nghệ chiến lược.

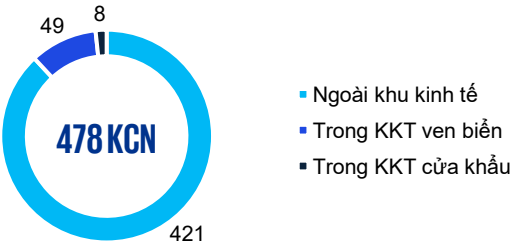
Nguồn: Chính phủ Việt Nam, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Chứng khoán Mirae Asset

Bất động sản (1/2)

Sự thay đổi trong bức tranh FDI, hạ tầng và khung pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho ngành Bất động sản.

1. PHÂN KHÚC CÔNG NGHIỆP

Bất chấp bối cảnh kinh tế vĩ mô toàn cầu nhiều thách thức, bất động sản công nghiệp Việt Nam vẫn ghi nhận kết quả tích cực ở nhiều loại tài sản và khu vực, nhờ nhu cầu mạnh mẽ.



Cơ cấu khách thuê khác nhau theo vùng. Miền Nam tiếp tục thu hút các ngành sản xuất truyền thống như dệt may, cơ khí, chế biến thực phẩm và hàng tiêu dùng nhanh, trong khi miền Bắc vẫn là trung tâm sản xuất công nghệ và điện tử. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp logistics và thương mại điện tử tiếp tục duy trì mức hấp thụ kho bãi ổn định.

Ngoài các trung tâm công nghiệp truyền thống như Bắc Ninh, Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh và Đồng Nai, doanh nghiệp đang tìm kiếm cơ hội tại các tỉnh mới nổi với quỹ đất dồi dào hơn, chi phí cạnh tranh hơn và kết nối hạ tầng ngày càng cải thiện. Xu hướng này đang mở rộng bản đồ công nghiệp Việt Nam và tạo cơ hội tăng trưởng mới cho các thị trường thứ cấp.

Nguồn cung 6T 2026



41.000 ha

Đất công nghiệp
+1% svck



10.4 triệu m²

Nhà xưởng xây sẵn
+15% svck



8.6 triệu m²

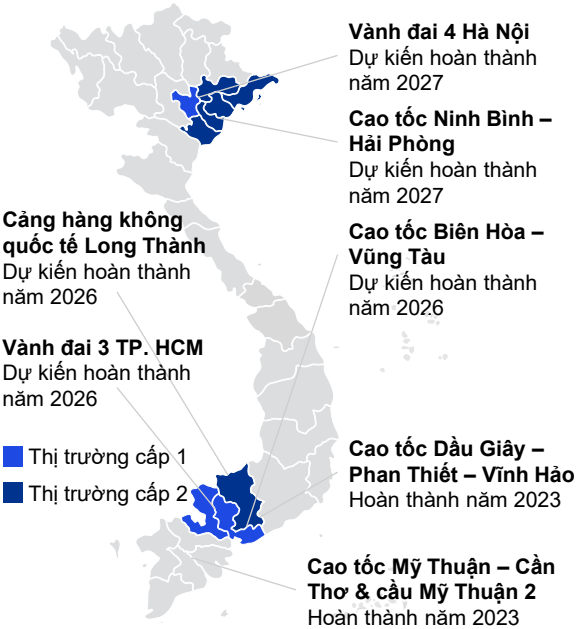
Nhà kho xây sẵn
+10% svck

Thị trường bất động sản công nghiệp Việt Nam đang chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo, với dòng vốn đầu tư ngày càng chuyển dịch sang hạ tầng số, đặc biệt là trung tâm dữ liệu, nhờ Nghị quyết số 10-NQ/TW, nhu cầu kỹ thuật số tăng và môi trường pháp lý thuận lợi hơn.

Savills dự báo thị trường trung tâm dữ liệu Việt Nam có thể tăng gần gấp đôi vào năm 2030, nhờ các dự án siêu quy mô, đầu tư nước ngoài và yêu cầu bảo vệ dữ liệu chặt chẽ hơn khuyến khích doanh nghiệp lưu trữ và xử lý dữ liệu trong nước.

Nguồn: Savills, Cục Đầu tư nước ngoài, JLL

Các dự án hạ tầng trọng điểm – động lực tăng trưởng của phân khúc công nghiệp



Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục tái cấu trúc, nhà đầu tư ngày càng ưu tiên các khu công nghiệp có kết nối vùng thuận lợi, hạ tầng logistics đồng bộ gần các trung tâm sản xuất lớn, đồng thời có năng lực hỗ trợ hợp tác lâu dài.

2. PHÂN KHÚC BÁN LẺ

Thị trường bất động sản bán lẻ Việt Nam tiếp tục diễn biến tích cực trong năm 2026 nhờ tiêu dùng nội địa phục hồi dần, dù tốc độ phục hồi khác nhau giữa các phân khúc và khu vực.

Tại Hà Nội, nguồn cung bán lẻ mới ngày càng tập trung ở các quận ngoại trung tâm, đặc biệt khu vực phía Tây và vùng ven, phản ánh sự phát triển của các dự án bán lẻ quy mô lớn song hành cùng quá trình mở rộng đô thị.

Trong khi đó, Tp. Hồ Chí Minh bước vào giai đoạn củng cố nguồn cung với ít dự án mới. Trọng tâm đã chuyển sang tối ưu cơ cấu khách thuê, nâng cao hiệu quả vận hành và duy trì tỷ lệ lấp đầy cao.

Một xu hướng quan trọng là sự gia tăng các dự án bán lẻ tích hợp trong khu đô thị hỗn hợp, nơi trung tâm thương mại hưởng lợi từ cộng đồng dân cư, văn phòng, trường học và tiện ích sẵn có. Mô hình này mang lại lượng khách hàng ổn định và thường xuyên hơn thay vì chủ yếu dựa vào khách vắng lại. Đồng thời, nhu cầu thuê đang vượt ra ngoài bán lẻ truyền thống, với sự quan tâm ngày càng lớn từ các thương hiệu trải nghiệm, giải trí và phong cách sống.

Nguồn: Cushman & Wakefield, VARS

Bất động sản (2/2)

3. PHÂN KHÚC VĂN PHÒNG

Thị trường văn phòng Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi, được thúc đẩy bởi sự thay đổi về nhu cầu của khách thuê, các dự án hạ tầng mới và mức độ quan tâm ngày càng lớn đến phát triển bền vững.

Tại Tp. Hồ Chí Minh, nhu cầu được hỗ trợ bởi việc thành lập Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam (VIFC-HCMC), khuyến khích doanh nghiệp đặt trụ sở trong khu tài chính được chỉ định, tạo động lực mạnh mẽ cho nhu cầu thuê văn phòng. Hoạt động cho thuê ngày càng tập trung vào các tòa nhà mới hoàn thành, chất lượng cao có chứng nhận xanh, trong khi nhiều khách thuê nâng cấp lên văn phòng tốt hơn thay vì mở rộng diện tích. Nguồn cung tương lai dự kiến tập trung tại các khu đô thị mới nổi với hạ tầng được cải thiện và quỹ đất sẵn có.

Tại Hà Nội, việc hoàn thành các dự án quy mô lớn, đặc biệt ở khu vực phía Tây, đã làm tăng đáng kể nguồn cung văn phòng và gia tăng cạnh tranh. Tỷ lệ trống tăng và giá thuê giảm nhẹ khiến khách thuê tìm kiếm các lựa chọn mới hơn, hiệu quả chi phí hơn ngoài khu trung tâm. Để ứng phó, chủ đầu tư áp dụng chiến lược cho thuê linh hoạt hơn và đầu tư vào chứng nhận công trình xanh, công nghệ tòa nhà thông minh nhằm nâng cao sức cạnh tranh và thu hút khách thuê.

Xu hướng chung tại cả hai thành phố là nhu cầu ngày càng tăng đối với các tòa nhà văn phòng chất lượng cao, bền vững và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Khi khách thuê trở nên chọn lọc hơn, văn phòng có chứng nhận xanh, tính năng tòa nhà thông minh và vị trí trong các khu đô thị tích hợp đang trở thành yếu tố khác biệt then chốt. Theo Bộ Xây dựng, tính đến quý II/2026, Việt Nam có hơn 800 công trình xanh, vượt xa mục tiêu ban đầu là 80 dự án vào năm 2025. Thành tựu đáng chú ý này thể hiện nỗ lực không ngừng của ngành bất động sản trong việc bắt kịp xu hướng phát triển bền vững toàn cầu. Chứng nhận xanh có thể củng cố vị thế thị trường của bất động sản và đáp ứng nhu cầu của khách thuê về công trình bền vững.

4. PHÂN KHÚC NHÀ Ở

Thị trường nhà ở Việt Nam tiếp tục đối mặt với tình trạng mất cân đối cung – cầu đáng kể. Nhà ở vừa túi tiền và trung cấp gần như vắng bóng tại Hà Nội và TP. HCM, trong khi dự án cao cấp chiếm ưu thế trong nguồn cung mới, đẩy giá nhà vượt quá khả năng chi trả của phần lớn người mua và làm chậm giao dịch. Lợi suất cho thuê thấp hơn cũng làm giảm sức hấp dẫn của đầu tư căn hộ để cho thuê.

Do đó, cả người mua nhà và nhà đầu tư đang dịch chuyển sang các khu vực lân cận của TP.HCM mở rộng như Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu, nơi giá vẫn hợp lý hơn và nhu cầu ở thực hỗ trợ thanh khoản.

Phân khúc nhà ở vừa túi tiền vẫn bị hạn chế bởi quỹ đất, thủ tục pháp lý kéo dài và biên lợi nhuận thấp. Để tháo gỡ điểm nghẽn thị trường, Chính phủ đã ban hành loạt giải pháp nhằm xử lý các dự án vướng mắc, hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội và nâng cao tính minh bạch của thị trường. Các sáng kiến chính bao gồm cải cách pháp lý, tín dụng ưu đãi cho nhà ở xã hội, đề xuất thành lập Quỹ Nhà ở quốc gia và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về bất động sản từ tháng 7/2026.

Nguồn: JLL, VIFC-HCMC, USGBC

Khung pháp lý

- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ 01/07/2025, làm rõ cách tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản. Giá tính thuế là giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT, trừ đi tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất đã nộp vào ngân sách nhà nước (gọi là “giá đất được trừ”). Quy định này được kỳ vọng giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong tính toán chi phí, đồng thời hỗ trợ cơ quan thuế quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh bất động sản, giảm thất thu ngân sách.
- Quốc hội thông qua Luật Kinh doanh bất động sản sửa đổi ngày 28/11/2023, có hiệu lực từ 01/08/2024. Luật quy định chi tiết về kinh doanh bất động sản, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Luật mới được kỳ vọng cung cấp những định hướng thiết yếu cho ngành bất động sản.
- Luật Đất đai 2024 được thông qua ngày 18/01/2024 và có hiệu lực từ 01/08/2024. Luật hướng tới đơn giản hóa thủ tục pháp lý và được kỳ vọng góp phần ổn định giá bất động sản.
- Luật Nhà ở 2023 được thông qua ngày 27/11/2023 và có hiệu lực từ 01/08/2024. Luật tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý nhằm giảm rủi ro cho người mua nhà và tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện chính sách nhà ở xã hội.

Nguồn: Savills, Chính phủ Việt Nam, VARS

Gặp gỡ chuyên gia



Lưu Bảo Liên

Thành viên Điều hành,
Trưởng Bộ phận Tư vấn
Quản lý Tài chính, Trưởng Khối Tư vấn
Ngành Bất động sản

Cập nhật thông tin

Sử dụng [đường dẫn này](#) hoặc quét mã để đăng ký nhận Bản tin quý về Bất động sản của KPMG



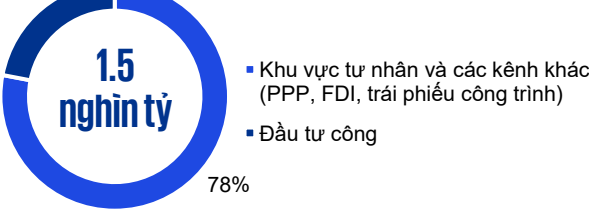
Hạ tầng – chất xúc tác tăng trưởng

Ngành hạ tầng Việt Nam bước vào chu kỳ tăng trưởng chưa từng có, tạo ra cơ hội hấp dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài.

1. TRIỂN VỌNG SẮP TỚI

Với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân khoảng 10%/năm giai đoạn 2026-2030, Việt Nam đang bước vào chu kỳ phát triển hạ tầng lớn nhất trong lịch sử. Các khoản đầu tư quy mô lớn được lên kế hoạch cho ngành giao thông, logistics, phát triển đô thị, năng lượng và hạ tầng số. Chương trình đầy tham vọng này tạo ra cơ hội lớn cho các nhà đầu tư tư nhân và nước ngoài tham gia vào giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của đất nước.

Vốn đầu tư toàn xã hội theo nguồn, 2026-2030*



*Ước tính của Bộ Tài chính

Để đạt mục tiêu tăng trưởng, Bộ Tài chính ước tính Việt Nam cần khoảng 1,500 tỷ USD vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030, trong đó 78% dự kiến đến từ khu vực tư nhân. Điều này tạo ra thách thức lớn về huy động vốn so với giai đoạn trước. Dù đầu tư công tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt, nguồn lực nhà nước không đủ để đáp ứng nhu cầu hạ tầng. Do đó, các kênh huy động vốn khác như đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đối tác công tư (PPP), trái phiếu hạ tầng và quỹ đầu tư hạ tầng được kỳ vọng sẽ ngày càng quan trọng.

Cơ hội đầu tư được hỗ trợ bởi danh mục các dự án hạ tầng quy mô lớn đang xây dựng hoặc chuẩn bị triển khai, bao gồm:

- Đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, tổng vốn đầu tư ước tính 58-67 tỷ USD;
- Đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, ước tính khoảng 8 tỷ USD;
- Cảng hàng không quốc tế Long Thành;
- Hệ thống đường sắt đô thị tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh;
- Mạng lưới cao tốc Bắc – Nam, các tuyến vành đai và hạ tầng logistics vùng.

Các dự án này không chỉ đòi hỏi nguồn vốn lớn mà còn tạo ra cơ hội dài hạn về tài chính, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, vận hành và quản lý hạ tầng.

Nguồn: Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Tài chính

2. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ CỦA CHÍNH PHỦ

Trước nhu cầu vốn ngày càng tăng, Việt Nam từng bước hoàn thiện khung pháp lý nhằm tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia sâu hơn vào phát triển hạ tầng.

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)

Trụ cột quan trọng của khung pháp lý này là Luật Đầu tư theo phương thức PPP, được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-VPQH (2025). Khung PPP cho phép cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia các lĩnh vực chiến lược quốc gia, bao gồm giao thông, đường sắt, cảng hàng không, năng lượng, xử lý chất thải, hạ tầng số và logistics.

Các cải cách gần đây đã giúp khung pháp lý này hấp dẫn hơn nhờ nâng cao hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng tiếp cận đầu tư:

- Nghị định số 243/2025/NĐ-CP đơn giản hóa thủ tục phê duyệt dự án, lựa chọn nhà đầu tư và thực hiện hợp đồng, góp phần giảm chậm trễ hành chính.
- Việc bãi bỏ quy mô đầu tư tối thiểu cho phép tham gia nhiều hơn vào các dự án quy mô nhỏ
- Việc mở rộng các lĩnh vực áp dụng PPP bên cạnh giao thông và tiện ích công cộng sang hạ tầng số, công nghệ và đổi mới sáng tạo tạo ra cơ hội tăng trưởng mới
- Tăng cường phân cấp giúp các tỉnh có thẩm quyền lớn hơn trong phê duyệt và thực hiện dự án PPP, đẩy nhanh việc ra quyết định và triển khai dự án.

Nghị quyết số 20-NQ/TW về xây dựng và phát triển Việt Nam thành quốc gia mạnh về biển

Với hơn 3,200 km bờ biển, địa kinh tế của Việt Nam vốn gắn liền với biển.

- Nghị quyết số 20 đánh dấu sự thay đổi căn bản trong tư duy chiến lược biển của Việt Nam, chuyển từ khai thác tài nguyên biển đơn thuần sang xây dựng toàn diện một quốc gia biển mạnh, bền vững và hội nhập.
- Mục tiêu các tỉnh, thành phố ven biển đóng góp hơn 70% GDP cả nước vào năm 2030.
- Nghị quyết số 218/NQ-CP được ban hành ngày 01/08/2026 nhằm triển khai chiến lược này với nhiệm vụ và mục tiêu rõ ràng đến năm 2030.

Các đô thị lớn mở rộng kênh huy động vốn cho phát triển hạ tầng

Bên cạnh các sáng kiến cấp quốc gia, các trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam cũng đang đưa ra các cơ chế huy động vốn đổi mới.

- Hà Nội đã ký thỏa thuận hợp tác với 5 ngân hàng thương mại hàng đầu để chuẩn bị phát hành khoảng 200 nghìn tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương nhằm tài trợ cho các dự án hạ tầng chiến lược.
- Tp. Hồ Chí Minh đang xây dựng dự thảo Luật Đô thị đặc biệt, dự kiến tạo khung thể chế linh hoạt hơn để huy động vốn và hỗ trợ mục tiêu trở thành trung tâm tài chính quốc tế.

Bằng việc đa dạng hóa nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, các sáng kiến này mở ra cơ hội tăng trưởng dài hạn tại Việt Nam cho nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và quỹ đầu tư hạ tầng.

Nguồn: Bloomberg Businessweek Việt Nam, Chính phủ Việt Nam, VCCI

Các dự án hạ tầng trọng điểm (1/2)

Phát triển hạ tầng hiện đại, đồng bộ được xác định là động lực then chốt để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số trong những năm tới.

Hạ tầng đường bộ

Hiện trạng

3,345 km

Đường cao tốc

1,701 km

Đường ven biển

6,658 km

Đường sắt

Cơ cấu đầu tư cao tốc

26%

Đầu tư công

74%

PPP

Định hướng 2026-2030

Đầu tư và nâng cấp

1,721 km

Đường cao tốc; nâng cấp các đoạn 2 làn và 4 làn lên 6 làn xe

Đầu tư thêm

772 km

Đường ven biển

Phát triển các tuyến đường sắt quốc gia như Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh & Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng

Định hướng chính:

Đẩy mạnh phân cấp, mở rộng PPP và ưu tiên các tuyến kết nối quốc gia, liên vùng trọng điểm

Các dự án trọng điểm

Dự án	Vốn đầu tư	Tình trạng & Diễn biến gần đây	Triển vọng chính
Đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam	58-67 tỷ USD	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt; nghiên cứu khả thi, chuẩn bị giải phóng mặt bằng và tiêu chuẩn kỹ thuật đang được hoàn thiện trước khi khởi công.	Dự kiến khởi công năm 2026. Dự án sẽ thay đổi căn bản kết nối quốc gia và hỗ trợ phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), phát triển công nghiệp và chuyển giao công nghệ.
Đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng	>8 tỷ USD	Đã được phê duyệt đầu tư và bắt đầu triển khai, hiện đang giải phóng mặt bằng, tái định cư và tối ưu hóa tuyến.	Sẽ tăng cường thương mại Việt Nam – Trung Quốc, nâng cao hiệu quả logistics và kết nối giữa các KCN với cảng Hải Phòng.
Đường sắt đô thị (Hà Nội & TP. HCM)	Chương trình đầu tư nhiều giai đoạn	Hà Nội và TP. HCM đang đẩy nhanh phát triển đường sắt đô thị, với nhiều tuyến đã vận hành, đang thi công hoặc chuẩn bị khởi công.	Dự kiến mở rộng mạng lưới quy mô lớn trong thập kỷ tới, tạo cơ hội trong hệ thống đường sắt, giao thông thông minh và phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).
Cao tốc Bắc – Nam, đường vành đai & hạ tầng logistics	Chương trình đầu tư nhiều giai đoạn	Mạng lưới cao tốc của Việt Nam hiện đã vượt 3,000 km, với các dự án cao tốc Bắc – Nam và vành đai đô thị trọng điểm đã đi vào khai thác hoặc sắp hoàn thành.	Trọng tâm đang chuyển sang mở rộng năng lực, tích hợp logistics và cải thiện kết nối giữa cảng biển, cảng hàng không, khu công nghiệp và các hành lang kinh tế.

Nguồn: Cục Đường bộ Việt Nam

Các dự án hạ tầng trọng điểm (2/2)

Hạ tầng hàng không

Hiện trạng

22 Cảng hàng không **155** Triệu lượt khách/năm

Dự án trọng điểm:

Cảng hàng không quốc tế Long Thành, một trong những dự án hạ tầng lớn nhất cả nước, được quy hoạch nhằm giảm tải cho sân bay Tân Sơn Nhất. Trong giai đoạn đầu, từ 01/12/2026 đến cuối tháng 3/2027, các hãng hàng không sẽ được khuyến khích mở đường bay quốc tế mới, tăng tần suất chuyến bay và khai thác dịch vụ hàng hóa tại Long Thành. Trong lịch bay mùa đông 2027, Long Thành dự kiến sẽ phục vụ gần như toàn bộ các chuyến bay quốc tế. Các tuyến đường kết nối chính đến sân bay cũng đang được đẩy nhanh để đảm bảo kết nối thông suốt khi đi vào hoạt động.

Định hướng

Đến năm 2030 **18 – 20 tỷ USD** Nhu cầu vốn đầu tư

31 Cảng hàng không **294** Triệu lượt khách/năm

Tầm nhìn 2050 **34** Cảng hàng không **533** Triệu lượt khách/năm

Định hướng chính:

- Mở rộng công suất và nâng cấp các cảng hàng không hiện có.
- Giảm tỷ trọng đầu tư công, tăng huy động nguồn lực xã hội thông qua PPP và đầu tư tư nhân.
- Tăng cường kết nối quốc tế và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Hạ tầng đường thủy

Hiện trạng

34 Cảng biển, bao gồm:

- 02 cảng biển đặc biệt
- 07 cảng biển loại II
- 11 cảng biển loại I
- 14 cảng biển loại III

310 Cảng thủy nội địa

1,170 Triệu tấn/năm hàng hóa thông qua (2025)

9.29 Triệu lượt khách/năm (2025)

Định hướng

Đến năm 2030 **22.3 tỷ USD** Nhu cầu vốn đầu tư cho hệ thống cảng biển

1,396 – 1,656 Triệu tấn/năm công suất hàng hóa thông qua

18.5 – 20.4 Triệu lượt khách/năm công suất

Tầm nhìn 2050 **4.0 – 4.5%** Tăng trưởng công suất hàng hóa thông qua

1.2 – 1.3% Tăng trưởng công suất hành khách thông qua

Định hướng chính:

- Phát triển các cảng cửa ngõ quốc tế lớn: Ưu tiên mở rộng Lạch Huyện (Hải Phòng) và Cái Mép (Tp. Hồ Chí Minh), đồng thời phát triển các cảng chiến lược mới gồm Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, Liên Chiểu (Đà Nẵng) và Nam Đồ Sơn (Hải Phòng).
- Tăng cường năng lực trung chuyển quốc tế: Thúc đẩy trung tâm trung chuyển Cần Giờ và nghiên cứu cơ chế chính sách phát triển theo giai đoạn Vân Phong (Khánh Hòa) thành cảng trung chuyển quốc tế trong tương lai.
- Tăng cường kết nối vùng: Quy hoạch cảng Trần Đề (Sóc Trăng) phục vụ Đồng bằng sông Cửu Long và hỗ trợ các cảng lớn có ý nghĩa kinh tế quốc gia và liên vùng.
- Phát triển bến cảng khách quốc tế tại các vùng du lịch trọng điểm và mở rộng cơ sở cảng phục vụ KCN, KKT.

Bay đến Việt Nam

6 câu hỏi của hãng bay nước ngoài trước khi hạ cánh

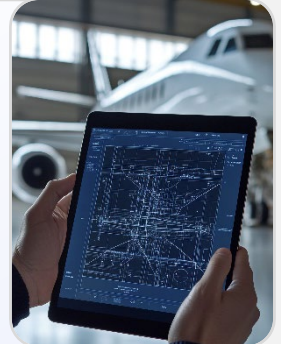
Q1

**Chúng tôi có cần
sửa đổi giấy phép
hàng không
không?**



Q2

**Văn phòng bán vé
(TSO) hiện tại có
còn phù hợp
không?**



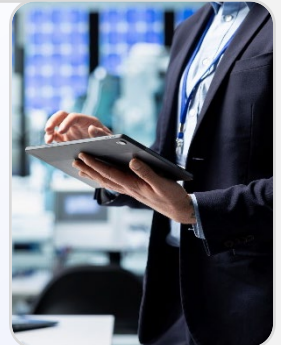
Q3

**Hoạt động tại Việt
Nam có được duy
trì liên tục không?**



Q4

**Chúng tôi có
rủi ro liên quan
đến kế toán
trường không?**



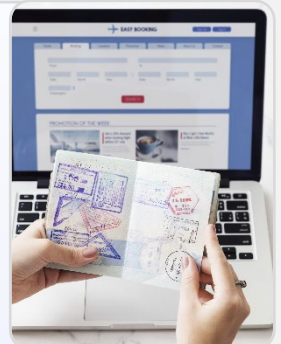
Q5

**Dự án Long Thành
có phát sinh
nghĩa vụ thuế hoặc
tiền lương không?**



Q6

**Luồng dữ liệu
hành khách có
tuân thủ quy định
không?**



Một giải pháp tích hợp bao gồm pháp lý, thuế, kế toán, tiền lương, bảo mật dữ liệu và triển khai – một đội ngũ, một bài đánh giá, một lộ trình.

Sẵn sàng về pháp lý

Chuyển đổi sang
Long Thành

Bảo mật dữ liệu
và an ninh mạng

Quản lý tuân thủ

Khung pháp lý hàng không của Việt Nam đã thay đổi từ tháng 3/2026. Sân bay Long Thành đi vào hoạt động năm 2027. Dữ liệu hành khách và vận hành nay chịu sự điều chỉnh của các quy định chặt chẽ hơn về quyền riêng tư và an ninh mạng. Xem trang sau để biết thể sẵn sàng năm bước.

Đánh giá mức độ sẵn sàng

Năm bước để đảm bảo tuân thủ khi vận hành tại Việt Nam

1

Trước giờ bay

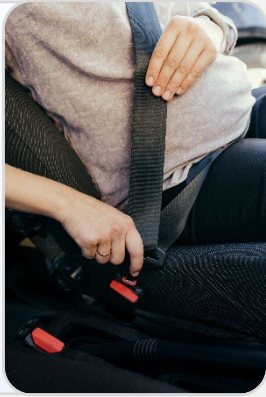
Rà soát tuân thủ hàng không: TSO, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh, giấy phép, thuế, kế toán, tiền lương và kiểm soát



2

Thắt dây an toàn

Quyết định mô hình hoạt động và sửa đổi giấy phép: duy trì TSO, chuyển sang văn phòng đại diện hoặc chi nhánh, chuyển từ CAAV sang Sở Công Thương



3

Hướng dẫn an toàn

Sẵn sàng về bảo mật dữ liệu và an ninh mạng: lập bản đồ dữ liệu, sự đồng ý và chuyển dữ liệu xuyên biên giới, hệ thống hàng không, kịch bản ứng phó sự cố. Triển khai và quản lý tuân thủ: cập nhật giấy phép, hỗ trợ thuế và tiền lương, kiểm soát quyền riêng tư, kế toán theo luật định



4

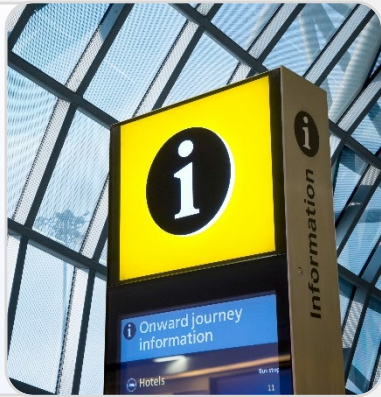
Khi gặp nhiều động

Làm rõ các vấn đề thuế và pháp lý với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và CAAV, bao gồm thuế bán vé trực tuyến và thủ tục đường bay thẳng theo các hiệp định song phương



5

Liên hệ



Pháp lý, Thuế & Lao động cho nhà thầu nước ngoài

Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10%/năm giai đoạn 2026–2030, dựa trên nền tảng là các khoản đầu tư quy mô lớn vào cảng hàng không, đường sắt, cao tốc, đường sắt đô thị và cảng biển.

Sự mở rộng nhanh chóng này mang lại cơ hội hấp dẫn cho các nhà thầu EPC toàn cầu, đồng thời đặt ra nhiều vấn đề phức tạp về pháp lý, thuế, lao động và quy định quản lý đòi hỏi phải được xem xét, xử lý một cách cẩn trọng.

Thách thức với nhà thầu EPC nước ngoài

Thông qua sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn, hỗ trợ chiến lược, hỗ trợ vận hành và các giải pháp công nghệ tích hợp, giải pháp toàn diện của chúng tôi đảm bảo tuân thủ và nâng cao hiệu quả tổng thể hoạt động kinh doanh của khách hàng tại Việt Nam.

Rủi ro hợp đồng và đàm phán



- Quản lý rủi ro pháp lý và thuế trong đàm phán và soạn thảo hợp đồng EPC
- Điều chỉnh các điều khoản thương mại phù hợp với môi trường pháp lý và kinh doanh của Việt Nam

Tuân thủ và hiệu quả vận hành



- Tối ưu hóa các nghĩa vụ về thuế, kế toán, lao động và xuất nhập cảnh
- Duy trì hoạt động tuân thủ, hiệu quả chi phí trong suốt quá trình thực hiện dự án

Đóng dự án sau khi kết thúc hợp đồng



- Hoàn tất thuận lợi các thủ tục rút lui và đóng dự án
- Đảm bảo quyết toán thuế chính xác, thanh tra thuế hiệu quả và chuyển lợi nhuận ra nước ngoài thuận lợi

KPMG Việt Nam: Đối tác đồng hành toàn diện

KPMG Việt Nam cung cấp dịch vụ hỗ trợ tích hợp về pháp lý, thuế, lao động và quản lý trong toàn bộ vòng đời dự án EPC, giúp nhà thầu nước ngoài gia nhập, vận hành và rút lui khỏi Việt Nam một cách hiệu quả và tự tin.

Trước vận hành



- Chiến lược gia nhập thị trường và cấu trúc hợp đồng
- Hỗ trợ soạn thảo/rà soát hợp đồng và đánh giá rủi ro
- Hỗ trợ cấp phép và đăng ký

Vận hành



- Tuân thủ thuế và pháp luật
- Ghi sổ kế toán và báo cáo theo luật định
- Tuân thủ lao động, tiền lương và nhân sự
- Hỗ trợ giấy phép lao động và xuất nhập cảnh
- Theo dõi và phân tích các thay đổi pháp lý liên quan đến dự án

Sau vận hành



- Hỗ trợ kết thúc dự án và giải thể theo luật định
- Hỗ trợ thu xếp chuyển nhượng tài sản
- Thiết kế và triển khai phương án chuyển lợi nhuận hiệu quả về thuế
- Hỗ trợ giải quyết tranh chấp và tuân thủ sau khi hoàn thành dự án, khi cần thiết

Vì sao chọn KPMG Việt Nam

Kinh nghiệm sâu rộng trong các dự án EPC



Đội ngũ pháp lý, thuế và lao động giàu kinh nghiệm, tận tâm, cung cấp sự hỗ trợ toàn diện và tích hợp



Quan hệ vững chắc với cơ quan có thẩm quyền Việt Nam



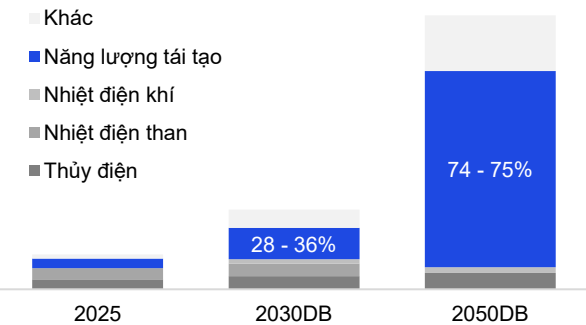
Cách tiếp cận thương mại và thực tiễn



Năng lượng & Tiện ích

Ngành năng lượng, tiện ích và hạ tầng năng lượng sẽ đóng vai trò then chốt trong thu hút FDI công nghệ cao và đóng góp đáng kể vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số đầy tham vọng của Việt Nam.

Cơ cấu công suất lắp đặt theo nguồn điện⁽¹⁾



(1) Số liệu 2030DB và 2050DB dựa trên QHĐ8 điều chỉnh
Nhiệt điện khí sẽ được thay thế hoàn toàn bằng LNG và hydro vào năm 2050

Nguồn: EVN, Mirae Asset Vietnam Research

- Năm 2025, Việt Nam dẫn đầu Đông Nam Á với công suất điện lắp đặt khoảng 90 GW và tăng trưởng GDP mạnh mẽ 8.02%, nhưng tiêu thụ điện lưới chỉ tăng 4.9%. Sự tách rời chưa từng có này đã đưa hệ số đàn hồi điện/GDP xuống dưới 1.0 lần đầu tiên trong lịch sử, nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi, đầu tư hạ tầng công ít tiêu hao năng lượng hơn và sự mở rộng nhanh chóng của điện mặt trời mái nhà phân tán.
- Trong giai đoạn 2026-2030, hệ số đàn hồi này dự kiến tiếp tục giảm dần khi nền kinh tế chuyển dịch sang các ngành công nghệ và dịch vụ giá trị gia tăng cao. Quá trình chuyển đổi số nhanh chóng như AI, bán dẫn và trung tâm dữ liệu sẽ trở thành động lực nhu cầu mới, hỗ trợ quỹ đạo kinh tế bền vững, sử dụng điện hiệu quả.
- Nghị quyết số 10-NQ/TW đánh dấu giai đoạn mới trong chiến lược FDI của Việt Nam, ưu tiên các dự án công nghệ cao, dựa trên đổi mới sáng tạo và bền vững. Khi cạnh tranh thu hút FDI công nghệ cao ngày càng gay gắt, hạ tầng năng lượng đang trở thành yếu tố đầu tư quyết định bên cạnh chính sách, nhân lực và logistics. Để nâng cao sức cạnh tranh, Việt Nam cần đẩy nhanh phát triển hạ tầng năng lượng thông minh, số hóa, giúp doanh nghiệp theo dõi hiệu suất theo thời gian thực, tối ưu sử dụng năng lượng, giảm thời gian ngừng hoạt động và cải thiện việc ra quyết định.
- Các ngành như bán dẫn, AI, trung tâm dữ liệu và sản xuất thông minh đòi hỏi nguồn điện ổn định, chất lượng cao để duy trì hoạt động. Khác với các tiêu chí đầu tư truyền thống tập trung vào chi phí lao động, ưu đãi và địa điểm, nhà đầu tư ngày càng ưu tiên an ninh và sự ổn định năng lượng. Do mức tiêu thụ điện cao của các ngành này, ngay cả gián đoạn nhỏ về nguồn điện cũng có thể gây tổn thất tài chính đáng kể, gián đoạn sản xuất và rủi ro chuỗi cung ứng.

Các thay đổi quan trọng gần đây trong khung pháp lý liên quan đến lĩnh vực năng lượng

Chính sách/ Quy định	Ngày ban hành	Điểm nổi bật
Nghị định số 243/2026/NĐ-CP	26/06/2026	Chính thức mở rộng khung pháp lý cho cơ chế DPPA, cho phép các bên thỏa thuận giá điện trực tiếp trong một số trường hợp, đồng thời mở rộng sự tham gia vào thị trường năng lượng tái tạo. Nghị định nâng tỷ lệ điện mặt trời mái nhà dư thừa được bán lên lưới từ 20% lên 50% và khuyến khích doanh nghiệp tích hợp hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS).
Nghị định số 133/2026/NĐ-CP	18/05/2026	Đưa hoạt động phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời mái nhà và điện gió, vào khung quản lý hành chính chặt chẽ và bài bản hơn.
Quyết định số 893/QĐ-TTg	2023	Thiết lập khung pháp lý và chính sách cho chuỗi giá trị năng lượng quốc gia, bao gồm dầu khí, than, điện và năng lượng tái tạo. Quyết định 893 là nền tảng tăng cường an ninh năng lượng quốc gia và thúc đẩy phát triển năng lượng bền vững.
Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia điều chỉnh	02/2026	Tái khẳng định tầm quan trọng của bảo đảm an ninh năng lượng trên toàn chuỗi giá trị. Quy hoạch điện nhấn mạnh việc cung ứng ổn định, phát triển và tích hợp đa dạng các nguồn năng lượng, bao gồm năng lượng tái tạo, nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh tế dài hạn và chuyển đổi năng lượng của Việt Nam.

Nguồn: Chính phủ Việt Nam, EVN

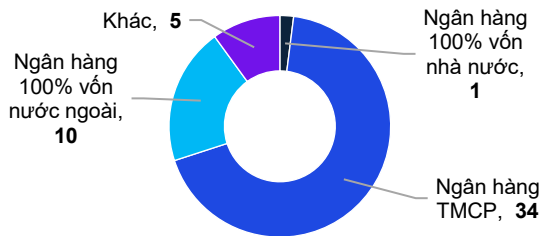
Ngân hàng (1/2)

Nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và chuyển hướng chiến lược sang mở rộng có chọn lọc, hệ thống ngân hàng Việt Nam đang tạo nền tảng vững chắc cho chu kỳ tăng trưởng cao tiếp theo của nền kinh tế.

1. TỔNG QUAN HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

Hệ thống ngân hàng Việt Nam gồm 50 tổ chức, trong đó ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) chiếm ưu thế.

Số lượng ngân hàng tại Việt Nam, 30/06/2026



Đến cuối quý I/2026, tổng tài sản của 29 NHTMCP trong nước đạt 831.8 tỷ USD.

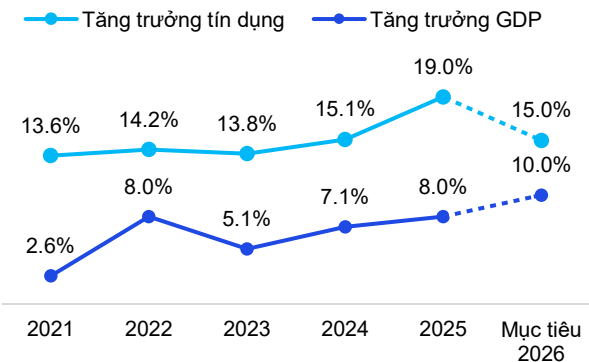
Dư nợ tín dụng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản ngân hàng. Tăng trưởng tín dụng 19.01% năm 2025 là nền tảng để nhiều ngân hàng mở rộng quy mô tài sản trong năm 2025 và 2026.

2. MỞ RỘNG TÍN DỤNG CÓ CHỌN LỌC

Đến cuối năm 2025, tăng trưởng tín dụng của Việt Nam ở mức cao, vượt xa mục tiêu 15% mà NHNN thường đặt ra trong các năm trước. Điều này báo hiệu sự thay đổi trong chu kỳ kinh tế và chính sách tiền tệ:

- Chu kỳ nơi lòng tiền tệ cho thấy đầu tư, sản xuất và tiêu dùng sẽ phục hồi trong 6-12 tháng tới;
- Dòng vốn có thể quay trở lại các ngành trọng điểm như ngân hàng, bất động sản, xây dựng và chứng khoán.

Tăng trưởng tín dụng & tăng trưởng GDP của Việt Nam

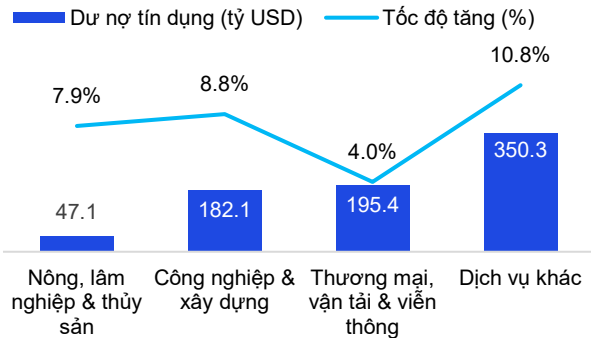


Tăng trưởng tín dụng năm 2025 được dẫn dắt bởi cho vay liên quan đến bất động sản, FDI và tín dụng bán lẻ, phù hợp với định hướng điều hành tín dụng linh hoạt của NHNN.

Năm 2026, NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15%, thấp hơn mức của năm trước. Cách tiếp cận thận trọng này phù hợp với chiến lược của Chính phủ nhằm giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng và hạn chế đầu cơ bất động sản.

Nguồn: NHNN, FiiRatings

Dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng, 6T/2026



Ghi chú: Tỷ giá: 1 USD = 26.000 VND

Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số từ năm 2026, tín dụng tiếp tục được xem là động lực chính hỗ trợ mở rộng sản xuất và đầu tư.

Bức tranh tín dụng phân hóa rõ rệt. Các ngành dịch vụ khác chiếm gần một nửa tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 83% trong ba năm qua.

Công nghiệp & xây dựng tăng trưởng vượt mức bình quân cả nước 8.37%, cho thấy sản xuất và năng lực sản xuất trong nước phục hồi mạnh mẽ.

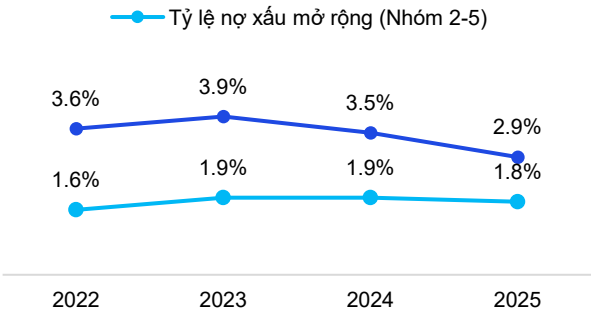
Ngược lại, hoạt động bán lẻ và thương mại trong nước vẫn rất nhạy cảm với chi phí, dẫn đến tốc độ hấp thụ tín dụng chậm hơn.

3. KIỂM SOÁT RỦI RO TIỀM ẨN

Nợ xấu năm 2025 được kiểm soát tốt hơn so với các năm trước, góp phần giảm mức độ rủi ro và tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống.

Tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống của các ngân hàng thương mại lớn giảm từ 3.5% xuống 2.9%, chủ yếu nhờ thị trường bất động sản phục hồi và tín dụng tăng mạnh, trong khi việc Thông tư số 02/2023 hết hiệu lực thúc đẩy ghi nhận đầy đủ hơn rủi ro từ các khoản nợ cơ cấu lại.

Tỷ lệ nợ xấu



Ghi chú: Số liệu từ báo cáo tài chính của 28 ngân hàng thương mại, có dư nợ cho vay khách hàng chiếm ~87% toàn hệ thống năm 2025.

LG = Nhóm nợ; Các nhóm nợ (LG 1-5) được phân loại chính thức dựa trên chất lượng nợ và thời gian quá hạn theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN.

Nguồn: NHNN, FiiRatings, Ngân hàng Thế giới

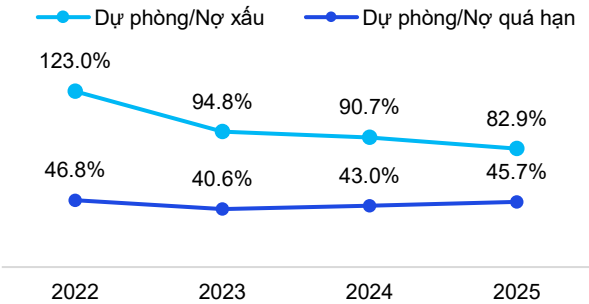
Ngân hàng (2/2)

Kết quả kinh doanh ngân hàng năm 2025 vẫn không đồng đều giữa nhóm ngân hàng nhà nước và tư nhân. Để thích ứng với chu kỳ mới, các ngân hàng cần đáp ứng loạt quy định mới của NHNN, đòi hỏi quy trình quản trị rủi ro chặt chẽ hơn và tăng cường kiểm soát số trên toàn hệ thống.

3. KIỂM SOÁT RỦI RO TIỀM ẨN (TIẾP)

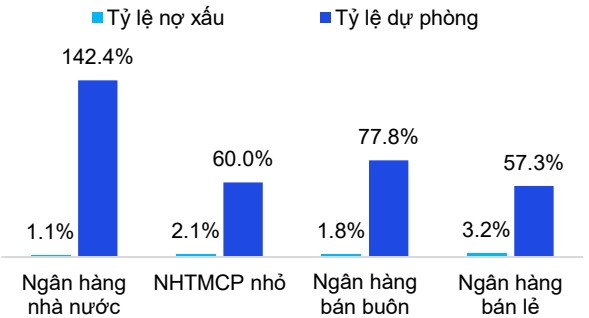
Mặc dù chất lượng tài sản tổng thể cải thiện nhẹ, thể hiện qua tỷ lệ nợ xấu giảm, khả năng bao phủ nợ xấu và mức độ an toàn vốn vẫn không đồng đều, đặc biệt giữa ngân hàng thương mại nhà nước và các NHTMCP quy mô nhỏ.

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng



Ghi chú: Số liệu từ báo cáo tài chính của các ngân hàng niêm yết.

Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ dự phòng theo nhóm ngân hàng, 2025

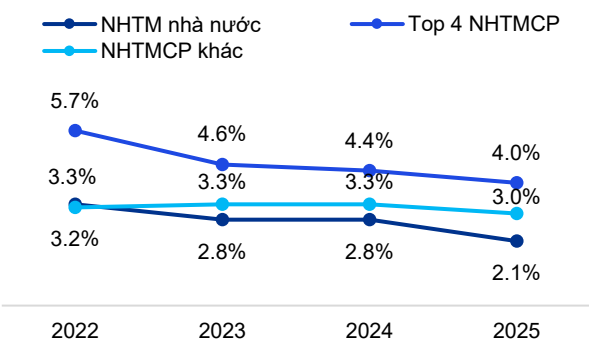


4. CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG PHÂN HÓA

NIM toàn ngành giảm xuống 2.9% năm 2025 và có thể duy trì dưới 3.0% năm 2026 do chi phí vốn tăng và lợi suất cho vay bị thu hẹp.

Tuy nhiên, việc tập trung vào cho vay dài hạn và cho vay tiêu dùng có thể giúp duy trì NIM ở mức năm 2025.

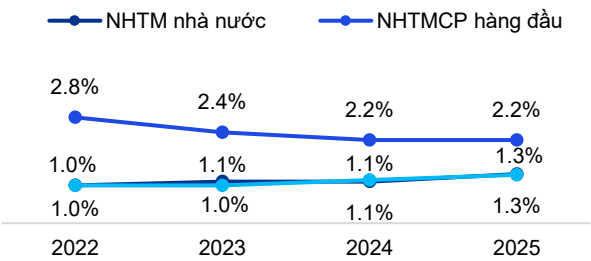
Biên lãi ròng (NIM) theo nhóm ngân hàng



Nguồn: NHNN, FiiRatings, Ngân hàng Thế giới, The Saigon Times

Triển vọng lợi nhuận năm 2026 dự kiến phân hóa giữa các nhóm ngân hàng: NHTMCP hàng đầu dựa vào CASA; ngân hàng thương mại nhà nước chuyển hướng sang ngoại hối và thu hồi nợ; còn NHTMCP nhỏ dựa vào phát triển khách hàng bán lẻ và thu nhập ngoài lãi.

Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) theo nhóm ngân hàng



Ghi chú: CASA = Tiền gửi không kỳ hạn và tiết kiệm

Khung pháp lý

Những năm gần đây, NHNN đã tích cực ban hành và hoàn thiện các quy định nhằm đảm bảo sự lành mạnh của ngành.

- Thông tư số 83/2025/TT-NHNN:** Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Quyết định số 3580/2025/QĐ-NHNN:** Phê duyệt “Chiến lược dữ liệu ngành Ngân hàng đến năm 2030”.
- Thông tư số 14/2025/TT-NHNN:** Lộ trình và hướng dẫn áp dụng tính toán tỷ lệ an toàn vốn.
- Thông tư số 50/2024/TT-NHNN:** Quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành Ngân hàng.
- Thông tư số 64/2024/TT-NHNN:** Quy định về triển khai giao diện lập trình ứng dụng mở trong ngành Ngân hàng.
- Thông tư số 09/2020/TT-NHNN:** Quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng.

Nguồn: NHNN, FiiRatings, Ngân hàng Thế giới

Gặp gỡ chuyên gia



Phạm Đỗ Nhật Vinh

Thành viên Điều hành, Trưởng Khối Tư vấn Ngành Tài chính - Ngân hàng

Cập nhật thông tin

Sử dụng [đường dẫn này](#) hoặc quét mã để khám phá các ấn phẩm và góc nhìn mới nhất của chúng tôi về Dịch vụ Tài chính



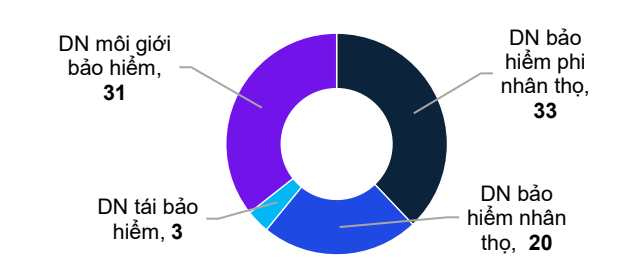
Bảo hiểm (1/2)

Ngành bảo hiểm Việt Nam đang bước vào giai đoạn tăng trưởng vững vàng, chất lượng hơn, nhờ sự phục hồi mạnh mẽ sau thiên tai và phân khúc phi nhân thọ mở rộng.

1. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Đến cuối tháng 6/2026, thị trường bảo hiểm Việt Nam có 87 tổ chức, với doanh thu phí bảo hiểm khoảng 4.6 tỷ USD.

Số lượng doanh nghiệp bảo hiểm, 30/06/2026

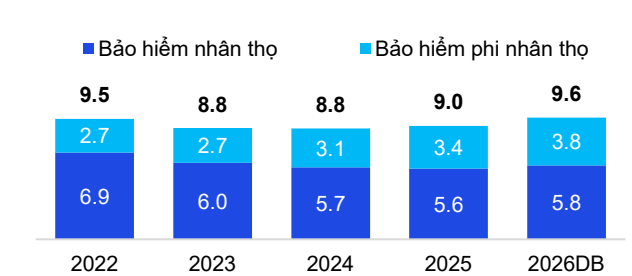


Năm 2025 là giai đoạn đầy thách thức đối với kinh tế - xã hội Việt Nam khi cả nước liên tiếp hứng chịu 15 cơn bão lớn và nhiều đợt thời tiết cực đoan.

Trước rủi ro thiên tai gia tăng, ngành bảo hiểm tiếp tục khẳng định vai trò “tám khiên tài chính”, giúp hấp thụ tổn thất và hỗ trợ khắc phục sau thiên tai.

Đáng chú ý, ngành bảo hiểm duy trì nền tảng tài chính vững chắc và có dấu hiệu phục hồi rõ nét. Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường tăng trưởng dương trở lại, trong khi tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế đạt gần 37 tỷ USD, tăng 10.31%.

Doanh thu phí bảo hiểm (tỷ USD)



Theo ước tính của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, thị trường bảo hiểm dự kiến đạt 9.62 tỷ USD doanh thu phí năm 2026, tăng 5.45% so với cùng kỳ.

Động lực tăng trưởng chính tiếp tục là phân khúc phi nhân thọ, với doanh thu dự báo đạt 3.78 tỷ USD, tăng 11.25%, phản ánh nhu cầu bảo vệ tài sản và rủi ro ngày càng tăng.

Trong khi đó, doanh thu bảo hiểm nhân thọ ước đạt 5.84 tỷ USD, tăng 2%; cho thấy sự phục hồi thận trọng nhưng ổn định, tạo nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng chất lượng và bền vững hơn.

Ghi chú: Tỷ giá: 1 USD = 26.000 VND

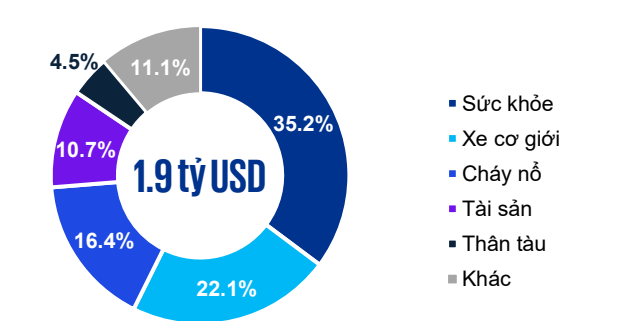
Nguồn: Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

2. BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 4.59 tỷ USD, tăng 2.76% so với cùng kỳ năm 2025.

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ cũng tăng trưởng mạnh trong năm 2025 và duy trì đà tích cực trong nửa đầu năm 2026, với doanh thu đạt 1.94 tỷ USD (tăng 16% so với cùng kỳ).

Doanh thu phí theo loại sản phẩm, 6T 2026 (%)



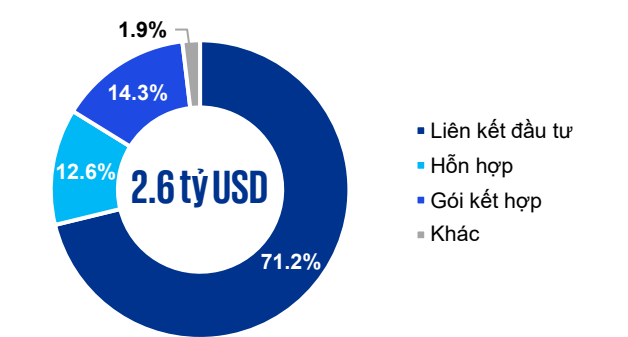
Thị trường phi nhân thọ Việt Nam hấp dẫn đối với các tập đoàn bảo hiểm nước ngoài và các tập đoàn tài chính trong nước đang tìm kiếm tăng trưởng và đa dạng hóa.

Kết quả hoạt động tổng thể của thị trường dự kiến vẫn vững vàng nhờ lợi nhuận đầu tư ổn định, kết quả khai thác tích cực cùng với điều kiện thị trường tái bảo hiểm dễ chịu hơn.

3. BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ 6 tháng đầu năm 2026 đạt 2.65 tỷ USD, giảm 5.23% so với cùng kỳ, cho thấy giai đoạn điều chỉnh và tái cấu trúc.

Doanh thu phí theo loại sản phẩm, 6T 2026 (%)



Giai đoạn 2023-2024 là thời kỳ khó khăn của thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam sau nhiều năm tăng trưởng nóng, do nhiều sản phẩm, dịch vụ chưa thực sự đáp ứng nhu cầu và mức thu nhập của khách hàng.

Tuy nhiên, thị trường vẫn còn tiềm năng rất lớn do tỷ lệ thâm nhập thấp, và nhu cầu về sản phẩm bảo hiểm nhân thọ được dự báo sẽ tăng để bắt kịp các quốc gia có mức thu nhập tương đương.

Ghi chú: Tỷ giá: 1 USD = 26.000 VND

Nguồn: Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính

Bảo hiểm (2/2)

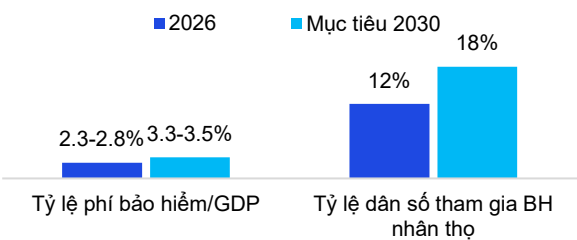
Trên nền tảng phục hồi hoạt động, ngành bảo hiểm đang bước vào chu kỳ phát triển mới, nhờ thị trường còn thâm nhập thấp, các kênh phân phối số đa dạng và khung pháp lý được hiện đại hóa.

4. NGÀNH CÒN NHIỀU TIỀM NĂNG CHƯA KHAI THÁC

Hiện nay, tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm của Việt Nam dao động khoảng 2.3% - 2.8% GDP, trong khi bình quân ASEAN là 3.35% và toàn cầu là 6.3%, cho thấy dư địa tăng trưởng đáng kể hướng tới mục tiêu cuối thập kỷ của Bộ Tài chính.

Với khoảng 12 triệu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trên dân số hơn 100 triệu người, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm tại Việt Nam chỉ đạt 12% – thấp hơn nhiều so với bình quân khu vực châu Á. So với tốc độ tăng trưởng kinh tế, với GDP tăng bình quân khoảng 6.3%/năm giai đoạn 2021-2025, quy mô thị trường bảo hiểm của Việt Nam vẫn còn khiêm tốn so với tiềm năng.

Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm (%)

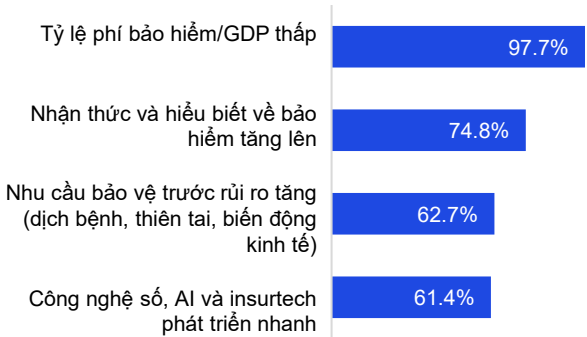


Từ năm 2026, nhờ tăng trưởng kinh tế ổn định và khung pháp lý hoàn thiện, thị trường bảo hiểm được kỳ vọng bước vào giai đoạn phát triển chất lượng và lành mạnh hơn, hướng tới mục tiêu của Chính phủ là 18% dân số Việt Nam tham gia bảo hiểm nhân thọ vào năm 2030.

Sau giai đoạn tăng trưởng nóng và điều chỉnh mạnh, ngành bảo hiểm Việt Nam đang sẵn sàng bước vào chu kỳ phát triển mới.

Trong khi tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm thấp là nền tảng cho tiềm năng tăng trưởng, còn nhận thức ngày càng cao của người dân cùng nhu cầu bảo vệ tài chính thúc đẩy thị trường mở rộng, công nghệ đang nổi lên như chất xúc tác then chốt kết nối hai yếu tố này. Trong bối cảnh đó, câu hỏi quan trọng không còn là thị trường có tiềm năng hay không, mà là doanh nghiệp sẽ khai thác tiềm năng đó như thế nào.

4 động lực tăng trưởng hàng đầu của thị trường bảo hiểm (% doanh nghiệp khảo sát)



Nguồn: Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính, Vietnam Report

5. KÊNH PHÂN PHỐI

Bancassurance:

- Năm 2025, bancassurance củng cố vị thế kênh phân phối dẫn đầu, chiếm gần một nửa doanh thu phí khai thác mới bảo hiểm nhân thọ và vượt kênh đại lý truyền thống nhờ các liên minh độc quyền giữa ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm.
- Sự phục hồi này mở rộng sang lĩnh vực phi nhân thọ, nơi bancassurance trở thành nguồn thu quan trọng, đóng góp hơn 50% tổng doanh thu tại một số doanh nghiệp, thúc đẩy các công ty bảo hiểm tích cực tái khởi động kênh này sau thời gian trầm lắng.

Đại lý:

- Kênh đại lý từng là động lực tăng trưởng của bảo hiểm nhân thọ, nhưng tỷ trọng phí khai thác mới đã giảm khi kênh ngân hàng nổi lên. Để giải quyết “khủng hoảng niềm tin” của ngành, các doanh nghiệp ưu tiên đào tạo chuyên môn nhằm khôi phục niềm tin của người tiêu dùng, mở rộng tới khu vực nông thôn, đồng thời tiếp tục đầu tư vào chất lượng và năng suất của mạng lưới đại lý.
- Đến năm 2025, mô hình đa kênh đã trở thành tiêu chuẩn, các doanh nghiệp bảo hiểm đa dạng hóa bán hàng qua kênh đại lý và nhiều nền tảng số.

Insurtech:

- Kênh phân phối kỹ thuật số hiện là kênh tăng trưởng nhanh nhất, dù xuất phát từ quy mô nhỏ. Năm 2025, hầu như mọi doanh nghiệp bảo hiểm đều tăng đầu tư số, với 98.7% có kế hoạch tăng chi tiêu công nghệ để tích hợp bán hàng vào ứng dụng di động và website.
- Kênh kỹ thuật số vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu nhưng tăng tốc nhanh, đặc biệt với các sản phẩm bảo hiểm vi mô, du lịch và xe cơ giới thông qua hợp tác với các nền tảng như Momo và Shopee. Bên cạnh đó, các công ty insurtech như Igloo hợp tác với ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm để cung cấp các “plug-in” bảo hiểm số tích hợp sẵn cho ứng dụng ngân hàng.

Khung pháp lý

- Luật Kinh doanh bảo hiểm 2025 (sửa đổi):** Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính được kỳ vọng sẽ tháo gỡ vướng mắc pháp lý, giúp doanh nghiệp bảo hiểm phát triển sản phẩm mới, mở rộng kênh phân phối và đẩy nhanh chuyển đổi số.
- Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (sửa đổi):** Điều chỉnh hoạt động bancassurance, cấm ngân hàng gắn việc bán bảo hiểm không bắt buộc với khoản vay, qua đó hạn chế tình trạng ép mua bảo hiểm.
- Thông tư số 67/2023/TT-BTC:** Hướng dẫn về trách nhiệm và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, sức khỏe và tái bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi và Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.
- Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022:** điều chỉnh mọi hoạt động bảo hiểm tại Việt Nam. Quy định về doanh nghiệp bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, quyền và trách nhiệm của bên mua bảo hiểm, cùng các yêu cầu tối thiểu về vốn, khả năng thanh toán, kế toán và hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ.

Nguồn: Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính, Chính phủ Việt Nam

Thị trường vốn

Thị trường vốn Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển đổi quan trọng nhờ cải cách liên tục và tiệm cận sâu hơn với chuẩn mực quốc tế.

Ngành được ưu tiên

9,975 nghìn tỷ VND

Vốn hóa thị trường HOSE, HNX và UPCoM, tương đương 77.9% GDP Việt Nam năm 2025

Diễn biến VN-Index

1,784.49 điểm

Khi kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2025 (▲ 40.87% so với cùng kỳ), vượt đỉnh lịch sử (tính theo giá đóng cửa).

Giá trị giao dịch

29,500 tỷ VND/phiên

Giá trị giao dịch bình quân của thị trường cổ phiếu (▲ 40% so với bình quân năm 2024)

21.2%

Tăng so với cùng kỳ

Cấu trúc thị trường

Các ngành tăng trưởng mạnh

Công nghệ thông tin: ▲ 76.47%

Hàng tiêu dùng: ▲ 32.18%

Y tế: ▲ 27.13%

Tài chính: ▲ 21.5%

40 doanh nghiệp niêm yết

Có vốn hóa trên 1 tỷ USD (~26,000 tỷ đồng)

1,613

Tổng số mã cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên HOSE, HNX và UPCoM

Nguồn: Bộ Công Thương, Tạp chí Tài chính, Báo Đầu tư, DNSE

Diễn biến gần đây

Nâng hạng FTSE

FTSE Russell xác nhận nâng hạng Việt Nam từ thị trường Cận biên lên thị trường Mới nổi thứ cấp, có hiệu lực từ ngày 21/09/2026. Việc nâng hạng giúp mở rộng đáng kể sự hiện diện của Việt Nam trong mắt nhà đầu tư toàn cầu. Việt Nam sẽ được đưa dần vào các chỉ số FTSE Emerging Market qua bốn đợt từ tháng 9/2026 đến tháng 9/2027.

Việc nâng hạng được kỳ vọng mang lại một số tác động cho thị trường Việt Nam: gia tăng dòng vốn từ các quỹ thụ động, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư chủ động vào thị trường mới nổi và nâng cao chuẩn mực về quản trị, công bố thông tin và khả năng tiếp cận thông tin. Quan trọng nhất, việc nâng hạng là sự xác nhận khách quan rằng hạ tầng thị trường Việt Nam đang tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

Hệ thống KRX

Việc vận hành hệ thống giao dịch KRX vào tháng 5/2025 đánh dấu bước nâng cấp quan trọng về hạ tầng thị trường sau hơn một thập kỷ chuẩn bị. Hệ thống tạo nền tảng vững chắc để thị trường chứng khoán Việt Nam nâng cao năng lực giao dịch, triển khai các sản phẩm mới và phức tạp, đồng thời cải thiện hiệu quả quản lý, giám sát.

Triển vọng IPO

Sau vài năm tương đối trầm lắng, hoạt động IPO và niêm yết tại Việt Nam đang khởi sắc trở lại. Thị trường vốn Việt Nam những năm gần đây ghi nhận hoạt động niêm yết sôi động hơn, nhu cầu nhà đầu tư thay đổi và nhiều doanh nghiệp tư nhân lớn chuẩn bị huy động vốn trên thị trường đại chúng. Cùng với việc vận hành hệ thống KRX và nâng hạng FTSE Russell, các cải cách pháp lý cũng đang rút ngắn, đơn giản hóa quy trình niêm yết và nâng cao tính minh bạch cho nhà đầu tư. Đặc biệt, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) mang lại những thay đổi quan trọng, bao gồm bãi bỏ hạn chế sở hữu nước ngoài dưới mức trần luật định, yêu cầu Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố hằng ngày tỷ lệ sở hữu nước ngoài, xây dựng khung pháp lý cho cơ chế Đối tác bù trừ trung tâm dự kiến triển khai trong quý I/2027, và rút ngắn quy trình từ IPO đến niêm yết từ 90 ngày xuống chỉ còn 30 ngày.

Nguồn: Vietnam Investment Review, SSI Research

Danh mục chuẩn bị cho lộ trình IPO

Để hỗ trợ khách hàng sẵn sàng cho hành trình IPO, đồng thời xây dựng và duy trì niềm tin của các bên liên quan, chúng tôi sẽ rà soát toàn diện hoạt động kinh doanh của khách hàng trên các lĩnh vực dưới đây và hỗ trợ xây dựng các chương trình cụ thể:

Lĩnh vực ưu tiên 1	Lĩnh vực con	Lĩnh vực ưu tiên 1	Lĩnh vực con
1. Câu chuyện đầu tư	1.1. Định vị kinh doanh 1.2. Chiến lược tăng trưởng	5. Tài chính	5.1. Lập kế hoạch, Ngân sách & Dự báo 5.2. Báo cáo quản trị
2. Quản trị	2.1. Cơ cấu Hội đồng quản trị (*) 2.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị (*) 2.3. Văn hóa và Giá trị (*) 2.4. Báo cáo, Giám sát và Đánh giá (*)	6. Quản lý ngân quỹ	6.1. Quản lý ngân quỹ và vốn lưu động
3. Quản trị rủi ro & Kiểm soát nội bộ	3.1. Môi trường kiểm soát (*) 3.2. Quản lý tuân thủ (*) 3.3. Đánh giá rủi ro (*) 3.4. Kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính (*) 3.5. Thông tin và truyền thông (*) 3.6. Kiểm toán nội bộ (*)	7. Thuế	7.1. Rà soát tình hình tuân thủ thuế 7.2. Chức năng thuế & quy trình liên quan
4. Kế toán	4.1. Báo cáo tài chính 4.2. Nguồn lực tài chính & kế toán	8. Bán hàng & Phân phối	8.1. Bán hàng & Phân phối
Lĩnh vực ưu tiên 2	Lĩnh vực con	Lĩnh vực ưu tiên 2	Lĩnh vực con
9. Công nghệ thông tin	9.1. Chiến lược CNTT (*) 9.2. Quản trị CNTT (*) 9.3. Hệ thống CNTT (*) 9.4. Khôi phục hệ thống (*)	12. Quản trị dữ liệu	12.1. Quản trị dữ liệu (*) 12.2. Bảo mật dữ liệu
10. Nhân sự	10.1. Chiến lược nhân sự 10.2. Vai trò và trách nhiệm 10.3. Lương thưởng 10.4. Phát triển nguồn lực và kỹ năng 10.5. Truyền thông và quản lý thay đổi 10.6. Chương trình ESOP	13. Chuẩn bị sẵn sàng cho IPO	13.1. Nhóm dự án IPO 13.2. Quan hệ nhà đầu tư ("IR")
11. ESG	11.1. Mức độ sẵn sàng về hiệu quả và báo cáo ESG (*)	14. Cấu trúc pháp lý & thuế: Tác động trước & sau IPO	14.1. Các phương án cơ cấu pháp lý doanh nghiệp & các bước xây dựng câu chuyện đầu tư 14.2. Tác động kế toán trước và sau IPO 14.3. Các vấn đề thuế trước và sau IPO 14.4. Hỗ trợ triển khai

(*) Phạm vi cần ưu tiên rà soát theo yêu cầu của quy định và tuân thủ

Gặp gỡ chuyên gia



Lâm Thị Ngọc Hào

Thành viên Điều hành, Trưởng Bộ phận Tư vấn Chuyển đổi doanh nghiệp, Trưởng Khối Khách hàng & Thị trường

Cập nhật thông tin

Sử dụng [đường dẫn này](#) hoặc quét mã để khám phá các ấn phẩm và góc nhìn mới nhất của chúng tôi về quản trị doanh nghiệp và sẵn sàng IPO



Trung tâm tài chính quốc tế (1/2)

Trung tâm tài chính quốc tế (IFC) tại Việt Nam là dự án chiến lược quốc gia nhằm xây dựng trung tâm tài chính có sức cạnh tranh toàn cầu tại Tp. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và hội nhập tài chính quốc tế.

Đặc điểm chính

Mô hình hai thành phố IFC Việt Nam được xây dựng theo mô hình đặc thù “một trung tâm, hai thành phố”, phân bổ chiến lược các chức năng cốt lõi giữa Tp. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.	Chế độ thuế Thuế suất TNDN ưu đãi 10% hoặc 15%; miễn thuế TNCN có mục tiêu đến năm 2030	Khung vận hành Quy định đặc thù về ngoại hối, kế toán, cơ chế thử nghiệm, lao động, xuất nhập cảnh và giải quyết tranh chấp
---	---	---

Lĩnh vực ưu tiên

Nghị định số 323/2025/NĐ-CP xác định sáu nhóm lĩnh vực, sản phẩm và dịch vụ được ưu tiên phát triển tại IFC:

Mô hình hai thành phố Hạ tầng số, thanh toán, logistics tài chính, bù trừ và thanh toán	Tài chính xanh và ESG Sản phẩm và dịch vụ tài chính bền vững gắn với các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị	Thị trường và tài chính thương mại Thị trường hàng hóa, phái sinh và tài trợ thương mại quốc tế
Fintech và đổi mới sáng tạo Giải pháp tài chính số, cơ chế thử nghiệm và mô hình tài chính mới	Quỹ và quản lý tài sản Quỹ đầu tư, quản lý tài sản và hạ tầng vốn hỗ trợ	Dịch vụ chuyên nghiệp Hoạt động tư vấn, hỗ trợ và các hoạt động liên quan đủ điều kiện

Ưu đãi thuế & pháp lý

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Lĩnh vực ưu tiên 10% trong 30 năm Miễn thuế tối đa 4 năm Giảm 50% trong tối đa 9 năm tiếp theo	Lĩnh vực khác 15% trong 15 năm Miễn thuế tối đa 2 năm Giảm 50% trong tối đa 4 năm tiếp theo	Miễn thuế TNCN đến năm 2030 Miễn toàn bộ cho nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học và nhân lực trình độ cao đủ điều kiện; áp dụng cả cho một số giao dịch chuyển nhượng vốn.	Di chuyển nhân tài Thị thực và thẻ tạm trú thời hạn tối đa 10 năm; miễn giấy phép lao động cho chuyên gia đủ điều kiện; không hạn ngạch lao động hay kiểm tra thị trường.	Chính sách đất đai ưu đãi Thời hạn tối đa 70 năm cho dự án ưu tiên hoặc quy mô lớn, tiếp cận quỹ đất sạch và quyền thế chấp đủ điều kiện.
---	--	--	---	---

Cơ hội cho nhà đầu tư

IFC Việt Nam mang lại cho nhà đầu tư cơ hội sớm tiếp cận hệ sinh thái tài chính đang tăng trưởng nhanh thông qua khả năng tiếp cận thị trường rộng hơn, cơ chế pháp lý linh hoạt và ưu đãi hấp dẫn. Được định vị là lựa chọn hiệu quả về chi phí so với các trung tâm khu vực đã phát triển, IFC hỗ trợ tài chính xuyên biên giới, tiếp cận vốn toàn cầu và các cơ hội mới trong fintech, AI, blockchain và thanh toán số.

Nguồn: Chính phủ Việt Nam, Vietnam Briefing

Trung tâm tài chính quốc tế (2/2)

KPMG đã tham gia sâu vào quá trình định hình sự phát triển của IFC Việt Nam, từ tư vấn xây dựng chính sách đến hỗ trợ các bên liên quan trong ngành xây dựng khung quản trị, pháp lý và thị trường đạt chuẩn quốc tế. Với vai trò kép vừa là cố vấn chuyên môn tin cậy vừa là đối tác thị trường tích cực, KPMG tiếp tục đồng hành cùng Việt Nam trên mọi chặng đường xây dựng IFC.

Hỗ trợ IFC Việt Nam



Ngày 30/10/2025, KPMG Việt Nam và Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc (ACCA) đã ký Biên bản ghi nhớ (MOU) nhằm tăng cường hợp tác hỗ trợ xây dựng và phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Lễ ký kết diễn ra trong khuôn khổ Diễn đàn Kinh tế cấp cao Việt Nam – Vương quốc Anh tại London, dưới sự chứng kiến của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm. – Xem thêm [tại đây](#)



KPMG đã tham dự Hội nghị cấp cao Việt Nam - Vương quốc Anh về Trung tâm Tài chính Quốc tế do Tổng Lãnh sự quán Anh, BritCham và Dragon Capital đồng tổ chức, tại đó ông Warrick Cleine MBE, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc, và ông Hoàng Thùy Dương, Trưởng Bộ phận Thuế, đã chia sẻ góc nhìn về sự phát triển của IFC Việt Nam. – Xem thêm [tại đây](#)

KPMG Việt Nam đã có buổi làm việc với PGS.TS. Nguyễn Hữu Huân, Phó Chủ tịch Ban Điều hành Trung tâm tài chính quốc tế Tp. Hồ Chí Minh (VIFC-HCMC). Buổi làm việc tập trung vào khả năng hợp tác nâng cao năng lực, đặc biệt về Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và các sáng kiến phát triển bền vững. – Xem thêm [tại đây](#)

Giải pháp của KPMG

Dịch vụ tư vấn IFC trọn gói của chúng tôi hỗ trợ nhà đầu tư, cơ quan quản lý và các thành viên thị trường trên các khía cạnh chiến lược, làm rõ quy định, gia nhập thị trường, vận hành và tạo giá trị.

Lĩnh vực hỗ trợ chính

- Đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia IFC & sức hấp dẫn thị trường
- Tư vấn pháp lý, thuế và cấp phép
- Thành lập pháp nhân, cấu trúc vốn và ngoại hối
- Mô hình vận hành, chuyển đổi số và ứng dụng RegTech
- ESG, hạ tầng, thị trường vốn & mở rộng thị trường tư nhân
- Tư vấn giao dịch, thẩm định & chiến lược thoái vốn

Hành trình 6 giai đoạn của nhà đầu tư

- Giai đoạn 01:** Nhận thức chiến lược & cân nhắc gia nhập
- Giai đoạn 02:** Làm rõ quy định & đánh giá rủi ro
- Giai đoạn 03:** Thành lập & cam kết vốn
- Giai đoạn 04:** Vận hành, mở rộng & hội nhập thị trường
- Giai đoạn 05:** Đào sâu hệ sinh thái & tạo giá trị
- Giai đoạn 06:** Trưởng thành, tái đầu tư hoặc thoái vốn

Khám phá thêm

Cẩm nang Nhà đầu tư về IFC Việt Nam

Dịch vụ tư vấn IFC trọn gói của chúng tôi hỗ trợ nhà đầu tư, cơ quan quản lý và các thành viên thị trường.
[Tải tài liệu](#)

Cập nhật thông tin

Sử dụng [đường dẫn này](#) hoặc quét mã để khám phá các ấn phẩm và góc nhìn mới nhất của chúng tôi về IFC



KPMG

04

Hướng tới
phát triển
bền vững

Hướng tới Net Zero (1/2)

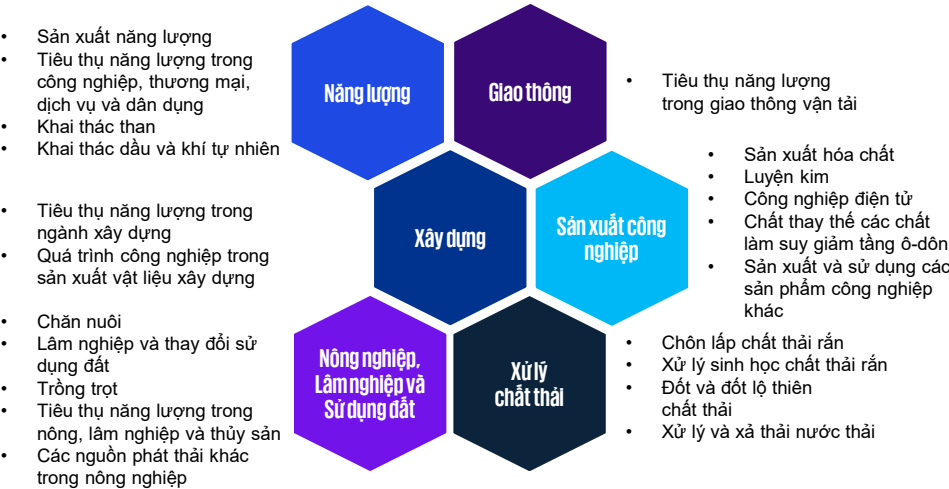
Tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hóa nhanh của Việt Nam dựa trên nguồn cung năng lượng phụ thuộc vào than, gây ra lượng phát thải khí nhà kính (KNK) đáng kể. Sau các cam kết nền tảng tại COP26 về đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Việt Nam tiếp tục thúc đẩy chiến lược tại COP30 thông qua việc phù hợp với các yêu cầu toàn cầu và xây dựng khung NDC nhằm đẩy nhanh giảm phát thải bằng công nghệ cao.

	Thái Lan	Malaysia	Việt Nam	Philippines	Myanmar	Campuchia	Lào
Tổng phát thải, 2025 (MtCO ₂ e)	401.39	337.28	547.64	270.25	133.26	57.87	39.70
% phát thải toàn cầu	0.74%	0.62%	1.01%	0.50%	0.25%	0.11%	0.07%

Nguồn: Ủy ban châu Âu

Ngày 18/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg về danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các cơ sở phát thải thuộc diện kiểm kê phải chủ động cung cấp thông tin về tổng mức tiêu thụ năng lượng và công suất hoạt động cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Các lĩnh vực phải kiểm kê khí nhà kính



Số lượng cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính

Lĩnh vực	Số lượng
Công Thương	1,916
Xây dựng	411
Giao thông vận tải	53
Nông nghiệp & Môi trường	61
Tổng	2,441

Ghi chú: Theo Quyết định số 42/2026/QĐ-TTg ban hành ngày 10/08/2026, hiệu lực từ ngày 25/09/2026. Danh mục được cập nhật hai năm một lần.

Tại COP30

Là một trong những quốc gia đang phát triển chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, Việt Nam kiên định thực hiện các nghĩa vụ quốc tế về thích ứng khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính. Việt Nam tiếp tục theo đuổi phát triển bền vững bằng cách cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và khả năng chống chịu khí hậu. Sau COP30, Việt Nam tái khẳng định cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 thông qua các định hướng sau:

- Đẩy nhanh phát triển thị trường carbon: Kết quả COP30, đặc biệt là những tiến triển về Điều 6 Thỏa thuận Paris, tạo động lực để Việt Nam hoàn thiện khung pháp lý và phát triển thị trường carbon trong nước phù hợp chuẩn mực quốc tế. Việt Nam đã khởi động thị trường carbon trong nước từ tháng 6/2026, bước vào giai đoạn thí điểm kéo dài đến cuối năm 2028, trước khi vận hành chính thức vào năm 2029 và hội nhập sâu hơn với các cơ chế giao dịch tín chỉ carbon toàn cầu.
- Tăng cường tiếp cận tài chính và công nghệ khí hậu: Việt Nam nhấn mạnh nhu cầu hỗ trợ tài chính và công nghệ lớn

hơn cho các nước đang phát triển phải đồng thời thích ứng với tác động khí hậu và giảm phát thải. Bên cạnh các cơ chế hiện có như Quỹ Khí hậu xanh (GCF) và Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), Việt Nam tích cực ủng hộ các thảo luận về việc vận hành Quỹ Tồn thất và Thiệt hại.

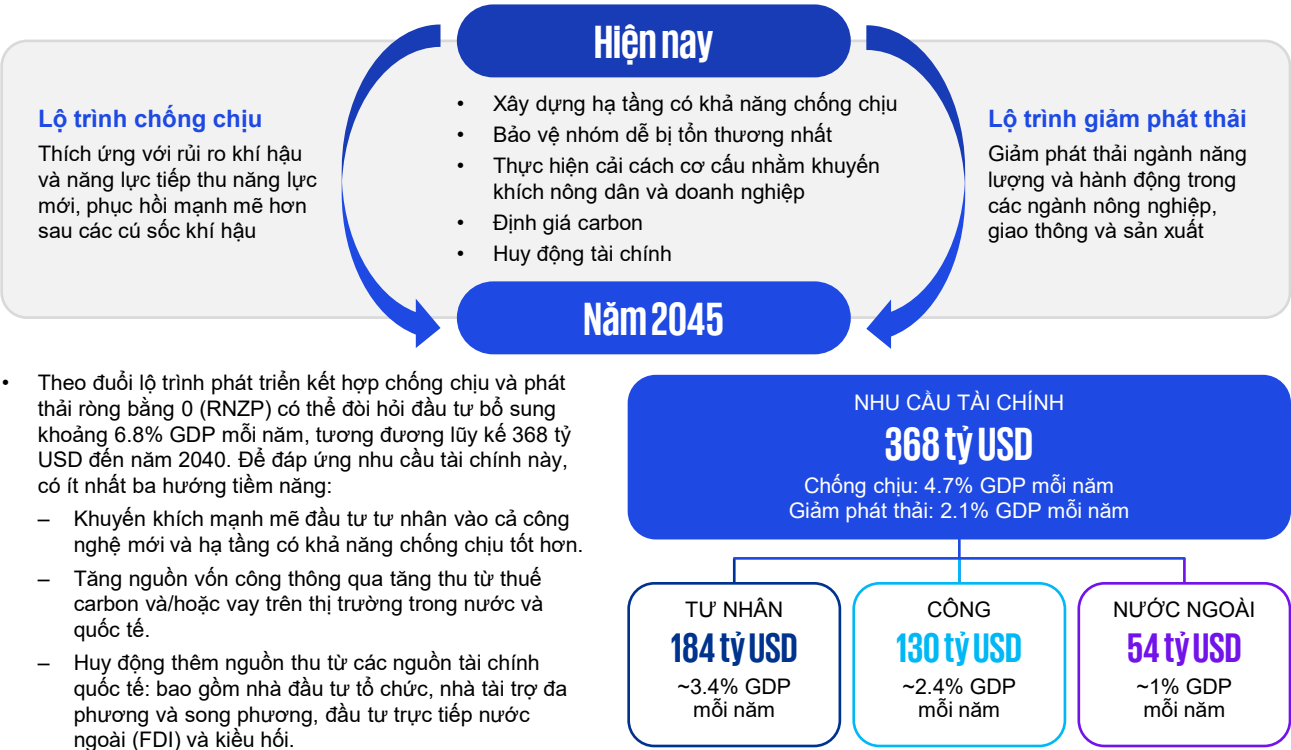
Một điểm nhấn đáng chú ý là hợp tác ngày càng sâu rộng giữa Việt Nam và Luxembourg. Tại COP30, Luxembourg công bố Việt Nam sẽ là trọng tâm trong chiến lược tài chính khí hậu mới, nâng mức tài trợ từ 220 triệu EUR lên 320 triệu EUR. Các lĩnh vực hợp tác ưu tiên gồm phát triển đô thị xanh, quản lý rừng đô thị, tài chính xanh, thị trường carbon và quy hoạch thích ứng khí hậu.

- Tăng cường cam kết và chính sách quốc gia: Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) và thúc đẩy hợp tác công tư mạnh mẽ hơn nhằm huy động đầu tư và nguồn lực cho các mục tiêu khí hậu và phát thải ròng bằng 0.

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Climate Watch, Thủ tướng Chính phủ, LuậtVietnam, Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế, Ngân hàng Phát triển châu Á, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

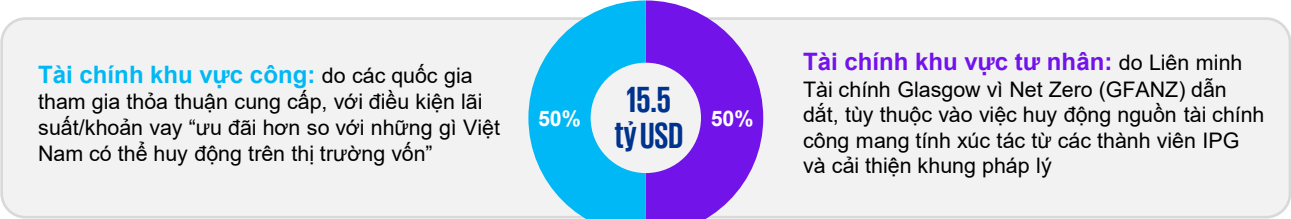
Hướng tới Net Zero (2/2)

Việc đạt phát thải ròng bằng 0 đòi hỏi đầu tư đáng kể vào các công nghệ xanh hiện có và mới, đồng thời giảm dần nhiên liệu hóa thạch. Những thay đổi này sẽ tác động đến việc làm và đào tạo. Ngân hàng Thế giới đã đề xuất mô hình phát triển mới cho Việt Nam, cân bằng giữa mục tiêu phát triển và rủi ro khí hậu ngày càng gia tăng.



Thỏa thuận JETP của Việt Nam

Tháng 12/2022, Nhóm Đối tác Quốc tế (IPG), gồm Liên minh châu Âu (EU), Vương quốc Anh, Canada, Đan Mạch, Pháp, Đức, Italy, Nhật Bản, Na Uy và Hoa Kỳ, do EU và Vương quốc Anh đồng dẫn dắt, cam kết cung cấp cho Việt Nam 15,5 tỷ USD trong giai đoạn 2023-2027 để giúp Việt Nam đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.



- Quan hệ đối tác hướng tới đưa thời điểm đạt đỉnh phát thải khí nhà kính của Việt Nam sớm hơn 5 năm, vào năm 2030, và giảm 30% phát thải của ngành điện, từ 240 triệu tấn CO2 xuống 170 triệu tấn vào năm 2030.
- Mục tiêu giảm công suất nhiệt điện than của Việt Nam từ 37 GW theo kế hoạch xuống 30.2 GW, và nâng tỷ trọng năng lượng tái tạo trong sản lượng điện từ 36% hiện nay lên 47% vào năm 2030.
- Thực hiện bốn nhiệm vụ này sẽ giúp Việt Nam giảm khoảng 500 triệu tấn phát thải khí nhà kính vào năm 2035.
- Khoảng 200 triệu USD trong tổng số 15.5 tỷ USD cam kết là viện trợ không hoàn lại, phần còn lại là khoản vay lãi suất thấp.
- Năm 2026, JETP của Việt Nam đang chuyển từ giai đoạn hoạch định chiến lược sang sàng lọc và thúc đẩy các dự án năng lượng ưu tiên. Danh mục JETP hiện gồm 50 dự án đầu tư, với nhu cầu vốn trên 11 tỷ USD.
- Để đẩy nhanh triển khai, Ban Thư ký JETP và các đối tác quốc tế cũng đã rà soát danh mục các dự án năng lượng quan trọng quốc gia phù hợp với Quyết định số 2634/QĐ-TTg (tháng 12/2025). Sáng kiến này nhằm gắn kết hiệu quả hơn nguồn tài chính JETP với các quy hoạch năng lượng và hạ tầng quốc gia đã được phê duyệt.

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương

Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon

Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu, loại thuế carbon biên giới đầu tiên trên thế giới, nhằm giảm phát thải carbon thông qua giải quyết tình trạng “rò rỉ carbon”. CBAM ảnh hưởng đến hàng xuất khẩu sắt thép, nhôm, xi măng và phân bón của Việt Nam, trong đó sắt thép chịu tác động lớn nhất.

Phạm vi ban đầu của CBAM



Điện



Sắt & thép



Xi măng



Phân bón



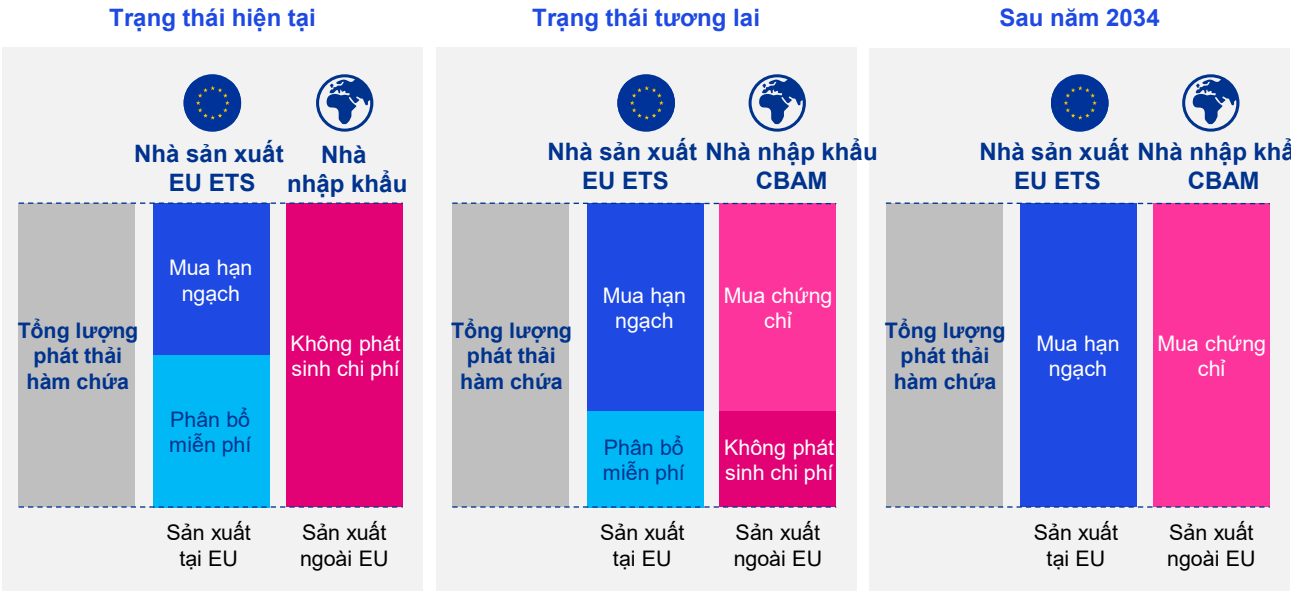
Nhôm



Hydro

- Phát thải trực tiếp
- Phát thải gián tiếp trong một số điều kiện nhất định
- Một số tiền chất

Lộ trình mở rộng CBAM



Carbon đang trở thành yếu tố lợi thế cạnh tranh

Doanh nghiệp EU

- Chi phí carbon dự kiến tăng do giá hạn ngạch EU tăng và hạn ngạch miễn phí giảm.
- CBAM sẽ làm tăng giá các hàng hóa phát thải cao trong EU.

Tác động gián tiếp

- Ngày càng có nhiều ưu đãi giảm phát thải trong và ngoài EU
- Thay đổi cục diện cạnh tranh với EU dựa trên cường độ phát thải.

Doanh nghiệp ngoài EU

- Nhà sản xuất các mặt hàng thuộc diện CBAM sẽ phải chịu chi phí carbon khi nhập khẩu vào Liên minh châu Âu.
- Chi phí và tác động sẽ dựa trên lượng phát thải đã được thẩm định hoặc giá trị mặc định của EU.

Tác động trong tương lai

- Mở rộng phạm vi phát thải sang phạm vi 2.
- Mở rộng phạm vi sang các ngành và mặt hàng mục tiêu khác.

Nguồn: Phân tích của KPMG, The Carbon Trust

CBAM mang lại cả cơ hội và thách thức cho Việt Nam

Lộ trình

		Kết thúc giai đoạn chuyển tiếp:	
		- Đăng ký người khai báo được ủy quyền - Nghĩa vụ tài chính - Khai báo CBAM hằng năm - Báo cáo và thẩm định phát thải - Mở rộng phạm vi sản phẩm (50% các ngành thuộc ETS)	
T7 2023		Ban hành các văn bản thực thi & ủy quyền	01/01 2026
T4 2023		Quy định CBAM có hiệu lực	01/10 2023
		Bắt đầu giai đoạn chuyển tiếp: - Báo cáo hằng quý - Đo lường phát thải	2034
		CBAM áp dụng toàn diện; bao gồm tất cả các ngành thuộc Hệ thống giao dịch phát thải (ETS) (100%)	

Tác động đối với Việt Nam

Cản trở xuất khẩu sang thị trường EU - CBAM ước tính có thể làm giảm tới 100 triệu USD kim ngạch xuất khẩu sắt thép, xi măng, phân bón và nhôm của Việt Nam. Do làm tăng giá về bản chất, CBAM nhiều khả năng sẽ khiến nhu cầu đối với các mặt hàng này tại thị trường EU giảm. Dựa trên khối lượng xuất khẩu hiện tại, sắt thép sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất, tiếp theo là nhôm. - Về dài hạn, phạm vi CBAM có thể mở rộng sang phát thải gián tiếp và các ngành khác, có khả năng làm giảm lợi ích từ FTA Việt Nam – EU tùy thuộc vào mức giá carbon được áp dụng.	Gây khó khăn cho ngành sản xuất - Việc triển khai CBAM buộc doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam phải áp dụng giải pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong sản xuất, nhưng việc giảm phát thải và đáp ứng tiêu chí để tránh thuế carbon là thách thức đối với doanh nghiệp do hạn chế trong nâng cấp máy móc và tìm nguồn nguyên liệu bền vững. - Hơn nữa, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam còn thiếu hiểu biết về các tiêu chuẩn xanh của châu Âu và CBAM, có thể khiến họ rơi vào thế bất lợi tại thị trường châu Âu.	Hỗ trợ mục tiêu trung hòa carbon của Việt Nam - Quy định CBAM là cơ hội để đẩy nhanh thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam. - CBAM không áp dụng với hàng nhập khẩu từ các quốc gia có ETS đáp ứng tiêu chuẩn EU. Do đó, Việt Nam có thêm động lực để sớm xây dựng hệ thống định giá carbon. - Việc áp dụng CBAM cũng có thể thúc đẩy đầu tư vào các công nghệ phát thải thấp, tiết kiệm năng lượng và tái tạo. Ở khía cạnh này, Việt Nam có thể tận dụng nguồn năng lượng tái tạo tự nhiên dồi dào để giảm phát thải ngành điện và qua đó giảm phát thải KNK của toàn nền kinh tế.
---	--	---

Nguồn: Phân tích của KPMG, Vietnam Briefing

Giao dịch tín chỉ carbon

Trong nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu, Chính phủ Việt Nam ủng hộ thành lập thị trường tín chỉ carbon. Thị trường sẽ vận hành dựa trên tổng lượng phát thải và hạn ngạch phát thải được phân bổ cho từng địa phương và lĩnh vực.

Việt Nam chính thức vận hành sàn giao dịch carbon trong nước vào ngày 29/06/2026, mở phiên giao dịch đầu tiên trong khuôn khổ thị trường thí điểm kéo dài đến cuối năm 2028. Trong giai đoạn đầu, Chính phủ đã phân bổ hơn 511 triệu tấn CO₂ tương đương hạn ngạch phát thải cho giai đoạn 2025-26, gồm khoảng 243 triệu tấn cho năm 2025 và 268 triệu tấn cho năm 2026. Việc phân bổ áp dụng cho 92 doanh nghiệp thuộc ba lĩnh vực phát thải lớn: nhiệt điện, thép và xi măng.

Từ phiên đầu tiên, giao dịch còn thừa thớt; cơ chế thí điểm cho phép dùng tín chỉ carbon bù trừ tối đa 30% hạn ngạch của doanh nghiệp và miễn phí giao dịch đến năm 2028.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu sang EU, việc mua chứng chỉ CBAM đầu tiên và khai báo hằng năm đầu tiên sẽ đến hạn vào năm 2027.

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ngân hàng Thế giới

Lộ trình thực hiện:

2022

2026

2028

xây dựng quy định, thí điểm, nâng cao năng lực, nâng cao nhận thức

vận hành thí điểm thị trường tín chỉ carbon

vận hành chính thức hệ thống giao dịch carbon

Gặp gỡ chuyên gia



Trương Hạng Linh
Thành viên Điều hành,
Trưởng Dịch vụ Tư vấn
Phát triển Bền vững (ESG)

56



05

Môi trường đầu tư tại Việt Nam

Môi trường đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài (1/6)

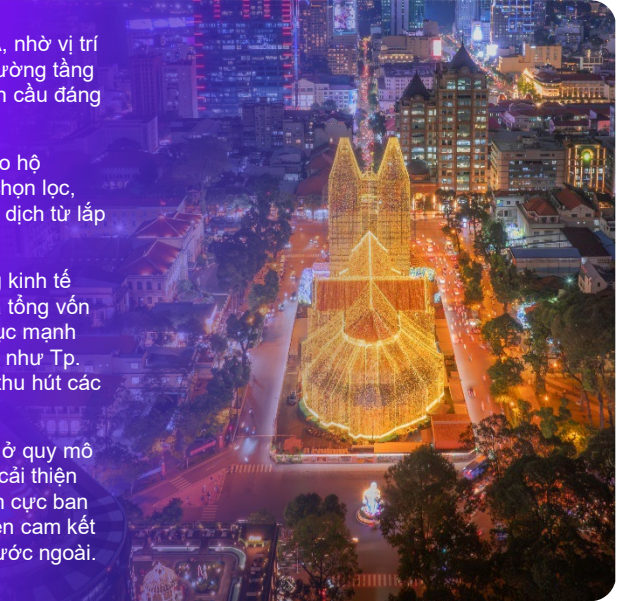
1. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầu tư hàng đầu tại Đông Nam Á, nhờ vị trí địa lý chiến lược, hệ sinh thái chuỗi cung ứng tích hợp và thị trường tăng lớp trung lưu ngày càng mở rộng, qua đó thu hút dòng vốn toàn cầu đáng kể.

Trong bối cảnh chu kỳ kinh tế vĩ mô biến động và chủ nghĩa bảo hộ thương mại quốc tế buộc các nhà đầu tư toàn cầu ngày càng chọn lọc, Việt Nam vẫn duy trì thành công lợi thế cạnh tranh nhờ chuyển dịch từ lắp ráp thâm dụng lao động sang sản xuất công nghệ cao.

Năm 2025, FDI tiếp tục là động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế Việt Nam, với vốn đăng ký mới ước đạt khoảng 17.3 tỷ USD và tổng vốn giải ngân đạt 27.6 tỷ USD – mức cao kỷ lục. Đà tăng này tiếp tục mạnh mẽ sang năm 2026, khi các trung tâm công nghiệp địa phương như Tp. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh và Thái Nguyên tiếp tục thu hút các dự án quy mô lớn, chất lượng cao.

Thành công trong thu hút FDI của Việt Nam không chỉ thể hiện ở quy mô vốn đăng ký hay giải ngân, mà còn phụ thuộc vào việc liên tục cải thiện môi trường kinh doanh trong nước. Chính phủ Việt Nam đã tích cực ban hành các nghị quyết và chương trình hành động nhằm thực hiện cam kết cải cách và hiện đại hóa khung pháp lý dành cho nhà đầu tư nước ngoài.



Năm 2024, việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (GMT) khiến một số ưu đãi thuế kém hiệu quả hơn. Bộ Tài chính đã đề xuất các điều chỉnh nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh của Việt Nam, bao gồm:

Rà soát và tái cấu trúc ưu đãi thuế một cách chiến lược	Điều chỉnh phân bổ nguồn lực	Mở rộng cơ sở thuế	Tập trung vào các ưu đãi khuyến khích sản xuất giá trị gia tăng cao
---	------------------------------	--------------------	---

Nền kinh tế Việt Nam ngày càng ghi nhận vai trò quan trọng của khu vực tư nhân và nhà đầu tư nước ngoài. Các cuộc gặp gỡ và đối thoại theo hình thức "diễn đàn doanh nghiệp" thường xuyên được tổ chức giữa Chính phủ và các bên liên quan, tạo cơ hội quý giá để doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nước ngoài, đóng góp ý kiến về các vấn đề lập pháp quan trọng.

2. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư nước ngoài có thể thực hiện các hình thức đầu tư sau tại Việt Nam:

Đầu tư trực tiếp

- Thành lập tổ chức kinh tế mới;
- Góp vốn/mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hiện hữu;
- Thực hiện dự án đầu tư;
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ký kết với nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài khác.

Đầu tư gián tiếp

- Mua cổ phiếu, chứng chỉ cổ phần, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác được giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán;
- Đầu tư thông qua quỹ đầu tư chứng khoán
- Đầu tư thông qua các định chế tài chính trung gian khác.

Nguồn: Phân tích của KPMG, Vietnam Briefing, Bộ Tài chính

Môi trường đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài (2/6)

3. HÌNH THỨC HIỆN DIỆN THƯƠNG MẠI

Nhà đầu tư nước ngoài có thể thực hiện các hình thức đầu tư sau tại Việt Nam:

Văn phòng đại diện (VPDD)

Văn phòng đại diện (VPDD) là hình thức hiện diện ban đầu phổ biến đối với các tổ chức nước ngoài tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam. Về mặt pháp lý, VPDD là đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài, được phép khảo sát thị trường và thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật Việt Nam, nhưng không được thực hiện hoạt động sinh lợi trực tiếp.

Chi nhánh

Về mặt pháp lý, chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài, được thành lập để hoạt động thương mại tại Việt Nam theo pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế có liên quan. Tuy nhiên, chi nhánh không phải là hình thức hiện diện phổ biến tại Việt Nam và chỉ giới hạn trong một số lĩnh vực như ngân hàng, tài chính và xây dựng.

Pháp nhân

Tùy theo ngành nghề kinh doanh, số lượng nhà đầu tư và dự định niêm yết, nhà đầu tư nước ngoài có thể hiện diện tại Việt Nam dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần (CTCP) hoặc công ty hợp danh.

Đặc điểm	Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH)	Công ty cổ phần (CTCP)	Công ty hợp danh
Số lượng thành viên/ cổ đông	Một (công ty TNHH một thành viên); Từ hai thành viên trở lên nhưng không quá năm mươi (công ty TNHH hai thành viên trở lên)	Tối thiểu ba cổ đông; không giới hạn số lượng cổ đông tối đa	- Thành viên hợp danh: Tối thiểu hai thành viên hợp danh (cá nhân) - Thành viên góp vốn (không bắt buộc): Tổ chức hoặc cá nhân
Trách nhiệm của thành viên/ cổ đông	Trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty	Trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty	- Thành viên hợp danh: Vô hạn - Thành viên góp vốn: Trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty
Phát hành trái phiếu	Được phép	Được phép	Không được phép
Phát hành cổ phần	Không được phép	Được phép	Không được phép
Niem yết trên sở giao dịch chứng khoán	Không được phép	Được phép	Không được phép

4. NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Luật Đầu tư 2025 và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP quy định danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Danh mục này gồm hai phần:

(A) Danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường/đầu tư: gồm 23 ngành, nghề không cho phép đầu tư nước ngoài, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục độc quyền nhà nước
- Hoạt động báo chí và thu thập tin tức
- Đánh bắt hải sản
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
- Kinh doanh tạm nhập tái xuất

(B) Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường/đầu tư có điều kiện: gồm 62 ngành, nghề cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Sản xuất và phát hành sản phẩm văn hóa (bao gồm bản ghi hình)
- Bảo hiểm, ngân hàng và môi giới chứng khoán
- Dịch vụ viễn thông và in ấn
- Kinh doanh thương mại điện tử
- Ngành, nghề được cấp phép theo cơ chế thí điểm

Doanh nghiệp hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện áp dụng (như vốn tối thiểu, tỷ lệ sở hữu nước ngoài, yêu cầu về cơ sở vật chất và nhân sự, giấy phép hoạt động) trước khi đi vào hoạt động. Vi phạm sẽ dẫn đến xử phạt từ cơ quan nhà nước và bất lợi về thuế đối với các chi phí phát sinh từ hoạt động kinh doanh này.

Môi trường đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài (3/6)

5. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư tại Việt Nam có thể được hưởng ưu đãi dựa trên một số tiêu chí:

- **Địa bàn:** Dự án tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn/khó khăn, hoặc tại khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và khu công nghệ thông tin tập trung. Khu công nghiệp không còn mặc nhiên được hưởng ưu đãi, trừ khi đồng thời nằm tại một trong các địa bàn nêu trên.
- **Nghành nghề:** Ưu tiên các dự án trong lĩnh vực ưu tiên như công nghệ cao (AI, bán dẫn, ô tô), dịch vụ xã hội (giáo dục, y tế), hạ tầng hoặc nông nghiệp.
- **Dự án quy mô lớn:** Dự án sản xuất quy mô lớn có thể được hưởng ưu đãi cao hơn nếu đáp ứng ngưỡng vốn và/hoặc doanh thu hàng năm cao cùng tiêu chuẩn công nghệ.
- **Cơ chế đặc biệt chiến lược:** Gói ưu đãi cao hơn có thể áp dụng cho dự án công nghệ cao và công nghệ chiến lược, dự án công nghệ cao kết hợp quy mô lớn, dự án tại Trung tâm Tài chính Quốc tế và các khu vực có cơ chế đặc thù khác như Đặc khu kinh tế, Khu thương mại tự do, v.v.

Các loại ưu đãi đầu tư

Dự án đủ điều kiện có thể được hưởng nhiều ưu đãi khác nhau:

- **Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):**
 - Thuế suất TNDN ưu đãi (thấp hơn mức phổ thông 20%) trong thời hạn nhất định hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án.
 - Miễn, giảm thuế TNDN trong thời hạn nhất định.
- **Ưu đãi mở rộng:** Gói ưu đãi cao hơn dành cho các dự án công nghệ cao tạo tác động lan tỏa rộng và nâng cao năng lực công nghệ của Việt Nam
- **Ưu đãi thuế nhập khẩu:** Có thể được miễn, giảm thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, nguyên liệu, linh kiện sử dụng cho dự án đầu tư đủ điều kiện, theo các điều kiện và thủ tục hành chính nhất định.
- **Ưu đãi về đất đai:**
 - Giảm tiền thuê đất đối với đất thuê của Nhà nước.
 - Có thể được miễn, giảm tiền thuê đất và thuế sử dụng đất đối với một số trường hợp đặc biệt.
- **Hỗ trợ từ địa phương:** Tùy theo địa điểm và quy mô dự án, nhà đầu tư có thể được tỉnh hỗ trợ giải phóng mặt bằng và phát triển hạ tầng, theo chính sách đầu tư của từng địa phương.

Cơ chế đặc thù tại Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam ("VIFC")

Cơ chế VIFC kết hợp các ưu đãi về thuế, quản lý và xuất nhập cảnh nhằm thu hút các định chế tài chính toàn cầu, quỹ đầu tư và chuyên gia trình độ cao. Các ưu đãi chính bao gồm thuế suất TNDN ưu đãi, miễn thuế TNCN cho chuyên gia đủ điều kiện đến năm 2030, miễn thuế nhập khẩu đối với một số tài sản đầu tư và linh hoạt hơn trong việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế.

Quỹ Hỗ trợ đầu tư ("Quỹ HTĐT")

Theo chủ trương được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023, trong bối cảnh Việt Nam áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu từ ngày 01/01/2024, Chính phủ đã ban hành **Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ("Nghị định 182") ngày 31/12/2024** về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư ("Quỹ HTĐT"). Quỹ HTĐT nhằm góp phần ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích và thu hút nhà đầu tư chiến lược, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực ưu tiên.

Nghị định 182 có hiệu lực từ ngày 31/12/2024 và được áp dụng từ năm tài chính 2024.

Các điểm đáng chú ý của Nghị định được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp đủ điều kiện và điều kiện đề nghị hỗ trợ đầu tư

- Doanh nghiệp công nghệ cao
- Doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao
- Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao
- Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển ("R&D")

Môi trường đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài (4/6)

5. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Doanh nghiệp Điều kiện	a)	b)	c)	d)
Ngưỡng vốn đầu tư hoặc doanh thu hằng năm tối thiểu	Doanh nghiệp phải đạt vốn đầu tư tối thiểu 12,000 tỷ đồng hoặc doanh thu tối thiểu 20,000 tỷ đồng/năm. Một số trường hợp điển hình: - Doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp chip bán dẫn, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo ("AI"): vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng hoặc doanh thu tối thiểu 10,000 tỷ đồng/năm; - Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao mà công nghệ hoặc sản phẩm thuộc danh mục công nghệ cao đột phá hoặc sản phẩm công nghệ cao được ưu tiên nghiên cứu phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành: không yêu cầu điều kiện về vốn đầu tư hoặc doanh thu. - Doanh nghiệp có dự án thiết kế vi mạch: không yêu cầu điều kiện về vốn đầu tư hoặc doanh thu. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải cam kết sử dụng tối thiểu 300 kỹ sư và nhà quản lý người Việt Nam sau 5 năm hoạt động tại Việt Nam và hằng năm hỗ trợ Việt Nam đào tạo tối thiểu 30 kỹ sư chất lượng cao trong lĩnh vực thiết kế vi mạch. Điều kiện doanh thu tối thiểu là doanh thu đáp ứng điều kiện của doanh nghiệp công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong năm tài chính đề nghị hỗ trợ.			Vốn đầu tư tối thiểu 3,000 tỷ đồng
Thời hạn giải ngân vốn đầu tư tối thiểu	Dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (gọi chung là "giấy phép đầu tư") kể từ ngày 31/12/2024: - Giải ngân 12,000 tỷ đồng trong 05 năm hoặc 10,000 tỷ đồng trong 03 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư lần đầu. - Giải ngân 6,000 tỷ đồng trong 05 năm hoặc 4,000 tỷ đồng trong 03 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư lần đầu, áp dụng với dự án đầu tư công nghiệp chip bán dẫn, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu AI. Dự án đầu tư có vốn đăng ký chưa đạt mức tối thiểu 12,000 tỷ đồng trước ngày 31/12/2024 nhưng điều chỉnh tăng vốn kể từ ngày 31/12/2024 để đạt mức tối thiểu 12,000 tỷ đồng, hoặc 6,000 tỷ đồng đối với công nghiệp chip bán dẫn, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu AI: - Trường hợp vốn đầu tư tăng thêm dưới 10,000 tỷ đồng: giải ngân 10,000 tỷ đồng trong 03 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh. - Trường hợp vốn đầu tư tăng thêm từ 10,000 tỷ đồng trở lên: giải ngân 12,000 tỷ đồng trong 05 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh. Dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chip bán dẫn, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu AI: - Trường hợp vốn đầu tư tăng thêm dưới 4,000 tỷ đồng: giải ngân 4,000 tỷ đồng trong 03 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh. - Trường hợp vốn đầu tư tăng thêm từ 4,000 tỷ đồng trở lên: giải ngân 6,000 tỷ đồng trong 05 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh. Dự án đầu tư được cấp giấy phép đầu tư trước ngày 31/12/2024 có vốn đăng ký tối thiểu 12,000 tỷ đồng, hoặc 6,000 tỷ đồng đối với công nghiệp chip bán dẫn, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu AI, nhưng chưa hoàn thành giải ngân: - Giải ngân theo tiến độ đã đăng ký tại giấy phép đầu tư, hoặc - Giải ngân 12,000 tỷ đồng, hoặc 6,000 tỷ đồng đối với dự án đầu tư công nghiệp chip bán dẫn, mạch tích hợp bán dẫn và trung tâm dữ liệu AI, trong 05 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư lần đầu hoặc điều chỉnh gần nhất trước ngày 31/12/2024.			1,000 tỷ đồng trong 03 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư
Điều kiện tuân thủ	Không có nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ.			

Môi trường đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài (5/6)

5. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Chính sách hỗ trợ đầu tư

i. Hỗ trợ chi phí

Quỹ hỗ trợ trực tiếp bằng tiền đối với các khoản chi phí sau:

Khoản chi phí được hỗ trợ	Đối tượng	Mức hỗ trợ
Chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực	Tất cả các doanh nghiệp đủ điều kiện nêu trên	Tối đa 50% chi phí thực tế phát sinh trong năm tài chính cho hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực người Việt Nam.
Chi phí R&D		Tùy theo tổng chi phí R&D thực tế phát sinh trong năm tài chính, doanh nghiệp được hỗ trợ theo tỷ lệ lũy tiến trên chi phí R&D, cụ thể: - Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao: từ 20% đến 30%. - Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm R&D: từ 10% đến 20%. - Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao: từ 1% đến 10%.
Chi phí đầu tư tạo tài sản cố định	Tất cả các doanh nghiệp đủ điều kiện nêu trên, trừ doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm R&D	Doanh nghiệp được hỗ trợ theo tỷ lệ lũy tiến tính trên nguyên giá tài sản cố định mới tăng, nhưng không vượt quá 0,5% tổng vốn đầu tư, cụ thể: - Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao: từ 8% đến 10%. - Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao: từ 1% đến 3%.
Chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao		- Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao: từ 1% đến 3% giá trị gia tăng sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong năm tài chính; - Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao: từ 0.5% đến 1% giá trị gia tăng sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong năm tài chính.
Chi phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội	Tất cả các doanh nghiệp đủ điều kiện nêu trên	Tối đa 25% chi phí thực tế phát sinh và đã chi trong năm tài chính
Các trường hợp khác	Theo quyết định của Chính phủ	

ii. Hỗ trợ đầu tư ban đầu

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm R&D trong lĩnh vực bán dẫn và AI đáp ứng các tiêu chí, điều kiện cụ thể có thể được hỗ trợ tối đa 50% chi phí đầu tư ban đầu của dự án, hoặc mức hỗ trợ khác theo quyết định của Chính phủ.

Nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư

- Doanh nghiệp tự kê khai và chịu trách nhiệm về hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư. Trường hợp vi phạm, doanh nghiệp phải hoàn trả khoản hỗ trợ đã nhận, tiền lãi và chịu xử phạt vi phạm hành chính.
- Mỗi doanh nghiệp, dự án đủ điều kiện được hỗ trợ tối đa 5 năm, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài.
- Trường hợp doanh nghiệp đồng thời đủ điều kiện nhận hỗ trợ từ Quỹ và từ quỹ khác hoặc các hỗ trợ khác của Chính phủ cho cùng một khoản chi phí, doanh nghiệp chỉ được lựa chọn một hình thức hỗ trợ, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định khác.
- Trường hợp doanh nghiệp đồng thời đủ điều kiện hỗ trợ chi phí và hỗ trợ đầu tư ban đầu, doanh nghiệp chỉ được lựa chọn một hình thức hỗ trợ.
- Khoản hỗ trợ nhận từ Quỹ không thuộc diện chịu thuế TNDN.

Thủ tục và thời hạn đề nghị hỗ trợ đầu tư

- Trước ngày 10/7 năm sau, doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định đến Cơ quan tiếp nhận được chỉ định. Trên cơ sở hồ sơ của doanh nghiệp, đề nghị hỗ trợ đầu tư sẽ lần lượt được Cơ quan điều hành Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ và Chính phủ xem xét.
- Chính phủ xem xét, quyết định tổng mức hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp.

Môi trường đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài (6/6)

6. THỦ TỤC ĐẦU TƯ

Thủ tục đầu tư khác nhau tùy theo từng hình thức đầu tư

STT	Hình thức đầu tư	Thủ tục đầu tư	Cơ quan cấp phép	Thời hạn theo quy định ⁽¹⁾	Ghi chú
1	Thành lập tổ chức kinh tế	(i) Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT)	- Sở Tài chính⁽²⁾; hoặc - Ban Quản lý các khu chức năng	15 ngày	Đối với dự án đầu tư có tác động lớn đến kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật, phải được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi cấp GCNĐKĐT.
		(ii) Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN)	Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cấp tỉnh	3 ngày làm việc	Nhà đầu tư cũng có thể lựa chọn đăng ký thành lập tổ chức kinh tế trước khi đăng ký cấp GCNĐKĐT. Thời hạn hoàn tất đăng ký cấp GCNĐKĐT là 12 tháng kể từ ngày cấp GCNĐKDN.
2	Góp vốn/ mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hiện hữu	(i) Đăng ký góp vốn/ mua cổ phần, phần vốn góp	- Sở Tài chính; hoặc - Ban Quản lý các khu chức năng	15 ngày làm việc	Thủ tục này bắt buộc trong các trường hợp: (i) việc mua cổ phần/phần vốn góp làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại tổ chức kinh tế kinh doanh ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; (ii) việc mua cổ phần/phần vốn góp dẫn đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau giao dịch từ 50% trở lên; (iii) tổ chức kinh tế có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo, xã, phường, đặc khu biên giới, ven biển hoặc khu vực ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.
		(ii) Thủ tục cập nhật thành viên/ cổ đông mới	Phòng ĐKKD	3 ngày làm việc	
		(iii) Thủ tục cập nhật nhà đầu tư mới	- Sở Tài chính; hoặc - Ban Quản lý các khu chức năng	3 - 10 ngày làm việc	
3	Hợp đồng BCC ký kết với nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài khác	(i) Đăng ký cấp GCNĐKĐT	- Sở Tài chính; hoặc - Ban Quản lý các khu chức năng	15 ngày	Đối với dự án đầu tư có tác động lớn đến kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật, phải được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi cấp GCNĐKĐT.
		(ii) Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành dự án	Phòng ĐKKD	15 ngày	

(1) Trường hợp dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc UBND cấp tỉnh; và/hoặc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có thẩm quyền, thời hạn nêu trên sẽ dài hơn.

(2) Sở Kế hoạch và Đầu tư để hợp nhất với Sở Tài chính thành Sở Tài chính, theo Văn bản số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW

Ghi chú: Ngày làm việc là các ngày trừ thứ Bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ.

Thuế (1/5)

1. TỔNG QUAN

Hệ thống thuế Việt Nam đã được hiện đại hóa đáng kể trong những năm gần đây, phản ánh chiến lược tổng thể của Chính phủ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh về đầu tư, hỗ trợ tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo và công nghệ, đồng thời hài hòa với chuẩn mực thuế quốc tế. Các cải cách lớn đã được triển khai ở những sắc thuế chủ chốt như thuế TNDN, thuế GTGT, thuế TNCN, quản lý thuế và áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Các thay đổi pháp luật gần đây không chỉ mở rộng ưu đãi thuế và cơ chế hỗ trợ đầu tư, mà còn tăng tính chắc chắn về thuế thông qua hướng dẫn cập nhật về hiệp định thuế, chuyển giá và thủ tục giải quyết tranh chấp. Những cải cách này thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc xây dựng môi trường thuế minh bạch hơn, thân thiện với doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

Các loại thuế chính áp dụng tại Việt Nam gồm:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)
- Quy định về chuyển giá
- Thuế giá trị gia tăng (GTGT)
- Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)
- Thuế nhà thầu nước ngoài (NTNN)
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)
- Thuế tối thiểu toàn cầu (TTTC)
- Thuế xuất nhập khẩu

Ngoài ra, một số doanh nghiệp có thể phải nộp các loại thuế khác:

- Thuế tài sản
- Thuế tài nguyên
- Thuế bảo vệ môi trường

Lưu ý rằng tất cả các loại thuế đều là thuế quốc gia và được quản lý tại địa phương. Việt Nam không có thuế địa phương, thuế thành phố hay thuế tỉnh.

2. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

THUẾ TNDN

Thuế suất TNDN phổ thông của Việt Nam vẫn là 20%. Khung pháp lý TNDN mới áp dụng từ kỳ tính thuế 2025, quy định thuế suất phân tầng cho doanh nghiệp nhỏ, mở rộng ưu đãi cho đầu tư chiến lược, mở rộng các khoản thu nhập miễn thuế và chi phí được trừ, sửa đổi quy định chuyển lỗ và tăng cường quản lý thuế đối với doanh nghiệp số nước ngoài.

Các điểm thay đổi chính theo khung pháp lý TNDN mới:

- **Thuế suất TNDN phân tầng theo doanh thu:** Thuế suất phổ thông vẫn là 20%. Tuy nhiên, **thuế suất 15%** áp dụng cho doanh nghiệp có doanh thu năm không quá **3 tỷ đồng**, và **thuế suất 17%** áp dụng cho doanh nghiệp có doanh thu năm trên 3 tỷ đồng đến **50 tỷ đồng**, trừ một số trường hợp loại trừ theo luật định, bao gồm một số cấu trúc công ty con và bên liên kết.
- **Tái cấu trúc chế độ ưu đãi đầu tư:** Ưu đãi thuế TNDN tiếp tục được áp dụng theo lĩnh vực, địa bàn và quy mô đầu tư, với trọng tâm lớn hơn vào các hoạt động giá trị cao và chiến lược.

Các lĩnh vực được nhấn mạnh hoặc mở rộng ưu đãi thuế TNDN bao gồm nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, đóng gói và kiểm thử bán dẫn; sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin và công nghệ số ưu tiên; sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; trung tâm đổi mới sáng tạo và R&D; và một số hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô.

- **Thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế:** Tùy theo hoạt động, địa bàn, quy mô và cơ chế đặc thù theo luật định, dự án đủ điều kiện có thể được hưởng mức ưu đãi thuế cao nhất, bao gồm thuế suất ưu đãi **10% trong 15 năm**, cùng với **miễn thuế TNDN 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo**.
Chế độ ưu đãi dài hơn hoặc cao hơn có thể áp dụng cho dự án công nghệ chiến lược, khoa học công nghệ có tác động lớn, dự án tại Khu thương mại tự do hoặc dự án được phê duyệt đặc biệt theo pháp luật liên quan hoặc nghị quyết của Quốc hội.
- **Sửa đổi điều kiện ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng:** Tiêu chí dự án mở rộng đủ điều kiện đã được sửa đổi. Ngoài ra, doanh nghiệp thực hiện dự án mở rộng phải thông báo vốn đầu tư đăng ký của dự án với cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN của năm bắt đầu thực hiện, và phải thông báo khi có thay đổi vốn đăng ký.
- **Mở rộng thu nhập miễn thuế TNDN:** Chế độ mới bổ sung hoặc làm rõ các khoản miễn thuế đối với thu nhập đủ điều kiện từ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm một số khoản thu nhập từ hợp đồng đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, sản phẩm làm ra từ công nghệ lần đầu áp dụng tại Việt Nam và sản phẩm sản xuất thử nghiệm đủ điều kiện. Một số khoản miễn thuế có thể áp dụng tối đa **ba năm**.
- **Miễn thuế cho kinh tế xanh và hỗ trợ đầu tư:** Các khoản miễn thuế TNDN bổ sung có thể áp dụng đối với khoản tài trợ đủ điều kiện cho nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (trừ một số khoản tài trợ từ bên liên kết); hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước; khoản hỗ trợ đủ điều kiện từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư; thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau phát hành; lãi trái phiếu xanh; và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau phát hành.
- **Khấu trừ bổ sung chi phí R&D:** Chi phí R&D đủ điều kiện có thể được trừ đến **200% chi phí thực tế phát sinh**, với điều kiện việc áp dụng khoản trừ bổ sung không làm doanh nghiệp phát sinh lỗ tính thuế.
- **Mở rộng chi phí được trừ:** Khung pháp lý mới ghi nhận thêm các khoản chi được trừ đối với chi phí và tài trợ đủ điều kiện cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, một số chi phí phát triển kinh doanh trước khi có doanh thu, chi phí liên quan đến người lao động, thuế đã nộp ở nước ngoài và một số khoản thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ hoặc hoàn, theo điều kiện và chứng từ áp dụng.
- **Hạ ngưỡng thanh toán không dùng tiền mặt:** Các khoản mua hàng hóa, dịch vụ từ **5 triệu đồng trở lên (đã bao gồm thuế GTGT)** nhìn chung phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để được tính vào chi phí được trừ.
- **Sửa đổi quy định chuyển lỗ:** Lỗ từ chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư và chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được bù trừ với lãi từ hoạt động kinh doanh khác. Tuy nhiên, thu nhập từ hoạt động được ưu đãi vẫn phải hạch toán riêng và chịu giới hạn bù trừ.
- **Đánh thuế sớm hơn đối với thu nhập đầu tư ở nước ngoài:** Doanh nghiệp Việt Nam phải kê khai thu nhập từ hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư ở nước ngoài vào kỳ tính thuế phát sinh thu nhập, thay vì chờ đến khi chuyển lợi nhuận về Việt Nam.

Thuế (2/5)

2. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) (TIẾP THEO)

- **Thuế đối với doanh nghiệp số nước ngoài:** Doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh thương mại điện tử hoặc kinh doanh trên nền tảng số tại Việt Nam phải nộp thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam, bất kể có cơ sở thường trú tại Việt Nam hay không.

THUẾ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Khung pháp lý TNDN mới thay đổi căn bản cách đánh thuế đối với việc chuyển nhượng trực tiếp và gián tiếp khoản đầu tư tại Việt Nam của bên bán là tổ chức nước ngoài. Theo đó, phương pháp tính trên thu nhập ròng trước đây được thay bằng thuế tính trên tổng giá chuyển nhượng, đồng thời bổ sung cơ chế loại trừ có điều kiện đối với tái cấu trúc nội bộ tập đoàn đủ điều kiện.

Các thay đổi chính đối với chuyển nhượng vốn:

- **Thuế 2% trên tổng giá chuyển nhượng:** Từ ngày 15/12/2025, bên bán là tổ chức nước ngoài nhìn chung phải nộp thuế TNDN bằng 2% trên tổng doanh thu chuyển nhượng đối với chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp vốn tại doanh nghiệp Việt Nam, thay thế mức 20% trên thu nhập ròng trước đây (giá chuyển nhượng trừ giá vốn của phần vốn chuyển nhượng và chi phí chuyển nhượng hợp lệ).
- **Miễn thuế chuyển nhượng vốn đối với tái cấu trúc nội bộ tập đoàn:** Việc tái cấu trúc nội bộ tập đoàn đủ điều kiện có thể được coi là không phát sinh thu nhập và không chịu thuế chuyển nhượng vốn nếu giao dịch không làm thay đổi công ty mẹ tối cao và không tạo ra thu nhập hay giá trị kinh tế gia tăng.

3. CHUYỂN GIÁ

Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ("Nghị định 255") được ban hành để hướng dẫn quy định về chuyển giá, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 và thay thế Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP.

Về cơ bản giữ nguyên khung pháp lý chuyển giá hiện hành, Nghị định 255 đưa ra một số thay đổi đáng chú ý, bao gồm:

- **Cập nhật tiêu chí xác định quan hệ liên kết:** Mở rộng tiêu chí quan hệ liên kết đối với giao dịch vay và cho vay giữa doanh nghiệp và cá nhân, đồng thời bổ sung trường hợp loại trừ đối với một số tổ chức quản lý nợ do Nhà nước sở hữu 100% vốn không tham gia sở hữu hoặc điều hành doanh nghiệp.
- **Mở rộng ngưỡng miễn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết:** Nâng ngưỡng doanh thu từ 200 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng đối với người nộp thuế không phát sinh doanh thu, chi phí liên quan đến tài sản vô hình và đáp ứng yêu cầu tỷ suất lợi nhuận tối thiểu. Tiêu chí "chức năng đơn giản" đã được bãi bỏ.
- **Sửa đổi ngưỡng lập CbCR:** Áp dụng ngưỡng doanh thu hợp nhất 750 triệu EUR đối với công ty mẹ tối cao thay cho ngưỡng 18.000 tỷ đồng hiện hành, đồng thời bổ sung hướng dẫn về thông báo, nộp thay, thủ tục và thời hạn nộp.
- **Yêu cầu mới về thông báo CbCR:** Đơn vị thành viên tại Việt Nam có CbCR do công ty mẹ tối cao (UPE) hoặc công ty mẹ được chỉ định (SPE) ở nước ngoài nộp phải gửi thông báo một lần đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày cuối cùng của năm tài chính của UPE. Mọi thay đổi thông tin phải được gửi lại trong vòng 90 ngày.
- **Làm rõ thứ tự ưu tiên nguồn dữ liệu:** Quy định rõ thứ tự ưu tiên nguồn dữ liệu chuyển giá, ưu tiên dữ liệu công khai

và chính thức, tiếp đến là cơ sở dữ liệu thương mại và cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, đồng thời giữ nguyên các tiêu chí so sánh hiện hành.

- **Bổ sung chỉ số lợi nhuận ngành:** Lần đầu tiên, Nghị định 255 cho phép cơ quan thuế công bố chỉ số lợi nhuận theo ngành, khu vực địa lý hoặc nhóm người nộp thuế nhằm hỗ trợ tuân thủ chuyển giá và đánh giá nguyên tắc giao dịch độc lập.
- **Tăng cường khung quản lý thuế:** Nghị định 255 tăng cường quản lý chuyển giá, chú trọng hơn vào quản lý thuế dựa trên rủi ro, tham vấn trước kiểm tra, chia sẻ dữ liệu liên ngành, hỗ trợ tuân thủ cho người nộp thuế và sử dụng có hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế trong giám sát chuyển giá.

4. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Chế độ thuế GTGT của Việt Nam được điều chỉnh bởi Luật Thuế GTGT 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, cùng Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC.

Thuế GTGT nhìn chung áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam, chia thành bốn nhóm: không chịu thuế, 0%, 5% và 10%. Phương pháp khấu trừ vẫn là phương pháp chính để tính thuế GTGT, cho phép doanh nghiệp khấu trừ thuế GTGT đầu vào với thuế GTGT đầu ra theo điều kiện và yêu cầu chứng từ quy định.

Một số thay đổi chính của chính sách thuế GTGT mới:

- **Siết chặt chế độ thuế GTGT hàng xuất khẩu:** Yêu cầu chặt chẽ hơn khi áp dụng thuế suất 0% cho hàng xuất khẩu, nhấn mạnh điều kiện "tiêu dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu" và yêu cầu chứng từ.
- **Siết chặt điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào:** Ngưỡng thanh toán không dùng tiền mặt để được khấu trừ giảm xuống 5 triệu đồng (đã bao gồm thuế GTGT), đồng thời chính thức công nhận thêm một số phương thức thanh toán hợp lệ, bao gồm thanh toán bằng cổ phiếu, trái phiếu và một số trường hợp nhân viên chi hộ.
- **Mở rộng trường hợp được hoàn thuế GTGT:** Bổ sung cơ chế hoàn thuế đối với một số hoạt động chịu thuế suất 5% và một số mô hình kinh doanh xuất khẩu.
- **Mở rộng quy định đối với giao dịch số và xuyên biên giới:** Khung pháp lý mới hướng dẫn chi tiết hơn về thuế GTGT và điều kiện hoàn thuế đối với hàng xuất khẩu qua sàn thương mại điện tử nước ngoài, kho ngoại quan ở nước ngoài và xuất khẩu nội dung số.
- **Mở rộng đánh thuế nền kinh tế số:** Khung thuế GTGT mới làm rõ dịch vụ số và dịch vụ cung cấp qua nền tảng số của nhà cung cấp nước ngoài cho người dùng tại Việt Nam nhìn chung chịu thuế suất phổ thông 10%, thể hiện nỗ lực tăng cường quản lý thuế đối với thương mại điện tử xuyên biên giới và các mô hình kinh doanh số.
- **Biện pháp kích cầu tạm thời:** Tiếp tục giảm 2% thuế GTGT đối với phần lớn hàng hóa, dịch vụ đang chịu thuế suất 10% đến hết ngày 31/12/2026.

5. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

Các cải cách gần đây đối với thuế TNCN theo Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP là bước tiến quan trọng trong hiện đại hóa việc đánh thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, kinh doanh và các khoản thu nhập khác của cá nhân cư trú và không cư trú. Các cải cách này hỗ trợ mục tiêu chung của Chính phủ trong việc thu hút nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời giảm gánh nặng thuế cho người nộp thuế cá nhân.

Thuế (3/5)

5. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN) (TIẾP THEO)

THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

Các thay đổi chính gồm:

- **Rút gọn biểu thuế lũy tiến** từ 07 bậc xuống 05 bậc, giữ nguyên thuế suất cao nhất 35%, đồng thời nâng ngưỡng thu nhập tính thuế của từng bậc.
- **Mở rộng thu nhập được miễn thuế:**
 - Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ và tiền lương những ngày phép năm chưa nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.
 - Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc: phần vượt mức quy định được miễn thuế nếu được quy định rõ trong Quy chế nội bộ, Hợp đồng lao động hoặc Thỏa ước lao động tập thể.
 - Nâng mức miễn thuế đối với phí hưu trí tự nguyện, bảo hiểm hưu trí và bảo hiểm nhân thọ (tối đa 3 triệu đồng/tháng).
 - Mở rộng miễn thuế đối với nhà ở do người sử dụng lao động cung cấp và các khoản chi liên quan đến điều chuyển, luân chuyển và công tác của người lao động. Phải đáp ứng và lưu giữ đầy đủ các điều kiện, chứng từ cần thiết để được miễn thuế.
- **Tăng cường ưu đãi thuế cho lĩnh vực khoa học công nghệ, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo:**
 - Miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và hoạt động đổi mới sáng tạo của cá nhân đủ điều kiện.
 - Miễn thuế TNCN 5 năm đối với nhân lực công nghệ công nghệ số chất lượng cao và nhân lực công nghệ cao đủ điều kiện.
- **Cập nhật quy định thuế đối với cổ phiếu thường cho người lao động:**
 - Chính thức làm rõ việc tính thuế TNCN đối với cổ phiếu thường và chương trình ESOP, theo đó thuế TNCN phát sinh khi chuyển nhượng cổ phiếu, thay vì khi được cấp hoặc khi đủ điều kiện nhận.
 - Việc chuyển nhượng sẽ phát sinh thuế TNCN đối với cả thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Công ty chứng khoán hoặc ngân hàng lưu ký có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập liên quan. Cá nhân phải quyết toán thuế năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công (nếu có).
- **Bổ sung giảm trừ và chính sách hỗ trợ gia đình:**
 - Mở rộng điều kiện người phụ thuộc và đơn giản hóa thủ tục đăng ký người phụ thuộc. Việc đăng ký người phụ thuộc phải hoàn tất trước ngày 31/12 của năm tính thuế. Ngưỡng thu nhập bình quân tháng để xác định một số trường hợp người phụ thuộc được nâng lên 3 triệu đồng.
 - Bổ sung khoản giảm trừ đối với chi phí giáo dục, đào tạo và chi phí khám chữa bệnh trong nước của người nộp thuế và người phụ thuộc, trong giới hạn quy định. Người lao động phải tự quyết toán thuế để được hưởng các khoản giảm trừ này.
 - Tổng mức giảm trừ đối với bảo hiểm hưu trí bổ sung, bảo hiểm hưu trí tự nguyện và bảo hiểm nhân thọ tối đa 3 triệu đồng mỗi tháng.

• Nghĩa vụ khấu trừ thuế:

- Ngưỡng khấu trừ thuế TNCN 10% đối với khoản chi trả cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba tháng được nâng từ 2 triệu đồng lên 5 triệu đồng mỗi lần chi trả. Quy định này cũng áp dụng đối với khoản chi trả sau khi chấm dứt hợp đồng lao động.
- Quy định chính thức nghĩa vụ khấu trừ thuế của đơn vị tại Việt Nam đối với chi phí tiền lương của người nước ngoài do đơn vị ở nước ngoài chi trả trước, sau đó được tính lại hoặc hoàn trả cho/bởi đơn vị tại Việt Nam.

CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC

Các thay đổi chính gồm:

• Mở rộng thu nhập chịu thuế

- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số.
- Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số và vàng miếng.
- Nâng ngưỡng thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền thương mại, thừa kế, quà tặng từ 10 triệu đồng lên 20 triệu đồng.

• Các ưu đãi khác:

- Miễn thuế đối với thu nhập nhận từ quỹ hưu trí bổ sung và quỹ hưu trí tự nguyện.
- Miễn thuế đối với thu nhập của cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty TNHH một thành viên sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế TNDN.
- Miễn thuế đối với chứng chỉ quỹ mở năm giữ tối thiểu hai (2) năm.
- Giảm 50% thuế đối với lợi tức từ đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư bất động sản.

6. THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI (NTNN)

Chế độ thuế NTNN của Việt Nam áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, tiền bản quyền, lãi vay, dịch vụ số và các giao dịch xuyên biên giới khác mà không thành lập pháp nhân tại Việt Nam. Thuế nhà thầu thường được thu theo phương thức khấu trừ, gồm phần thuế GTGT và phần thuế TNDN hoặc TNCN, tùy theo đối tượng nhận thu nhập và bản chất giao dịch.

Các thay đổi pháp luật và quản lý gần đây tập trung vào tăng cường đánh thuế nền kinh tế số, hiện đại hóa thủ tục tuân thủ và làm rõ cách xử lý thuế đối với nhà thầu nước ngoài và nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài hoạt động tại thị trường Việt Nam.

Một số thay đổi chính của chính sách thuế GTGT và TNDN áp dụng cho tổ chức nước ngoài:

- **Thay đổi phương pháp kê khai thuế nhà thầu:** Nhà thầu nước ngoài có cơ sở thường trú hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam đang áp dụng phương pháp hỗn hợp theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Đối với hợp đồng ký trước ngày 12/3/2026, nghĩa vụ thuế TNDN tiếp tục được xác định theo quy định có hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng. Từ ngày 12/3/2026, phương pháp hỗn hợp chấm dứt áp dụng, và tổ chức nước ngoài đủ điều kiện phải áp dụng phương pháp kê khai và tuân thủ quy định về thuế, kế toán hiện hành.

Thuế (4/5)

7. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB)

Thuế TTĐB áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ nhất định ở khâu sản xuất, cung ứng dịch vụ hoặc nhập khẩu. Hàng xuất khẩu không chịu thuế TTĐB. Hàng nhập khẩu thuộc diện chịu thuế TTĐB phải nộp thuế cả khi nhập khẩu và khi bán ra trong nước.

Luật Thuế TTĐB mới số 66/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) có nhiều thay đổi quan trọng, bao gồm:

- **Bổ sung thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường:** Đồ uống theo Tiêu chuẩn Việt Nam có hàm lượng đường trên 5g/100ml chịu thuế TTĐB 8% từ ngày 01/01/2027 và tăng lên 10% từ ngày 01/01/2028.
- **Tăng dần thuế suất TTĐB đối với rượu, bia:** Rượu từ 20 độ trở lên chịu thuế suất 65% năm 2026 và tăng 5% mỗi năm, đạt 90% vào năm 2031. Rượu dưới 20 độ chịu thuế suất 35% năm 2026 và tăng dần hằng năm lên 60% vào năm 2031. Bia áp dụng lộ trình giống rượu từ 20 độ trở lên, từ 65% năm 2026 lên 90% năm 2031.
- **Áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá:** Thuốc lá tiếp tục chịu thuế suất theo tỷ lệ 75%, đồng thời bổ sung mức thuế tuyệt đối áp dụng dần từ năm 2027 đến 2031. Thuế tuyệt đối đối với thuốc lá điều tăng từ 2,000 đồng/bao năm 2027 lên 10,000 đồng/bao năm 2031; xì gà từ 20,000 đồng/điếu lên 100,000 đồng/điếu; thuốc lá sợi, thuốc lá và các dạng khác từ 20,000 đồng lên 100,000 đồng/100g hoặc 100ml trong cùng giai đoạn.
- **Ưu đãi thuế TTĐB đối với ô tô điện chạy pin:** Ô tô điện chạy pin tiếp tục được hưởng thuế suất TTĐB ưu đãi theo loại xe và số chỗ ngồi, thấp hơn đáng kể so với ô tô sử dụng động cơ đốt trong tương đương.
- **Mở rộng phạm vi thuế TTĐB đối với điều hòa:** Điều hòa nhiệt độ có công suất trên 24,000 BTU đến 90,000 BTU chịu thuế TTĐB 10%, trừ loại được nhà sản xuất thiết kế chỉ để lắp trên phương tiện vận tải. Cục nóng, cục lạnh bán hoặc nhập khẩu riêng lẻ vẫn chịu thuế TTĐB như bộ phận của hệ thống điều hòa hoàn chỉnh.

8. THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU (TTTC)

Sau Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, ngày 29/8/2025, Chính phủ đã chính thức ban hành Nghị định số 236/2025/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện, có hiệu lực từ ngày 15/10/2025.

Các quy định chính gồm:

- Các tập đoàn đa quốc gia (MNE) lớn phải nộp thuế doanh nghiệp tối thiểu 15% trên lợi nhuận tại mỗi quốc gia hoạt động.
- Đối tượng áp dụng là người nộp thuế tại Việt Nam thuộc tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hợp nhất hằng năm từ 750 triệu EUR trở lên trong ít nhất hai trong bốn năm tài chính liên trước.
- Nếu thuế suất thực tế (ETR) tại một quốc gia thấp hơn 15%, phần thuế bổ sung sẽ được thu tại Việt Nam. Các phép thử safe harbor chuyển tiếp dựa trên CbCR được áp dụng đến năm tài chính 2026.

- Thời hạn kê khai và nộp thuế chính:
 - Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT): trong vòng 12 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính.
 - Quy tắc tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR): trong vòng 15 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính, được gia hạn đến 18 tháng đối với năm tài chính 2024.

9. THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam nhìn chung chịu thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu, trừ trường hợp được miễn theo quy định. Thuế suất thuế nhập khẩu khác nhau tùy theo tính chất, mã HS và xuất xứ hàng hóa. Có ba loại thuế suất: thông thường, ưu đãi và ưu đãi đặc biệt. Thuế suất áp dụng phụ thuộc vào phân loại HS, xuất xứ hàng hóa, biểu thuế liên quan và việc đáp ứng các điều kiện quy định.

- Thuế suất ưu đãi đặc biệt có thể áp dụng đối với hàng hóa có xuất xứ từ quốc gia, vùng lãnh thổ có hiệp định thương mại với Việt Nam, với điều kiện hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ và các điều kiện khác, có chứng từ chứng nhận xuất xứ hợp lệ theo hiệp định và pháp luật Việt Nam.
- Miễn thuế:
 - Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu có thể không phải nộp thuế nhập khẩu, với điều kiện tuân thủ quy định về quản lý hải quan và quyết toán/báo cáo theo pháp luật hải quan Việt Nam.
 - Một số hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thuộc diện ưu đãi đầu tư có thể được miễn thuế nhập khẩu.
- Thuế xuất khẩu: Phần lớn hàng xuất khẩu không chịu thuế. Thuế xuất khẩu chủ yếu áp dụng đối với một số tài nguyên, khoáng sản, nguyên liệu thô, phế liệu và các hàng hóa khác có tên trong Biểu thuế xuất khẩu.
- Kiểm tra sau thông quan và thanh tra hải quan tiếp tục là trọng tâm của cơ quan hải quan Việt Nam. Do đó, doanh nghiệp cần duy trì hệ thống và chứng từ đầy đủ để chứng minh tờ khai hải quan, hồ sơ miễn thuế và xác định xuất xứ.

10. THUẾ TÀI SẢN

Thuế tài sản tại Việt Nam được thu dưới hình thức "tiền sử dụng đất" hoặc "tiền thuê đất". Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu sử dụng đất cho dự án đầu tư có thể đề nghị cơ quan quản lý đất đai giao đất và nộp tiền sử dụng đất, hoặc cho thuê đất và nộp tiền thuê đất.

Đơn giá thuê đất và các nghĩa vụ liên quan đến sử dụng đất được xác định dựa trên vị trí, mục đích sử dụng đất, điều kiện hạ tầng và quy định của địa phương, theo Luật Đất đai 2024, các văn bản sửa đổi và hướng dẫn thi hành. Khung pháp lý này gần đây được bổ sung bởi Nghị quyết số 254/2025/QH15 và Nghị định số 50/2026/NĐ-CP, đưa ra một số cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ vướng mắc trong thực thi pháp luật đất đai, bao gồm các vấn đề về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chế độ ưu đãi về đất đai.

Thuế (5/5)

11. THUẾ TÀI NGUYÊN

Thuế tài nguyên được áp dụng đối với hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam, bao gồm dầu khí, khoáng sản, lâm sản, hải sản và nước thiên nhiên. Thuế suất khác nhau tùy theo loại tài nguyên và được áp dụng trên sản lượng khai thác theo giá tính thuế đơn vị quy định.

12. THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT)

Từ ngày 01/01/2012, Việt Nam áp dụng thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa có thể gây tác động xấu đến môi trường. Thuế BVMT áp dụng đối với việc sản xuất và nhập khẩu một số hàng hóa như xăng dầu, than, túi ni lông và hóa chất hạn chế sử dụng.

Trong khuôn khổ các biện pháp của Chính phủ nhằm giảm tác động của giá nhiên liệu tăng, thuế BVMT đối với xăng (trừ etanol), dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut và nhiên liệu bay được giảm xuống 0 đồng/lít, áp dụng từ tháng 4/2026 đến tháng 9/2026.

13. HIỆP ĐỊNH TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN (DTA)

Việt Nam đã ký DTA với hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ, cho phép hợp tác với cơ quan thuế các nước trong việc thực thi pháp luật

thuế của mỗi bên. Người nộp thuế đủ điều kiện phải nộp hồ sơ DTA cho cơ quan thuế để xem xét, chấp thuận. Thời gian xử lý theo quy định là 30 đến 45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

Năm 2022, Việt Nam đã ký Công ước đa phương (MLI) nhằm thực hiện các hành động BEPS, hướng tới các giải pháp chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận. Theo đó, một số điều khoản của các DTA hiện hành mà Việt Nam đồng ý áp dụng theo MLI sẽ được điều chỉnh. MLI có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 01/9/2023.

Ngày 01/7/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 95/2026/TT-BTC, đưa ra khung hướng dẫn hợp nhất về áp dụng DTA, Thủ tục thỏa thuận song phương ("MAP") và Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế ("APA"). Thông tư hướng dẫn chi tiết về việc đề nghị hưởng ưu đãi theo hiệp định, giải quyết tranh chấp thuế xuyên biên giới thông qua MAP và đạt được sự chắc chắn trước về giao dịch liên kết thông qua cơ chế APA. Bên cạnh việc làm rõ thủ tục hành chính và yêu cầu hồ sơ, Thông tư 95 giúp thực tiễn áp dụng hiệp định của Việt Nam tiệm cận hơn với chuẩn mực thuế quốc tế và củng cố các nguyên tắc chống tránh thuế, bao gồm ngăn ngừa tình trạng không bị đánh thuế ở cả hai nơi.

Thông tư 95 có hiệu lực kể từ ngày ban hành, thay thế Thông tư số 205/2013/TT-BTC.

Gặp gỡ chuyên gia



Hoàng Thùy Dương

Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Bộ phận Thuế



Nguyễn Ngọc Thái

Thành viên Điều hành, Trưởng Dịch vụ Tuân thủ Thuế & Ứng dụng Công nghệ

Thay đổi pháp lý và thuế quan trọng đối với doanh nghiệp FDI

Văn bản	Ban hành / Hiệu lực	Thay đổi chính	Tác động đối với doanh nghiệp FDI
Luật Thuế TNDN 2025 (Luật số 67/2025/QH15)	06/2025 / 10/2025	Cải cách toàn diện chế độ thuế TNDN, bao gồm cập nhật ưu đãi thuế, đánh thuế đối với tổ chức nước ngoài, giao dịch kinh tế số và áp dụng nguyên tắc thuế tối thiểu toàn cầu (GMT).	Các tập đoàn đa quốc gia cần đánh giá lại cấu trúc đầu tư, chiến lược ưu đãi thuế và tác động của Trụ cột 2 đến hiệu quả của các ưu đãi thuế hiện hữu.
Nghị định số 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế TNDN	12/2025 / Áp dụng từ năm tài chính 2025	Hướng dẫn chi tiết về ưu đãi thuế, thu nhập chịu thuế, chi phí được trừ, dự án đầu tư mở rộng, doanh nghiệp nước ngoài và quỹ phát triển khoa học công nghệ.	Làm rõ điều kiện hưởng ưu đãi thuế và hồ sơ chứng minh, tác động trực tiếp đến các dự án FDI đang hưởng ưu đãi thuế TNDN.
Thông tư số 20/2026/TT-BTC	03/2026	Hướng dẫn chi tiết Luật Thuế TNDN và Nghị định 320, bao gồm hồ sơ ưu đãi thuế, thuế NTNN và dự án đầu tư mở rộng.	Tác động đáng kể đến doanh nghiệp FDI có giao dịch xuyên biên giới, thanh toán ra nước ngoài và mở rộng kinh doanh tại Việt Nam.
Luật Đầu tư 2025 (Luật số 143/2025/QH15)	12/2025 / 03/2026	Đơn giản hóa thủ tục đầu tư, bảo đảm môi trường pháp lý minh bạch hơn và giảm rào cản hành chính. Luật cũng quy định cơ chế ưu đãi cho lĩnh vực chiến lược, chú trọng hậu kiểm.	Rút ngắn thời gian gia nhập thị trường và tăng tính linh hoạt cho nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời yêu cầu tuân thủ chặt chẽ hơn sau đầu tư.
Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp (Luật số 76/2025/QH15)	07/2025	Tăng cường minh bạch về chủ sở hữu hưởng lợi và cấm hình thức đứng tên hộ cổ phần.	Doanh nghiệp FDI cần rà soát cơ cấu sở hữu, thỏa thuận cấp vốn và quyền kiểm soát để bảo đảm tuân thủ.
Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (Luật số 91/2025/QH15)	06/2025 / 01/2026	Đạo luật toàn diện đầu tiên của Việt Nam điều chỉnh việc thu thập, xử lý, lưu trữ, chuyển giao và bảo vệ DLCN.	Các công ty đa quốc gia phải tăng cường quản trị dữ liệu, đánh giá việc chuyển dữ liệu xuyên biên giới và triển khai khung tuân thủ.
Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15)	11/2024 / 07/2025	Thiết lập khung pháp lý về quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu, xác định dữ liệu là nguồn lực kinh tế chiến lược.	Tăng tính chắc chắn pháp lý cho đầu tư vào AI, điện toán đám mây, fintech, trung tâm dữ liệu và nền tảng số.
Luật Công nghiệp công nghệ số (Luật số 71/2025/QH15)	06/2025 / 01/2026	Thiết lập khung pháp lý chuyên biệt cho AI, bán dẫn, nền tảng số, trung tâm dữ liệu và ngành công nghiệp công nghệ số nói chung.	Nâng cao sức hấp dẫn của Việt Nam đối với dự án FDI công nghệ cao và tạo cơ chế hỗ trợ mới cho đầu tư vào AI, điện toán đám mây, bán dẫn và hạ tầng số.
Nghị định số 255/2026/NĐ-CP về chuyển giá	07/2026	Cập nhật quy định chuyển giá, CbCR và quản lý thuế dựa trên rủi ro theo chuẩn mực OECD.	Tăng yêu cầu tuân thủ đối với tập đoàn đa quốc gia về hồ sơ chuyển giá, minh bạch thuế và báo cáo xuyên biên giới.
Thông tư số 95/2026/TT-BTC (DTA, APA & MAP)	2026	Hướng dẫn DTA, APA, MAP và nghĩa vụ CbCR.	Bổ sung công cụ giúp tập đoàn đa quốc gia giảm tranh chấp chuyển giá và rủi ro thuế quốc tế.
Nghị định số 252/2026/NĐ-CP về quản lý thuế	2026	Tăng cường quản lý thuế dựa trên dữ liệu, kiểm soát hóa đơn điện tử, đối chiếu hồ sơ khai thuế và thanh tra, kiểm tra thuế dựa trên rủi ro.	Doanh nghiệp FDI cần nâng cấp hệ thống ERP, kế toán và kiểm soát nội bộ để đáp ứng yêu cầu minh bạch thuế ngày càng cao.

Nguồn: Chính phủ Việt Nam

Chức năng thương mại cho thập kỷ tới

Đưa hải quan từ chi phí tuân thủ thành nguồn tạo biên lợi nhuận, khả năng chống chịu và tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp kinh doanh thông qua Việt Nam.

Dịch vụ Thuế & Pháp lý – Thuế quốc tế tích hợp

110+

chuyên gia trong bộ phận Thuế tích hợp của KPMG Việt Nam, bao gồm thương mại & hải quan, chuyển giá và thuế quốc tế

1 đội ngũ

Chuyên gia thương mại & hải quan, thuế, chuyển giá, pháp lý và chuỗi cung ứng cùng phối hợp, với sự hỗ trợ trực tiếp từ chuyên gia giải quyết tranh chấp

140+

quốc gia và vùng lãnh thổ trong mạng lưới toàn cầu của KPMG hỗ trợ các vấn đề xuyên biên giới về xuất xứ, phân loại và trị giá hải quan

Vì sao đây là thời điểm then chốt: Bốn yếu tố định hình lại thương mại và hải quan tại Việt Nam

Sự hội nhập của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu được xây dựng trên mạng lưới hiệp định thương mại tự do ngày càng mở rộng. Chính sự hội nhập đó hiện khiến doanh nghiệp đối mặt với biến động thuế quan, giám sát xuất xứ chặt chẽ hơn và khung pháp lý hải quan liên tục được cải cách.

Bất định về thuế quan

Chính sách thuế quan thay đổi của Mỹ có thể làm thay đổi bài toán kinh tế của hàng "sản xuất tại Việt Nam" chỉ sau một đêm. Doanh nghiệp xuất khẩu cần kế hoạch theo kịch bản, thay vì xử lý bị động.

Thắt chặt giám sát về xuất xứ

Ưu đãi theo CPTPP, EVFTA, RCEP và các FTA khác phụ thuộc vào quy tắc xuất xứ mà cơ quan chức năng hai bên hiện kiểm tra rất chặt chẽ.

Cải cách pháp lý liên tục

Quy định hải quan và yêu cầu báo cáo thay đổi nhanh và có thể được diễn giải khác nhau, gây ra bất định và rủi ro.

Chuyển hướng chuỗi cung ứng

Việc dịch chuyển sản xuất vào và qua Việt Nam đặt ra các vấn đề về trị giá hải quan, chuyển giá và truy xuất nguồn gốc cần được giải quyết đồng bộ.

Khách hàng chúng tôi đồng hành

Nhà sản xuất & xuất khẩu

Doanh nghiệp chế xuất và sản xuất tối ưu thuế, tận dụng FTA và quyết toán cuối năm.

Tập đoàn đa quốc gia gia nhập hoặc mở rộng

Nhà đầu tư thành lập, tái cấu trúc hoặc dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam.

Nhà nhập khẩu, nhà phân phối & nhà bán lẻ

Doanh nghiệp quản lý phân loại, trị giá hải quan và giấy phép cho số lượng mã hàng lớn.

Doanh nghiệp logistics & kho ngoại quan

Doanh nghiệp kho bãi, kho ngoại quan và khu phi thuế quan xây dựng quy trình tuân thủ.

Nhóm giao dịch & nhà đầu tư

Bên mua và bên bán cần định lượng rủi ro hải quan trong thẩm định M&A.

Tập đoàn Việt Nam vươn ra toàn cầu

Doanh nghiệp hàng đầu trong nước xây dựng chức năng thương mại để tăng trưởng ra nước ngoài.

Đồng hành trên mọi giai đoạn đầu tư và vận hành thương mại

Lập kế hoạch |

Thiết kế mạng lưới

Chiến lược chuỗi giá trị, nguồn cung và FTA trước khi ra quyết định.

Thiết lập |

Gia nhập đúng cách

Phân loại, trị giá, loại hình và hướng dẫn gia nhập thị trường.

Vận hành |

Tuân thủ

Tư vấn thường xuyên, rà soát tuân thủ và quyết toán cuối năm.

Phòng vệ |

Giải quyết tranh chấp

Kiểm tra, khiếu nại và xác định trước với cơ quan chức năng.

1. Gia nhập thị trường, Chiến lược & Chuyển đổi

Lập kế hoạch gia nhập

Tư vấn cho các doanh nghiệp đang gia nhập hoặc mở rộng hoạt động tại Việt Nam về yêu cầu thương mại và hải quan, bao gồm cơ cấu xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, các vấn đề liên quan đến thuế và nghĩa vụ thuế, cấp phép, các ưu đãi cùng những cơ chế hải quan đặc thù; đưa ra khuyến nghị thiết thực nhằm tối ưu hóa mô hình vận hành dự kiến và giảm thiểu rủi ro hải quan.

Quản trị chuỗi giá trị & Tái cấu trúc chuỗi cung ứng

Đánh giá và tối ưu hóa chuỗi giá trị toàn cầu, nguồn cung ứng, sản xuất, phân phối và luồng giao dịch xuyên biên giới để giảm chi phí hải quan, cải thiện việc sử dụng FTA, tăng cường hiệu quả và khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng, và quản lý rủi ro tuân thủ thương mại.

Chuyển đổi công nghệ trong thương mại toàn cầu

Phối hợp cùng các đồng nghiệp và đối tác trên toàn cầu để tối ưu hóa các hệ thống quản lý thương mại, đồng thời tận dụng những công cụ tiên tiến nhằm đẩy nhanh tốc độ vận hành, tăng cường khả năng hiển thị, tinh giản quy trình và củng cố công tác tuân thủ.

2. Tối ưu hóa Thuế & Thương mại

Phân loại hàng hóa & Tối ưu hóa thuế quan

Phân loại chính xác sản phẩm theo Hệ thống Hải hòa (HS), đồng thời đánh giá thiết kế, thành phần, công năng, nguồn cung và phương thức nhập khẩu để xác định các giải pháp tiết kiệm thuế bền vững thông qua tối ưu hóa thuế quan.

Lập kế hoạch & đánh giá FTA

Đánh giá lợi ích của FTA có thể áp dụng trong toàn chuỗi cung ứng trên cơ sở ưu đãi thuế quan và quy tắc xuất xứ; xác định cơ hội tiết kiệm thuế và xây dựng chiến lược nguồn cung, sản xuất, chuỗi cung ứng, đồng thời quản lý yêu cầu về chứng từ và khả năng truy xuất nguồn gốc.

Lập kế hoạch & Bảo vệ trị giá hải quan

Quản lý rủi ro về trị giá và tối ưu hóa nghĩa vụ thuế nhập khẩu thông qua đánh giá giá giao dịch giữa các bên liên kết, tiền bản quyền, khoản trợ giúp, điều chỉnh giá chuyển nhượng và các yếu tố chịu thuế khác; đồng thời xây dựng phương pháp xác định trị giá và hồ sơ hỗ trợ có cơ sở bảo vệ vững chắc.

3. Vận hành & Quản trị Thương mại

Phát triển quy trình nghiệp vụ chuẩn về Hải quan

Xây dựng và hoàn thiện các SOP nhằm chuyển hóa yêu cầu về Thương mại & Hải quan thành quy trình thực tiễn, bao quát phân loại, trị giá, xuất xứ và quản lý FTA, thủ tục xuất nhập khẩu, miễn thuế, báo cáo, lưu trữ hồ sơ và kiểm soát nội bộ.

Tư vấn Thương mại & Hải quan thường xuyên & theo yêu cầu

Cung cấp khả năng tiếp cận linh hoạt với chuyên gia Thương mại & Hải quan để xử lý các vấn đề kỹ thuật thường nhật, phương án kinh doanh mới, thay đổi quy định và các vấn đề hải quan phát sinh; đồng thời đưa ra tư vấn thiết thực, kịp thời nhằm hỗ trợ ra quyết định và quản lý rủi ro tuân thủ.

4. Tuân thủ Hải quan

Hỗ trợ quyết toán hải quan cuối năm

Lập và rà soát báo cáo quyết toán hải quan cuối năm và đối chiếu tồn kho, tập trung bảo đảm tính nhất quán giữa dữ liệu nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, tồn kho và định mức tiêu hao nguyên vật liệu nhằm xác định chênh lệch trước khi nộp và củng cố hồ sơ chứng minh.

Rà soát tuân thủ & Thẩm định hải quan

Đánh giá tính hiệu lực của khung tuân thủ hải quan trên các khía cạnh phân loại, trị giá, xuất xứ, miễn thuế, thủ tục hải quan, hồ sơ và kiểm soát nội bộ; đồng thời thực hiện thẩm định hải quan phục vụ giao dịch M&A nhằm xác định nghĩa vụ tiềm ẩn trong quá khứ, rủi ro liên quan đến giao dịch và các nội dung cần khắc phục.

5. Xin ý kiến hướng dẫn & Giải quyết tranh chấp

Tư vấn và hỗ trợ xin ý kiến hướng dẫn của cơ quan hải quan

Hỗ trợ nộp hồ sơ xin hướng dẫn và làm việc với cơ quan hải quan thông qua đánh giá quan điểm kỹ thuật, lập phân tích và hồ sơ hỗ trợ, đồng thời hỗ trợ các yêu cầu về phân loại, trị giá và xuất xứ nhằm thiết lập phương án xử lý hải quan có tính dự báo và cơ sở bảo vệ cao hơn.

Kiểm tra sau thông quan & Giải quyết tranh chấp

Chuẩn bị và hỗ trợ quản lý các cuộc kiểm tra sau thông quan thông qua đánh giá nghĩa vụ tiềm ẩn, xây dựng chiến lược bảo vệ và hỗ trợ làm việc với cơ quan hải quan; khi phát sinh tranh chấp, cung cấp phân tích kỹ thuật và hỗ trợ chiến lược nhằm xử lý kết luận kiểm tra và hướng tới giải pháp thực tiễn.

Đội ngũ chuyên gia, được hậu thuẫn bởi mạng lưới toàn cầu

KPMG Việt Nam vận hành một trong những bộ phận tư vấn Thương mại quốc tế & Hải quan lớn nhất cả nước, với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm trong nước và quốc tế cùng uy tín đã được khẳng định. Bộ phận này thuộc Thuế quốc tế tích hợp – bộ phận duy nhất tại Việt Nam kết hợp thương mại & hải quan, giá giao dịch liên kết và thuế quốc tế trong cùng một đội ngũ.

Các chuyên gia của chúng tôi phối hợp chặt chẽ với đội ngũ Giải quyết tranh chấp thuế, với kinh nghiệm và mối quan hệ làm việc với cơ quan chức năng giúp bảo vệ quan điểm của bạn khi phát sinh tranh chấp.

Vì sao chọn KPMG

Mạng lưới toàn cầu Chuyên gia trong mọi ngành và khu vực địa lý, giúp bạn ứng phó với môi trường nhiều biến động và xây dựng lộ trình thành công.	Công nghệ KPMG Digital Gateway cung cấp các công cụ giúp đẩy nhanh quản lý dữ liệu, nâng cao hiệu quả và tăng cường tuân thủ trong toàn chức năng thương mại.	Chuyên môn sâu rộng Kinh nghiệm thực tiễn về phân loại, xuất xứ, trị giá và các loại hình đặc thù, bảo đảm tuân thủ cho nhiều doanh nghiệp lớn trên cả nước.
Hỗ trợ toàn diện Hỗ trợ chuyên nghiệp ở mọi giai đoạn điều tra và kiểm tra hải quan, với giải pháp thực tiễn phù hợp với cách thức vận hành thực tế của doanh nghiệp.	Dịch vụ hướng đến giá trị Cơ cấu phí cạnh tranh, giúp khách hàng nhận được giá trị tối đa từ khoản đầu tư vào dịch vụ của KPMG.	Góc nhìn tích hợp Tư vấn về hải quan, chuyển giá và thuế quốc tế nhất quán với nhau, để giải pháp ở lĩnh vực này không tạo ra rủi ro ở lĩnh vực khác.

Khi nào nên liên hệ chúng tôi: Những tình huống trao đổi sớm mang lại lợi ích rõ rệt

- Bạn nhận được thông báo kiểm tra sau thông quan hoặc thanh tra hải quan
- Bạn không chắc hàng hóa có đủ điều kiện xuất xứ ưu đãi hay không
- Điều chỉnh giá giao dịch liên kết có thể ảnh hưởng đến trị giá hải quan đã khai báo
- Tranh chấp phân loại đang gây rủi ro về thuế hoặc xử phạt
- Thay đổi thuế quan đang ảnh hưởng đến giá xuất khẩu hoặc quyết định nguồn cung
- Quyết toán hải quan cuối năm phát hiện chênh lệch hàng tồn kho hoặc nguyên vật liệu
- Bạn đang dịch chuyển hoặc gia tăng sản xuất và cần lựa chọn đúng loại hình
- Hệ thống ERP hoặc hệ thống thương mại không xuất được chứng từ cơ quan chức năng yêu cầu

Gặp gỡ chuyên gia



Nhân Huỳnh

Thành viên Điều hành, Trưởng Dịch vụ Tư vấn Thương mại quốc tế & Hải quan, Tư vấn Quản trị Chuỗi cung ứng



Nguyễn Thu Hường

Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Bộ phận Giải quyết tranh chấp & bất đồng về thuế



Nguyễn Nhật Linh

Giám đốc, Tư vấn Thương mại quốc tế & Hải quan



Vương Quang Thuận

Giám đốc, Tư vấn Thương mại quốc tế & Hải quan

Giải thưởng về dịch vụ Thuế

Công ty Tư vấn Giá Giao dịch Liên kết xuất sắc của năm



KPMG Việt Nam được vinh danh là Công ty Tư vấn Giá Giao dịch Liên kết xuất sắc của năm tại Giải thưởng của Tạp chí Thuế Quốc tế, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương 2024. Đây là năm thứ 8 liên tiếp KPMG Việt Nam nhận giải thưởng này, khẳng định cam kết vững chắc của đội ngũ chuyên gia trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn thuế chuyên nghiệp cho khách hàng.

Công ty Hạng Nhất trong bảng xếp hạng World Tax 2025

KPMG Việt Nam được Tạp chí Thuế Quốc tế (ITR) xếp **Hạng Nhất ở tất cả các hạng mục dịch vụ thuế tại Việt Nam**. Ghi nhận này khẳng định sự xuất sắc liên tục của chúng tôi ở ba hạng mục quan trọng: Hải quan, Thuế doanh nghiệp và Giá Giao dịch Liên kết.



Giải thưởng về dịch vụ Pháp lý

Công ty Luật Xuất sắc

KPMG Luật tại Việt Nam được vinh danh ở
bảy hạng mục tại Giải thưởng Hãng luật Việt
Nam 2026 do Tạp chí Luật Châu Á tổ chức:

Tuân thủ & Quản trị doanh nghiệp; Tuân thủ
dữ liệu & An ninh mạng; Đầu tư vào Việt
Nam; Thị trường Nhật Bản; Phá sản & Tái
cấu trúc; Tài chính cấu trúc & Chứng khoán
hóa; Thuế.

ASIA BUSINESS
LAW JOURNAL

Award Winning
Law Firm

2026

LAW
ASIA

Xếp hạng The Legal 500

KPMG Luật tại Việt Nam được ghi nhận trong
bảng xếp hạng The Legal 500 ở sáu lĩnh vực
hành nghề, khẳng định năng lực pháp lý và niềm
tin của khách hàng dành cho đội ngũ của chúng
tôi trong các vấn đề pháp lý trọng yếu:

Ngân hàng và Tài chính; Thuế; Doanh nghiệp và
Mua bán – sáp nhập; Công nghệ, Truyền thông
và Viễn thông; Bảo vệ dữ liệu; Bất động sản và
Xây dựng

Ngân hàng và quản lý ngoại hối

1. TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ

Cập nhật pháp lý quan trọng

Thông tư số 83/2026/TT-NHNN, có hiệu lực từ ngày 18/8/2026, đưa ra khung quy định mới về tài khoản vốn đầu tư nước ngoài, thay thế cách tiếp cận truyền thống dựa trên DICA/IICA và đồng bộ quản lý ngoại hối với chế độ đầu tư mới của Việt Nam.

- Sự phân biệt truyền thống giữa Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp (DICA) và Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) đã được điều chỉnh và thay thế bằng khung tài khoản vốn đầu tư rộng hơn, phù hợp với Luật Đầu tư mới.
- Nhà đầu tư nước ngoài cần đánh giá yêu cầu mở tài khoản dựa trên cấu trúc đầu tư và cơ cấu sở hữu của tổ chức kinh tế nhận đầu tư, thay vì chỉ dựa vào cách phân biệt đầu tư trực tiếp - gián tiếp truyền thống.
- Nhà đầu tư nước ngoài nhìn chung phải sử dụng tài khoản vốn đầu tư chuyên dụng mở tại ngân hàng được phép ở Việt Nam cho các dòng vốn liên quan đến đầu tư.
- Các tài khoản này được dùng để góp vốn, chuyển nhượng vốn, giao dịch vay nước ngoài (nếu có) và chuyển ra nước ngoài các khoản thu từ đầu tư và lợi nhuận.

2. QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

Việt Nam áp dụng chế độ quản lý ngoại hối có kiểm soát. Giao dịch ngoại tệ nhìn chung phải được thực hiện qua tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tài chính khác được NHNN cho phép.

Đồng Việt Nam (VND) không phải là đồng tiền tự do chuyển đổi, và phần lớn giao dịch tiền tệ tại Việt Nam phải thực hiện bằng VND, trừ trường hợp pháp luật cho phép.

Nhà đầu tư nước ngoài có thể mua ngoại tệ qua ngân hàng được phép và chuyển tiền ra nước ngoài cho các mục đích hợp pháp, bao gồm giao dịch vốn, trả nợ vay nước ngoài và chuyển lợi nhuận, với điều kiện tuân thủ quy định hiện hành và có chứng từ hợp lệ.

3. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể tài trợ hoạt động đầu tư thông qua:

- Vốn chủ sở hữu do nhà đầu tư góp;
- Vay trong nước;
- Vay nước ngoài theo quy định về vay nước ngoài của Việt Nam.

Các dòng vốn xuyên biên giới liên quan đến hoạt động đầu tư vẫn chịu sự điều chỉnh của quy định về ngân hàng và ngoại hối do NHNN quản lý.

4. CHUYỂN VỐN VÀ LỢI NHUẬN RA NƯỚC NGOÀI

Việt Nam cho phép nhà đầu tư nước ngoài chuyển ra nước ngoài lợi nhuận hợp pháp, vốn đầu tư và các khoản thu hợp pháp khác từ đầu tư sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính và thuế.

Việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài nhìn chung được thực hiện:

- Hằng năm, sau khi kết thúc năm tài chính và đáp ứng các yêu cầu theo quy định; hoặc
- Khi chấm dứt, thanh lý hoặc chuyển nhượng dự án đầu tư.

Nhà đầu tư phải tuân thủ thủ tục thông báo, thuế và ngoại hối trước khi chuyển tiền.

Gặp gỡ chuyên gia



Nguyễn Mai Phương

Luật sư thành viên,
Trưởng chi nhánh Hà Nội - Công ty Luật KPMG

Kế toán và Báo cáo (1/2)

1. YÊU CẦU VỀ KẾ TOÁN

Chế độ kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), Luật Kế toán 2015 và Luật sửa đổi Luật Kế toán 2024 (các Luật)

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh và nhà thầu nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam (gọi chung là "doanh nghiệp FDI") phải áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn liên quan.

Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành dưới dạng hướng dẫn ghi sổ, bao gồm hệ thống tài khoản chuẩn, biểu mẫu báo cáo tài chính, mẫu sổ kế toán và chứng từ, cùng hướng dẫn chi tiết bút toán kép cho từng tài khoản.

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính chính thức ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC, giải quyết một số vướng mắc khi thực hiện Thông tư số 200/2014/TT-BTC và đưa VAS tiệm cận IFRS ở một số nội dung, đánh dấu bước tiến đáng chú ý trong khung pháp lý kế toán của Việt Nam. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Hiện nay, các yêu cầu chung của VAS và các Luật bao gồm:

Ngôn ngữ: Nếu báo cáo tài chính tại Việt Nam sử dụng tiếng nước ngoài thì phải đồng thời sử dụng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Chứng từ kế toán bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Đơn vị tiền tệ: VND là đơn vị tiền tệ mặc định trong kế toán. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép sử dụng "ngoại tệ" làm đơn vị tiền tệ trong sổ kế toán nếu đáp ứng một số tiêu chí nhất định. Tuy nhiên, trong trường hợp này, báo cáo tài chính nộp cho cơ quan chức năng phải được quy đổi sang VND và phải được kiểm toán.

Chữ số: Công ty và chi nhánh công ty nước ngoài phải nộp báo cáo tài chính cho công ty mẹ hoặc sử dụng cùng phần mềm quản lý với công ty mẹ được phép sử dụng dấu phẩy (,) làm dấu phân cách hàng nghìn và dấu chấm (.) làm dấu thập phân. Tuy nhiên, đối với báo cáo tài chính nộp cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê và cơ quan nhà nước, phải sử dụng dấu chấm (.) làm dấu phân cách hàng nghìn và dấu phẩy (,) làm dấu thập phân.

Biểu mẫu: Phải tuân thủ biểu mẫu báo cáo tài chính quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC. Trường hợp cần thiết để phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp được bổ sung chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, với điều kiện có quy chế kế toán nội bộ về việc bổ sung làm cơ sở thực hiện và phải thuyết minh trong thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài VAS chung, còn có các VAS chuyên ngành dành cho tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư.

2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính áp dụng cho doanh nghiệp FDI tại Việt Nam thường là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12. Doanh nghiệp FDI có đặc thù hoạt động riêng được phép chọn năm tài chính 12 tháng khác, bắt đầu từ ngày đầu tiên của một quý dương lịch và kết thúc vào ngày cuối cùng của quý trước đó năm sau, và phải thông báo cho cơ quan thuế.

Trường hợp năm tài chính đầu tiên hoặc năm tài chính cuối cùng không quá 03 kỳ kế toán tháng liên tiếp, được phép cộng với năm tài chính kế tiếp/trước đó để tạo thành một năm tài chính.

3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam phải lập và nộp Báo cáo tài chính năm cho cơ quan chức năng. Doanh nghiệp FDI và một số loại hình đơn vị (như tổ chức tín dụng) phải được kiểm toán Báo cáo tài chính năm bởi kiểm toán viên độc lập đủ điều kiện.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất (KCX) hoặc khu công nghiệp (KCN), Báo cáo tài chính năm có thể phải nộp cho Ban Quản lý KCX hoặc KCN. Báo cáo tài chính năm phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Kế toán và Báo cáo (2/2)

4. SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀ CHỨNG TỪ

Các loại tài liệu kế toán

Tài liệu kế toán bao gồm chứng từ kế toán, sổ chi tiết, sổ cái và báo cáo tài chính. Tài liệu kế toán phải được lưu trữ bản gốc, trừ trường hợp bản sao được pháp luật cho phép.

Chứng từ điện tử

Chứng từ và sổ kế toán điện tử không bắt buộc in ra để lưu trữ. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải bảo đảm an toàn thông tin và khả năng truy cập dữ liệu trong suốt thời hạn lưu trữ. Doanh nghiệp phải in tài liệu kế toán điện tử, có chữ ký và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật hoặc kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán) khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu phục vụ thanh tra, kiểm tra.

Bảo quản và lưu trữ tài liệu

Chứng từ và sổ kế toán của doanh nghiệp FDI phải được lưu trữ tại trụ sở doanh nghiệp ở Việt Nam hoặc tại cơ sở lưu trữ bên ngoài tại Việt Nam. Yêu cầu này áp dụng trong suốt thời gian hoạt động ghi trên GCNĐKĐT. Khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động tại Việt Nam, người đại diện theo pháp luật quyết định nơi lưu trữ tài liệu kế toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Thời hạn lưu trữ khác nhau tùy theo loại tài liệu, tối thiểu là năm năm và mười năm. Một số loại tài liệu phải lưu trữ vĩnh viễn.

5. BỔ NHIỆM KẾ TOÁN TRƯỞNG HOẶC NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Doanh nghiệp phải bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc thuê dịch vụ kế toán trưởng. Kế toán trưởng phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn. Nếu chưa thể bổ nhiệm ngay kế toán trưởng, doanh nghiệp có thể bổ trí người phụ trách kế toán trong thời hạn tối đa 12 tháng. Doanh nghiệp siêu nhỏ có thể bổ trí người phụ trách kế toán thay cho kế toán trưởng.

Người nước ngoài có thể được bổ nhiệm làm kế toán trưởng nếu có:

- Chứng chỉ chuyên môn kế toán hoặc chứng chỉ kế toán/kiểm toán do tổ chức nghề nghiệp nước ngoài cấp và được Bộ Tài chính công nhận.
- Chứng chỉ hành nghề kế toán/kiểm toán do Bộ Tài chính cấp.
- Chứng chỉ kế toán trưởng sau khi hoàn thành khóa bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của Bộ Tài chính.
- Tối thiểu 2 năm kinh nghiệm kế toán, trong đó có ít nhất 1 năm kinh nghiệm kế toán tại Việt Nam.

Luật cấm những người sau đây làm kế toán trong doanh nghiệp:

- Người chịu trách nhiệm điều hành, quản lý doanh nghiệp;
- Thủ kho;
- Thủ quỹ;
- Người phụ trách mua, bán hàng của đơn vị.

6. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Doanh nghiệp phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm:

- Bảo đảm tài sản được bảo vệ, tránh sử dụng sai mục đích và kém hiệu quả.
- Bảo đảm các nghiệp vụ được phê duyệt bởi người có thẩm quyền và được ghi chép đầy đủ, làm cơ sở lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý.

Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng quy chế quản trị nội bộ (hoặc văn bản tương đương) và tổ chức kiểm soát nội bộ, quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân khởi tạo, thực hiện, quản lý và giám sát các nghiệp vụ kinh tế, đồng thời bảo đảm tuân thủ pháp luật hiện hành.

Gặp gỡ chuyên gia



Chang Hung Chun

Phó Tổng Giám đốc Điều hành,
Trưởng Bộ phận Kiểm toán

IFRS tại Việt Nam: Mở lối từ 2027

Ngày 18/8/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 118/2026/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01/01/2027), cho phép doanh nghiệp là thành viên Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam lựa chọn lập báo cáo tài chính theo IFRS, áp dụng toàn bộ và nhất quán cho từng năm tài chính, kèm thuyết minh chuyển đổi theo IFRS 1.

Việc áp dụng là tự nguyện, không bắt buộc, và nghĩa vụ thuế vẫn tuân theo pháp luật thuế Việt Nam. Song song đó, Bộ Tài chính đang xây dựng Chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS) dựa trên IFRS cho toàn nền kinh tế, và Thông tư số 99/2025/TT-BTC đã đưa VAS tiệm cận IFRS.



2020-2021:
Chuẩn bị

Việt Nam chính thức thiết lập lộ trình IFRS/VFRS thông qua Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020.



2022-2025:
Giai đoạn thí điểm

Doanh nghiệp đủ điều kiện và có đủ nguồn lực được tự nguyện áp dụng IFRS cho báo cáo tài chính hợp nhất sau khi thông báo với Bộ Tài chính.



2026:

Thông tư số 99/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, thay thế Thông tư 200 đã áp dụng nhiều năm và đưa chế độ kế toán Việt Nam tiệm cận IFRS ở nhiều nội dung.



2027:

Áp dụng IFRS tự nguyện cho thành viên IFC (Thông tư số 118/2026/TT-BTC).



Từ 2027:

Lộ trình VFRS cho các doanh nghiệp khác (đang xây dựng)

LỢI ÍCH CHÍNH CỦA IFRS

Minh bạch

Củng cố niềm tin của các bên liên quan

Mở rộng khả năng tiếp cận vốn

Khả năng so sánh toàn cầu

Khi hoạt động thương mại xuyên biên giới ngày càng sôi động và Việt Nam khẳng định vị thế là điểm đến FDI hấp dẫn, việc áp dụng thống nhất Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, trở nên thiết yếu để thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới sáng tạo.

Tháng 4/2024, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) ban hành IFRS 18, có hiệu lực chính thức trên toàn cầu cho kỳ báo cáo năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2027. Nhằm tăng tính rõ ràng và minh bạch của báo cáo tài chính, IFRS 18 tập trung đặc biệt vào việc phân loại trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Dịch vụ chuyển đổi IFRS toàn diện của KPMG cung cấp mọi hỗ trợ cần thiết cho quá trình chuyển đổi suôn sẻ sang chuẩn mực phù hợp, đồng thời mang đến góc nhìn chuyên sâu và tài liệu chuyên môn về xu hướng báo cáo tài chính toàn cầu cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, ban điều hành, các bên liên quan và đại diện cơ quan nhà nước.

Nguồn: Phân tích của KPMG

Gặp gỡ chuyên gia



Phạm Thị Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc, Bộ phận Kiểm toán,
Trưởng Bộ phận Tư vấn Chuyển đổi IFRS

Nhấn vào [đây](#) để tìm hiểu dịch vụ chuyển đổi IFRS của chúng tôi.
Tìm hiểu thêm về khác biệt giữa VAS và IFRS.
([EN](#) | [VN](#))

Cập nhật thông tin
Nhấn vào [đây](#) để tìm hiểu thêm cách KPMG có thể hỗ trợ.

Bảo mật dữ liệu ngày càng quan trọng

Việc ứng dụng nhanh các công nghệ sử dụng nhiều dữ liệu đã làm gia tăng rủi ro về quyền riêng tư, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu. Để giải quyết những thách thức này, Việt Nam đã ban hành khung pháp lý toàn diện ngày càng tương thích với chuẩn mực quốc tế, bao gồm Quy định chung về bảo mật dữ liệu của EU (GDPR). Doanh nghiệp hiện phải đáp ứng nghĩa vụ tuân thủ và trách nhiệm giải trình cao hơn.

Các cơ quan quản lý trên toàn thế giới đang tăng cường giám sát và thực thi trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu. Cả trong và ngoài Việt Nam, các quy định mới đang được xây dựng để phòng ngừa và xử lý hiệu quả các vấn đề về quyền riêng tư.

Pháp luật về dữ liệu của Việt Nam đã phát triển đáng kể, từ giai đoạn xây dựng văn bản mới năm 2023 và nổi bật là Luật Dữ liệu 2024, sang giai đoạn hoàn thiện và tăng cường thực thi với Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 và Nghị định 330 năm 2026. Khung pháp lý này quy định toàn diện về quản lý dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng, có tác động lớn đến doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam với chế tài nghiêm khắc hơn.


Personal data protection (PDP) Regulation Legal Services

KPMG Việt Nam cung cấp bộ dịch vụ toàn diện giúp doanh nghiệp xử lý các vấn đề phức tạp trong quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đội ngũ chuyên gia của chúng tôi sẵn sàng đưa ra giải pháp phù hợp, bảo đảm tuân thủ và bảo vệ dữ liệu của bạn.

Nhấn vào [đây](#) để tìm hiểu thêm cách KPMG có thể hỗ trợ.

Đăng ký ngay

Truy cập [đường dẫn này](#) hoặc quét mã để đăng ký nhận bản tin cập nhật thuế và pháp lý qua email



Cập nhật thông tin

Truy cập [đường dẫn này](#) hoặc quét mã để xem các ấn phẩm thuế và pháp lý mới nhất



Nguồn: Chính phủ Việt Nam, Phân tích của KPMG

Gặp gỡ chuyên gia



Bùi Thị Thanh Ngọc

Luật sư thành viên, Công ty Luật KPMG



Trần Bảo Trung

Giám đốc, Công ty Luật KPMG

Tiến trình

2023

Nghị định số 13/2023/NĐ-CP
Ngày 17/4/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 13 về bảo vệ DLCN, có hiệu lực từ ngày 01/7/2023. Nghị định 13 thiết lập khung bảo vệ dữ liệu cá nhân toàn diện.

2024

Luật Dữ liệu
Luật Dữ liệu đầu tiên của Việt Nam (Luật số 60/2024/QH15) được Quốc hội thông qua ngày 30/11/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

2025

Nghị định số 24/2025/NĐ-CP
Nghị định 24 ban hành ngày 21/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tăng mức xử phạt đối với vi phạm liên quan đến DLCN.

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (Luật BVDLCN)
Luật BVDLCN mới (Luật số 91/2025/QH15), ban hành ngày 26/6/2025, kế thừa các nguyên tắc cốt lõi của Nghị định 13, đồng thời đưa ra các yêu cầu chi tiết và cụ thể hơn. - Xem thêm [tại đây](#).

Nghị định số 356/2025/NĐ-CP
Nghị định 356 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, thay thế Nghị định số 13/2023/NĐ-CP. Nghị định thiết lập khung pháp lý toàn diện hơn về vòng đời dữ liệu, bao gồm chia sẻ dữ liệu trong nội bộ tập đoàn và chuyển giao cho bên thứ ba.

2026

Nghị định số 330/2026/NĐ-CP
Nghị định do Chính phủ ban hành ngày 19/8/2026, thiết lập chế độ xử phạt hành chính chuyên biệt đầu tiên của Việt Nam đối với vi phạm về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, tăng cường đáng kể công tác thực thi và giám sát.

Khởi thông kinh tế tư nhân

Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, đánh dấu bước đi mang tính biểu tượng trong công cuộc cải cách kinh tế của Việt Nam, khẳng định khu vực tư nhân là động lực của tăng trưởng và đổi mới sáng tạo. Nghị quyết tháo gỡ các rào cản hiện hữu và tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, góp phần vào sự phát triển kinh tế quốc gia.

Mục tiêu đến năm 2030

2 triệu

Doanh nghiệp đang hoạt động

≥20

Doanh nghiệp tư nhân lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu

10-12%/năm

Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân

55-58%

Đóng góp vào GDP

Trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Top3

trong ASEAN

Top5

tại châu Á

Tầm nhìn đến năm 2045

≥3 triệu

Doanh nghiệp đang hoạt động

>60%

Đóng góp vào GDP

- Phát triển nhanh, mạnh, bền vững; tham gia tích cực vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.
- Chủ động tham gia chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu và có năng lực cạnh tranh cao ở tầm khu vực và quốc tế.

Kết quả bước đầu

Một năm sau khi ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những dấu mốc đột phá.

1.1 triệu

Doanh nghiệp đang hoạt động tính đến ngày 18/5/2026

111,700

Doanh nghiệp thành lập mới 6T/2026
(+22.5% so với cùng kỳ)

52 tỷ USD

Tổng vốn đăng ký mới 6T/2026
(+64.8% so với cùng kỳ)

0.47 triệu USD

Vốn đăng ký bình quân mỗi doanh nghiệp
(+34.5% so với cùng kỳ)

Thị trường niềm yết mới của Việt Nam phục hồi mạnh mẽ với bốn doanh nghiệp IPO trong nửa đầu năm nay, nhờ cải cách pháp lý và nguồn thương vụ quy mô lớn dồi dào.

Các thương vụ IPO thành công và giá trị giao dịch tại Việt Nam, 6T/2026



07/01

Hoa Phat Agriculture Development
49 triệu USD



14/01

Gelex Infrastructure
111 triệu USD



16/06

LPBank Securities
162 triệu USD



30/06

Dien May Xanh Investment
>500 triệu USD

Các thương vụ IPO dự kiến tại Việt Nam

Nhiều doanh nghiệp lớn như Long Chau, Misa, Highlands Coffee, Thaco, C.P. Vietnam, VNLife, Galaxy Media và DatVietVAC đang chuẩn bị niêm yết hoặc cân nhắc phát hành ra công chúng, tạo kỳ vọng về một chu kỳ IPO mới.



06

Phụ lục

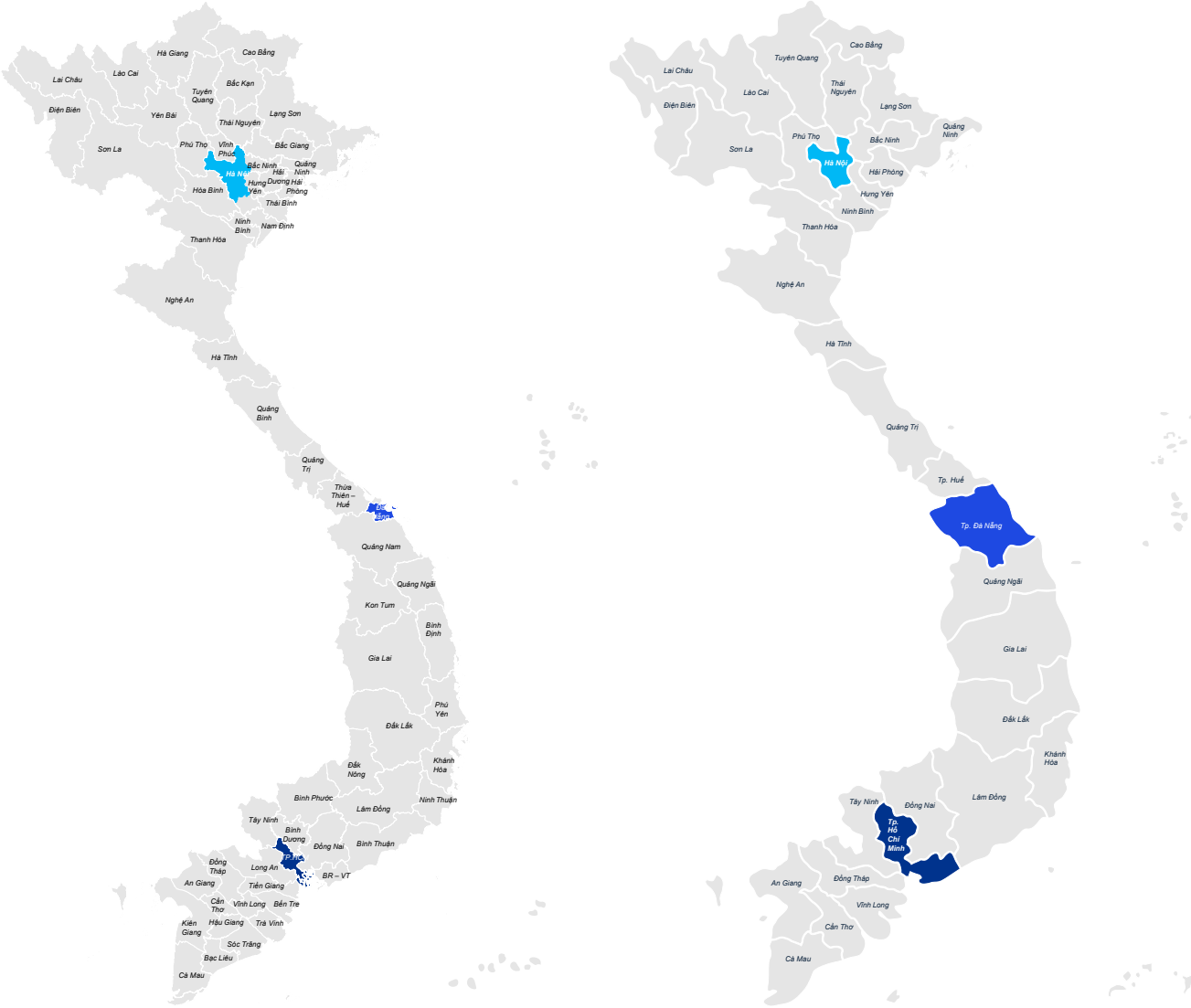
Sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Ngày 12/4/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII thông qua Nghị quyết số 60-NQ/TW, khởi động việc sắp xếp đơn vị hành chính và thiết lập mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Bản đồ Việt Nam sau sáp nhập tỉnh

Bản đồ cũ

Bản đồ mới



Tóm tắt Nghị quyết số 60-NQ/TW

Giảm từ 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xuống còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh



Không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện



Sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã



Nguồn: B&Company Vietnam, Phân tích của KPMG

Hoạt động đối ngoại gần đây của KPMG

Khu vực tư nhân

Tháng 7/2026

Ông Warrick Cleine MBE, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc KPMG Việt Nam và Campuchia, Chủ tịch BCAC của Britcham, đã tham dự Hội nghị của **Thủ tướng Chính phủ** với cộng đồng doanh nghiệp tại Hà Nội, tập trung thảo luận các ưu tiên chính sách, cơ hội đầu tư và những thách thức chính đối với khu vực tư nhân.



NEV

Tháng 6/2026

Đại diện KPMG Việt Nam, ông Trần Thanh Tâm, Trưởng Khối Thị trường & Đối ngoại, đã tiếp đón **Viện Ô tô Thái Lan** để trao đổi về xe năng lượng mới (NEV), giao thông thông minh và năng lực cạnh tranh công nghiệp của Việt Nam.



Ngân hàng

Tháng 4/2026

Ông Nguyễn Ngọc Nam, Giám đốc, và bà Phạm Thị Quỳnh Như, Phó Giám đốc, Khối Tư vấn Ngành Tài chính – Ngân hàng, KPMG Việt Nam, chia sẻ về Thông tư số 83/2025/TT-NHNN tại hội thảo đồng tổ chức với **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**, tập trung vào quản lý rủi ro đối với tổ chức tín dụng.



Tháng 6/2026

FDI

Bà Nguyễn Thu Hương, Trưởng Bộ phận Giải quyết tranh chấp & bất đồng về thuế, đại diện KPMG Việt Nam tham dự Hội nghị toàn quốc về Nghị quyết số 10 – nghị quyết đầu tiên của Bộ Chính trị chuyên về khu vực FDI – do **Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm** chủ trì.



Tháng 5/2026

Chuyển đổi số

Ông Warrick Cleine MBE, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc KPMG Việt Nam và Campuchia, dẫn đầu đoàn làm việc với **Kiểm toán Nhà nước Việt Nam** về chất lượng kiểm toán, chuyển đổi số và ứng dụng AI trong kiểm toán.



Tháng 3/2026

Y tế

KPMG Việt Nam phối hợp với **Chính phủ Anh** tổ chức và hỗ trợ chuyển công tác chính thức tại Vương quốc Anh của đoàn **Bộ Y tế** Việt Nam, thúc đẩy đối thoại về chính sách, quản lý và hợp tác trong lĩnh vực y tế.





Liên hệ

Bộ phận Khách hàng nói tiếng Trung

Lim Chew Teng

TP. HCM & Hà Nội

Chen Chia-Chen (Brian)

TP. HCM, Bộ phận Khách hàng Đài Loan

Fang Kun

TP. HCM

Nguyễn Thanh Tú

Hà Nội

Bộ phận Khách hàng Nhật Bản

Taninaka Yasuhisa

TP. HCM & Hà Nội

Furuya Hideki

TP. HCM

Khu vực miền Trung

Phạm Thị Bích Hiền

Văn phòng Đà Nẵng

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ

Trần Thanh Tâm

Trưởng Khối thị trường & Đối ngoại

Nguyễn Thị Thu Tâm

Trưởng Bộ phận Marketing & Truyền thông

Bộ phận Khách hàng Hàn Quốc

Lim Young-Beom

TP. HCM

Park Seung-Hwan (Eric)

Hà Nội

Bộ phận Khách hàng Thái Lan

Phakkanit Ua-Amornwanit (Gift)

TP. HCM

Kaewsrion Punnika (Om)

TP. HCM & Hà Nội



Văn phòng của chúng tôi

Việt Nam

Hà Nội

Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam

T +84 (24) 3946 1600

Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +84 (28) 3821 9266

Đà Nẵng

Tầng 5, Tòa nhà Indochina Riverside Towers, 74 Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

T +84 (236) 351 9051



Quét mã để truy cập website: kpmg.com.vn

Email: info@kpmg.com.vn

Campuchia

Phnom Penh

Tầng 35, GIA Tower, đường Sopheap Mongkul Street, Diamond Island Sangkat Tonle Bassac, Khan Chomkarmon, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia

T +855 (17) 666 537 | +855 (81) 533 999



Quét mã để truy cập website: kpmg.com.kh

Email: info@kpmg.com.kh

Một vài hoặc tất cả các dịch vụ được miêu tả trong tài liệu này có thể sẽ không được phép cung cấp cho khách hàng kiểm toán của KPMG và các công ty liên kết hoặc các công ty liên quan của các khách hàng đó.

Mọi thông tin trong tài liệu này đều là thông tin chung và không nhằm mục đích cung cấp tư vấn cho trường hợp cụ thể của bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào. Mặc dù chúng tôi cố gắng cung cấp thông tin chính xác và cập nhật nhất một cách có thể, chúng tôi không thể đảm bảo rằng những thông tin này còn chính xác lúc người đọc nhận được hoặc sẽ duy trì tính chính xác này trong tương lai. Bất cứ ai cũng không nên quyết định hành động dựa trên những thông tin trong tài liệu này nếu không có sự tư vấn phù hợp từ các chuyên gia sau khi xem xét từng tình huống cụ thể.

Tên và biểu tượng KPMG là nhãn hiệu thương mại được cấp phép sử dụng cho các công ty thành viên độc lập của tổ chức các công ty KPMG toàn cầu.

© 2026 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.